

CHUYÊN ĐỀ: TRUYỆN

Chuyên đề gồm có các phần sau:

Phần Một: Đọc hiểu truyện

- I. Kỹ năng đọc hiểu.
- II. Ví dụ minh họa
- III. Đề xuất các luyện các đề

Phần Hai: Viết

I. Viết đoạn văn

1. Hướng dẫn kỹ năng viết.
2. Đoạn văn mẫu.

II. Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá về tác phẩm truyện.

1. Hướng dẫn kỹ năng viết.
2. Bài văn mẫu.

III. Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá về một nhân vật trong truyện.

1. Hướng dẫn kỹ năng viết.
2. Bài văn mẫu.

Phần Ba: Lí luận nâng cao.

1. Các ý kiến về truyện và văn học nghệ thuật.
2. Chuyên đề chuyên sâu về truyện

Phần Bốn: Luyện đề

- I. Thần thoại.
- II. Truyện hiện đại
- III. Câu chuyện quà tặng cuộc sống.

PHẦN MỘT: ĐỌC HIỂU TRUYỆN

I. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA TRUYỆN

1. Khái niệm và đặc điểm truyện ngắn:

a. Khái niệm:

- Truyện ngắn là thể loại tự sự, tác giả dùng lời kể, lời miêu tả để trình bày chuỗi sự kiện này dẫn đến sự kiện khác để đi đến một kết thúc có ý nghĩa nào đó.
- Truyện ngắn là lát cắt rất mỏng cắt ngang qua cuộc đời của nhân vật bằng một khoảnh khắc, một thời gian ngắn => Qua lát cắt đó, giúp người đọc hiểu về tính cách, số phận, phẩm chất của nhân vật.

VD1: Truyện ngắn "*Bầy chim chìa vôi*" của Nguyễn Quang Thiều: **Sự việc 1:** nước sông dâng cao khiến hai anh em Mon và Mên không ngủ được => **Sự việc 2:** hai anh em quyết định lấy đồ của ông Hảo đi giải cứu bầy chim chìa vôi => **Sự việc 3:** hai anh em vui mừng, hạnh phúc trong niềm xúc động trào dâng khi thấy bầy chim chìa vôi bay lên => **Kết thúc:** hai anh em khóc trong cảnh bầy chim bay lên lúc bình minh.

=> Truyện là một lát cắt được bắt đầu từ đêm mưa cho đến sáng hôm sau trong không gian trời mưa, sông nước mênh mông của đầu mùa lũ => Qua lát cắt đó, người đọc hiểu được vẻ đẹp tâm hồn ngây thơ, tình thương lòng trắc ẩn của hai anh em Mon và Mên.

VD2: Truyện ngắn "*Chữ người tử tù*" của Nguyễn Tuân: **Sự việc 1:** Huân Cao đứng lên chống lại triều đình nên bị bắt, bị kết án tử hình => **Sự việc 2:** Huân Cao bị đưa đến trại giam tỉnh Sơn, vì thế quản ngục ra sức biệt nhỡn Huân Cao để mong ông hồi tâm chuyển ý cho mình chữ => **Sự việc 3:** Quản ngục nhận được phiến trát, sáng sớm hôm sau Huân Cao bị đưa ra pháp trường, điều này khiến ông rầu rĩ, khi có ông Huân trong tay mình, dưới quyền mình mà không xin được chữ thì ông day dứt suốt đời => đã kể cho thầy thơ lại nghe về nỗi lòng của mình => **Sự việc 4:** Thơ lại kể cho Huân Cao nghe nỗi lòng của của chủ mình, Huân Cao xúc động và quyết định cho chữ, dẫn đến cảnh cho chữ là cảnh xưa nay chưa từng có. => **Sự việc 5:** Huân Cao cho chữ, khuyên quản ngục từ bỏ nghề nghiệp, nơi ở rồi mới nghĩ đến việc chơi chữ => Quản ngục xúc động nghẹn ngào nói như có ròng nước mắt rỉ qua kẽ miệng "*kẻ mê muội này xin bái lĩnh*".

=> **Kết thúc:** Huân Cao cho chữ, khuyên quản ngục từ bỏ nghề nghiệp, nơi ở rồi mới nghĩ đến việc chơi chữ => Quản ngục xúc động nghẹn ngào nói như có ròng nước mắt rỉ qua kẽ miệng "*kẻ mê muội này xin bái lĩnh*" => ý nghĩa: Huân Cao (biểu tượng cho cái đẹp) khuyên quản ngục, quản ngục đã tâm phục khẩu phục, xúc động nghẹn ngào nghe theo lời khuyên của Huân Cao => Nghĩa là Huân Cao đã cảm hóa được quản ngục => Cái đẹp có khả năng cảm hóa con người, cứu rỗi thế giới.

b. Đặc điểm:

- Người kể chuyện:

+ **Ngôi kể thứ nhất:** xưng tôi hoặc chúng tôi, là người trực xuất hiện trong câu chuyện, tham gia chứng kiến câu chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp cho câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, sinh động; người kể chuyện có thể đan xen những suy nghĩ, nhận xét bình luận về những sự việc được chứng kiến; người kể chủ động điều

tiết được nhịp kể. Tuy nhiên, ở ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện chứng kiến được sự việc nào thì kể được sự việc đó nên điểm nhìn trần thuật sẽ bị hạn chế => điểm nhìn hạn chế (biết có giới hạn).

VD1: Trong truyện ngắn "*Lão Hạc*" của nhà văn Nam Cao, người kể chuyện là ông giáo, người đã tham gia vào nhiều sự việc quan trọng trong truyện.

VD2: Trong trích đoạn "Đi lấy mật" trích "*Đất rừng Phương Nam*" của Đoàn Giỏi, người kể chuyện là cậu bé An, nhân vật chính của truyện.

+ **Ngôi kể thứ ba:** Người kể chuyện giấu mặt, không tham gia trực tiếp vào câu chuyện, đứng ngoài quan sát nhưng biết được mọi điều về nhân vật, diễn biến câu chuyện. Với ngôi kể thứ ba, người kể chuyện có thể đi sâu miêu tả diễn biến của mọi nhân vật; người kể tha hồ chủ động sáng tạo không giới hạn. Tuy nhiên, hạn chế của ngôi kể này thiếu khách quan, thiếu sinh động so với ngôi kể thứ nhất.

VD1: Trong truyện ngắn "*Gió lạnh đầu mùa*" của Thạch Lam, người kể chuyện giấu mặt; hay truyện ngắn "*Chữ người tử tù*" của Nguyễn Tuân cũng vậy.

- **Nhân vật:** Chính, trung tâm, phụ:

+ Lai lịch, hoàn cảnh, nguồn gốc, xuất thân.

+ Diện mạo, ngoại hình

+ Lời nói, hành động, cử chỉ

+ Mối quan hệ với các nhân vật khác.

- **Cốt truyện:** Chuỗi các sự kiện, sự việc, chi tiết được gắn kết với nhau chặt chẽ qua một tình huống truyện nào đó.

VD1: Truyện ngắn "*Chữ người tử tù*" của Nguyễn Tuân, cốt truyện xoay quanh các sự việc xin chữ (của quản ngục) và cho chữ (của Huân Cao) => Toàn bộ các sự việc, chi tiết đều gắn kết chặt chẽ với nhau để kể, miêu tả quá trình chuyển biến thay đổi thái độ của Huân Cao đối với quản ngục dẫn đến việc cho chữ.

VD2: Trong truyện "*Bầy chim chìa vôi*" của Nguyễn Quang Thiều, cốt truyện xoay quanh những suy nghĩ và hành động của hai anh em Mon, Mên về việc giải cứu bầy chim chìa vôi khỏi dòng nước lũ.

VD3: Truyện "*Trái tim hổ*" trích "*Những ngọn gió Hua Tát*" của Nguyễn Huy Thiệp, cốt truyện xoay quanh việc săn hổ để lấy trái tim chữa bệnh cho Pù => Các sự việc đều được kết nối xoay quanh cốt truyện đó như: thanh niên trai tráng trong bản đi săn hổ => mất, bỏ cuộc; sau đó Khó đi săn => tiêu diệt được hổ.

VD4: Trong truyện "*Người ở bến sông Châu*" của Sương Nguyệt Minh, cốt truyện được xây dựng xoay quanh cuộc đời của Mây ở các thời điểm khác nhau trong cuộc đời. Đó là Mây khi đi lính về thì người yêu đi lấy vợ; Mây chờ đợi cho Thanh, vợ của San; thím Ba chết, Mây nhận nuôi thằng Cún; Mây trong mối quan hệ với chú Quang. => tất cả các sự việc trên được kết nối chặt chẽ cùng với nhân vật chính, nhân vật trung tâm là Mây => **Khắc họa số phận, vẻ đẹp nhân phẩm của Mây.**

+ **Lưu ý:** Truyện ngắn trữ tình hầu như không có cốt truyện, hoặc cốt truyện rất đơn giản => truyện không có truyện. Ví dụ như các truyện ngắn trữ tình của Thạch Lam (*Hai đứa trẻ*, *Gió lạnh đầu mùa*), truyện của Thanh Tịnh (*Tôi đi học*).

- **Tình huống truyện:** Là cái cớ để xảy ra câu chuyện; là xương sườn để kết nối các sự kiện, sự việc, chi tiết với nhau. Nhờ có tình huống câu chuyện được nảy sinh và phát triển. Trong một truyện có thể có một tình huống hoặc có nhiều tình huống khác nhau. Tình huống truyện bao giờ cũng chứa đựng dụng ý nghệ thuật đặc sắc thể hiện

nội dung tư tưởng chủ đề của truyện, tài năng cá tính sáng tạo của nhà văn. Theo tiến sĩ Chu Văn Sơn, phân loại tình huống truyện làm ba loại: Tình huống hành động, tình huống nhận thức và tình huống tâm lí.

VD1: Truyện ngắn "*Chữ người tử tù*" của Nguyễn Tuân, tình huống truyện chính là cuộc gặp gỡ của Huân Cao với quản ngục ở chốn ngục tù tăm tối => tác phẩm chỉ có 1 tình huống (xoay quanh cuộc gặp gỡ kì lạ, dẫn đến việc xin chữ và cho chữ).

VD2: Truyện ngắn "*Vợ chồng A Phủ*" của Tô Hoài, **có 4 tình huống** chính: **Tình huống 1:** Do món nợ truyền kiếp Mị bị bắt về làm dâu gạt nợ; **tình huống 2:** A Phủ đánh con quan bị bắt phạt và bị biến thành nô lệ chung thân truyền kiếp; **tình huống 3:** A Phủ vô tình để hổ vồ một con bò => trời đứng chờ chết; **tình huống 4:** Mị và A Phủ gặp cán bộ A Châu kết nghĩa anh em => Đây đều là các cái cớ để câu chuyện phát triển và chuyển sang một hướng rẽ mới => Khắc phục số phận và sức sống của người lao động miền núi dưới chế độ thực dân phong kiến chúa đất.

VD2: Truyện ngắn "*Làng*" của Kim Lân được xây dựng quanh tình huống ông Hai nhân được tin làng Chợ Dầu theo Tây => Sau đó toàn bộ câu chuyện được xoay quanh miêu tả tâm trạng của ông Hai trước tình huống ấy => truyện thuộc tình huống tâm lí, tâm trạng.

VD3: Truyện ngắn "*Lặng lẽ Sa Pa*" của Nguyễn Thành Long xoay quanh cuộc gặp gỡ tình cờ, bất ngờ giữa anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư => qua cuộc gặp gỡ đó, ông họa sĩ đã nhận thức rõ ràng hơn về anh thanh niên, mảnh đất Sa Pa và những con người sống và làm việc ở Sa Pa; ông cũng nhận thức rõ hơn về bản thân. Cuộc gặp gỡ cũng giúp cô kĩ sư nhận thức đầy đủ hơn về quyết định chia tay mỗi tình nhạt nhẽo, yên tâm hơn về quyết định rời xa Thủ đô lên Lai Châu công tác => Truyện thuộc tình huống nhận thức.

VD4: Trong tác phẩm "*Rừng xà nu*" của Nguyễn Trung Thành, nhân vật lại đa số được miêu tả qua hành động: Tnú đập đá vào đầu do học chữ thua Mai, đi nuôi giấu cán bộ, đi đưa thư => nuốt thư vào trong bụng -> chỉ tay vào bụng "cộng sản ở đây này", Tnú vượt ngục, nhảy vào bảo vệ giải cứu vợ con, hét lên một tiếng "giết", bóp chết tên đồn trưởng đồn chỉ huy => Truyện thuộc tình huống hành động.

- Kết thúc: Bao giờ cũng để lại một thông điệp, một ý nghĩa nào đó. Phần kết thúc là cô đọng, sâu lắng và mang sức nặng nghệ thuật, tài năng bản lĩnh của người nghệ sĩ. Chính vì thế, kết thúc truyện bao giờ cũng chứa đựng thông điệp sâu xa, tư tưởng chủ đề mà nhà văn gửi gắm. Kết thúc truyện được chia làm hai loại: kết thúc đóng và kết thúc mở.

+ Kết thúc đóng: Câu chuyện được giải quyết triệt để những mâu thuẫn, xung đột, kết thúc sáng tỏ không khiến cho người đọc phải băn khoăn thắc mắc.

VD: Truyện ngắn "*Vợ chồng A Phủ*" của Tô Hoài: Mị và A Phủ nên vợ nên chồng.

+ Kết thúc mở: Là kết thúc bằng một hình ảnh, một chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng, khơi gợi ở người đọc nhiều liên tưởng suy nghĩ sâu xa nào đó. Kết thúc mở thường tạo ra khoảng trống mênh mông để người đọc suy nghĩ, đồng sáng tạo nên tạo được những dư âm sâu xa vang vọng trong lòng mỗi người đọc.

VD1: Truyện ngắn "*Chí Phèo*" kết thúc bằng hình ảnh thị Nở nhìn xuống bụng, nhìn ra cái lò gạch bỏ hoang xa xa giữa cánh đồng vắng người qua lại => Kết thúc này khiến người đọc dự đoán có thể sẽ có một Chí Phèo con ra đời "nổi nghiệp" bố.

VD2: Truyện ngắn *"Vợ nhặt"* kết thúc bằng hình ảnh Tràng tiếc rẻ vẫn vợ, trong đầu hiện lên hình ảnh đoàn người đi trên đê Sộp đằng trước có lá cờ đỏ sao vàng to lắm => gợi ra có thể gặp đoàn người Việt Minh Tràng sẽ đi theo họ để thoát khỏi cái đói, cái chết, để bảo vệ hạnh phúc mong manh => Kết thúc mở thể hiện cách nhìn đời rất lạc quan của nhà văn.

+ **Lưu ý:** Khi phân tích kết thúc để tìm ra ý nghĩa, thông điệp sâu xa của tác phẩm người đọc cần chú ý những điều sau:

* **Thứ nhất,** cần chú ý xem kết thúc truyện nhân vật đã nói gì với ai? Hành động như thế nào? Hoặc kết thúc bằng hình ảnh nào?

* **Thứ hai,** cần xem những lời nói, hành động, hình ảnh ấy có ý nghĩa như thế nào?

Thứ ba, xem xét mối quan hệ, biểu tượng của người nói, người hành động với người nghe.

VD1: Kết thúc truyện ngắn *"Chữ người tử tù"* của Nguyễn Tuân, Huân Cao biểu tượng cho cái đẹp, Huân Cao khuyên quản ngục, quản ngục xúc động xin bãi lĩnh => Cái đẹp đã cảm hóa được con người, cứu rỗi thế giới.

VD2: Truyện ngắn *"Gió lạnh đầu mùa"* của Thạch Lam kết thúc bằng hình ảnh mẹ ôm hai con vào lòng và nói *"con của tôi quý hóa quá dám lấy áo của tôi cho người ta mượn"*. Hai chữ *"quý hóa"* được người mẹ dùng vừa mang tính chất khen, tự hào về nghĩa cử cao đẹp của các con nhưng hai chữ *"quý hóa"* cũng thể hiện sự nghiêm khắc nhắc nhở mà cũng vô cùng bao dung của một người mẹ nghiêm khắc nhưng cũng yêu thương con vô bờ bến => Thông điệp kết thúc: Tình thương rất quan trọng cần làm, tuy nhiên không nên tùy tiện sử dụng đồ đạc của người khác khi chưa hỏi ý kiến.

- **Thông điệp:** Là những tư tưởng có ý nghĩa xã hội mà nhà văn gửi gắm tới độc giả. Cần căn cứ vào nội dung câu chuyện, ý nghĩa biểu tượng của các nhân vật chính, và phân kết thúc truyện để rút ra những thông điệp ý nghĩa sâu xa.

VD: Truyện ngắn *"Chí Phèo"*, tác giả gửi gắm thông điệp: Chừng nào còn cái xấu, cái ác chừng đó còn hiện tượng Chí Phèo, nghĩa là hiện tượng tha hóa, lưu manh hóa. Từ đó, nhà văn đang lên tiếng kêu cứu thống thiết trong việc bảo vệ lương tri, nhân phẩm của con người trước sự tàn phá của cái ác, cái xấu xa.

II. CÁCH ĐỌC HIỂU TRUYỆN

1. Các bước đọc hiểu truyện:

Dù đọc hiểu bất cứ tác phẩm nào cần cũng thực hiện theo cách đọc hiểu theo ba lớp câu hỏi:

Lớp 1: Câu hỏi hiểu và biết: Các câu hỏi nhận biết về nhân vật, tình huống, ngôi kể, điểm nhìn trần thuật, chi tiết tiêu biểu.

Lớp 2: Câu hỏi phân tích, lí giải: Phân tích tình huống truyện, phân tích tác dụng của tình huống, phân tích ý nghĩa tác dụng của ngôi kể, phân tích diễn biến cốt truyện, phân tích lí giải vì sao nhân vật nói như vậy? Hành động như vậy? Phân tích kết thúc truyện, ý nghĩa của kết thúc đó?

Lớp 3: Liên hệ, vận dụng: Liên hệ với tác phẩm khác, liên hệ với cuộc sống, liên hệ với chính bản thân mình đã trải qua tình huống đó hoặc đã chứng kiến tình huống đó; vận dụng vào cuộc sống và rút ra bài học, thông điệp => Mở rộng nâng cao vấn đề tác giả đặt ra trong tác phẩm.

Để đọc hiểu và trả lời được theo 3 lớp câu hỏi trên, HS có thể thực hiện theo các bước sau:

- **Bước 1: Đọc kĩ, tóm tắt truyện theo các sự kiện, sự việc tiêu biểu.**

+ **Nắm chắc được khái niệm về chi tiết, sự việc tiêu biểu.**

+ **Gạch chân dưới các chi tiết, sự việc tiêu biểu.**

+ **Tóm tắt lại theo nhân vật chính:** để tóm tắt sinh động cần kết hợp lời văn của mình với một số câu văn đặc sắc trong văn bản.

- **Bước 2: Xác định ngôi kể, điểm nhìn trần thuật, cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật.**

+ **Xác định ngôi kể:** Đọc kĩ, xem cách xưng hô, xem người kể chuyện có xuất hiện trong câu chuyện hay không => đi đến kết luận. Cần lí giải việc sử dụng ngôi kể này khiến cho câu chuyện hay, hấp dẫn, ý nghĩa ở đâu?

+ **Cốt truyện:** Là xương sống, xuyên suốt toàn bộ các sự việc tiêu biểu, các biến cố xảy ra trong câu chuyện. Nhờ có cốt truyện, người đọc nắm được nội dung, diễn biến của mạch truyện, hiểu hơn về cuộc đời, số phận của nhân vật.

=> **khí đánh giá cốt truyện:** ta nên xem xét các sự kiện, biến cố để xem cốt truyện đó sắp xếp có hợp lí không? Cốt truyện đó đơn giản hay phức tạp; được xây dựng theo đơn tuyến nhân vật hay đa tuyến hay song tuyến? Cốt truyện đó được sắp xếp theo trình tự không gian và thời gian như thế nào? Điểm đặc biệt trong việc sắp xếp các chi tiết tiêu biểu đặc biệt là các biến cố có hợp lí không? Có dụng ý gì trong việc thể hiện tính cách của nhân vật. Thông qua cốt truyện đó, nhà văn phản ánh hiện thực gì, gửi gắm tâm tư tình cảm gì?

+ **Điểm nhìn trần thuật:** Nghĩa là cảnh vật, con người, tâm tư được chuyển điểm nhìn, sự quan sát của ai (có thể là người kể chuyện, có thể nhân vật trong câu chuyện); sự chuyển điểm nhìn trần thuật làm cho câu chuyện sinh động, hấp dẫn; sự vật được nhìn ở nhiều chiều nhiều phía (nếu có nhiều nhân vật quan sát, đánh giá) hoặc điểm nhìn mang tính chủ quan, cảm tính của của nhân vật. Mỗi điểm nhìn bao giờ cũng kèm theo nhận thức, thái độ, tình cảm của người nhìn đối với cảnh vật, sự việc được miêu tả trong truyện.

=> **Đánh giá điểm nhìn trần thuật,** người đọc sẽ thấy được các nhìn, cách đánh giá, phản ánh hiện thực khách quan của người kể chuyện; đồng thời điểm nhìn trần thuật ta cũng hiểu hơn được nhân vật. Điểm nhìn trần thuật sẽ cho biết khả năng kể chuyện và sự sáng tạo của người nghệ sĩ.

+ **Tình huống truyện:** Cần xem cái cơ để xảy ra câu chuyện là gì? Toàn bộ câu chuyện có phát triển, xoay quanh các sự việc đó hay không => Nếu có thì đó được coi là tình huống truyện.

=> **Đánh giá tình huống truyện:** Xem có éo le không? Kịch tính không? Độc đáo không? Tình huống truyện ở đây là cuộc gặp gỡ giữa ai với ai? Họ có đặc điểm gì về nghề nghiệp, địa vị xã hội hay tính cách. Hai người đó có mối quan hệ với nhau như thế nào? Tương đồng hay tương phản; đồng thuận hay đối địch nhau? Hoàn cảnh họ gặp gỡ nhau ở đây là gì?

+ **Kết luận:** Tình huống xảy ra câu chuyện thuộc loại tình huống nào trong ba tình huống sau:

+ **Tình huống hành động:** Khi xảy ra sự việc đó nhân vật có hành động không? Có hành động liên tục, hành động này có thúc đẩy hành động khác không?

+ **Tình huống tâm lí:** Sau tình huống đó, tác giả có đi sâu miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật hay không?

+ **Tình huống nhận thức:** Sau tình huống xảy ra câu chuyện, nhân vật có nhận thức như thế nào về thiên nhiên, về hoàn cảnh, về mọi người, về chính mình, về lẽ đời...?

- **Bước 3: Phân tích, lí giải các chi tiết và sự việc tiêu biểu bằng cách trả lời các câu hỏi:**

+ Tại sao nhân vật lại có những lời nói, suy nghĩ và hành động như vậy?

+ Qua đó, ta thấy nhân vật là người như thế nào?

=> Để phân tích thấu đáo, người đọc cần chú ý:

+ Nắm chắc cốt truyện, các chi tiết tình tiết dẫn đến nhân vật có suy nghĩ, lời nói và hành động như vậy.

+ Lí giải vì sao nhân vật lại làm như vậy cần căn cứ vào:

* Mạch truyện, các tình tiết, chi tiết trong truyện.

* Hoàn cảnh của nhân vật.

* Tính cách của nhân vật.

* Môi quan hệ với các nhân vật khác.

+ Chú ý trong văn hiện đại, văn học nước ngoài, nhiều chi tiết và hình ảnh mang tính ẩn dụ, tượng trưng rất cao. Chính vì thế, để hiểu được chi tiết đó, cần phải đặt trong bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.

Những tình huống nhân vật được đặt vào bờ ranh giới vô cùng mong manh cho những lựa chọn; lúc này người viết phải chú ý nhân vật được trước các lựa chọn như: **Thiện-ác, chính-tà, tiến-lùi; trả thù-tha thứ, được-mất, vật chất- tinh thần, sống-chết; danh dự-tiền bạc, thật-giả...** Mỗi một sự lựa chọn đó sẽ là cuộc đấu tranh, là sự giằng xé, cân nhắc. Qua sự lựa chọn, người viết có thể thấy được: phẩm chất, tính cách của nhân vật; thấy được bản lĩnh hoặc sự yếu đuối của nhân vật. Mỗi sự lựa chọn trong tình huống đặc biệt, ở bờ ranh mong manh ấy sẽ là tấm gương phản chiếu chân thực và sâu sắc nhất bản chất của nhân vật.

- **Bước 4: Đánh giá về phẩm chất, tính cách, số phận của nhân vật.**

+ Khi đánh giá về số phận của nhân vật cần xâu chuỗi các sự việc quan trọng, các biến cố và diễn biến cốt truyện để xem nhân vật sướng hay khổ; hạnh phúc hay khổ đau; thăng trầm hay êm đềm. Số phận của nhân vật, giúp em thấy giống ai em đã gặp, đã biết; tiêu biểu cho hạng người nào, loại người nào, lớp người nào trong xã hội? Những loại người này thường có đặc điểm gì chung?

+ Tính cách của nhân vật: Sẽ bị chi phối bởi hoàn cảnh, bởi bản lĩnh của nhân vật. Có nhiều kiểu nhân vật, với nhiều tính cách khác nhau. Nhân vật một tính cách nhất quán từ đầu đến cuối truyện, nhân vật đa tính cách (các nét tính cách khá phức tạp, nhiều khi đối lập, chuyển hóa liên tục, thất thường). Chung quy, thường có các loại tính cách sau: Hiền lành, hung dữ, nhân hậu, độc ác, dã man, do dự, quyết đoán, yếu đuối, hèn nhát, dũng cảm, mạnh mẽ, trầm tính, sống nội tâm, sôi nổi, hòa đồng, láu táu, bộp chộp, nông nổi, chín chắn, cẩn thận, sâu sắc...=> Mỗi một kiểu tính cách có những biểu hiện khác nhau => Chính vì thế, GV cần hướng dẫn HS quan sát từ chỉ, lời nói, hành động của nhân vật, người đời để tập phân đoán, tính cách của nhân vật; hoặc có thể cho HS tự nhận xét về tính cách của mình, nêu những biểu hiện nổi bật của tính cách đó, nguyên nhân hoàn cảnh nào chi phối tính cách đó, ưu và nhược điểm của loại tính cách đó là gì; sau đó, giáo viên chia sẻ các nhận xét đó (giấu tên) để HS tập làm quen, tập phân đoán => Hình thành năng lực quan sát, đánh giá tính cách người khác.

+ Khi HS biết đọc tính cách người khác, thì việc xem xét phân tích, đánh giá nhân vật trở nên dễ dàng hơn; sẽ nắm chắc vì sao nhân vật hành động như vậy để lí giải => từ đó đánh giá nhân vật một cách chính xác hơn.

- **Phẩm chất:** Là những vẻ đẹp là tâm hồn, nhân phẩm của nhân vật. Vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật được thể hiện qua những suy nghĩ, việc làm, hành động, được đặt trong mối quan hệ với hoàn cảnh, với các nhân vật khác. Nên để đánh giá phẩm chất của nhân vật, chúng ta cần chú ý đến những điều này. Các nhân vật có thể có những phẩm chất chung, nhưng cách thể hiện các phẩm chất đó qua lời nói, cử chỉ, việc làm lại không ai giống ai. Phẩm chất những là hương thơm trong nhân cách của mỗi nhân vật => góp phần làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện; qua đó, nhà văn sẽ gửi gắm những thông điệp có ý nghĩa xã hội và nhân sinh đến với độc giả.

+ Các phẩm chất nổi bật của nhân vật thường hay xuất hiện: thương người, hiếu thảo, thông minh, mưu trí, gan dạ, dũng cảm, hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng, nhân từ, hiền hậu, vị tha, bao dung, thủy chung, yêu nước, yêu quê hương, giàu lòng trắc ẩn, khao khát sống, khát yêu, khát vọng hạnh phúc...

- Bước 5: Phân tích thông điệp, ý nghĩa của truyện qua phần kết thúc.

+ Để rút ra thông điệp người đọc cần chú ý thông điệp cần đáp ứng được 5 tiêu chí sau:

* Thông điệp phải ngắn gọn, hấp dẫn.

* Thông điệp phải liên quan đến nội dung chính, đến tư tưởng chủ đề của truyện.

* Thông điệp phải liên quan đến chi tiết tiêu biểu, phần kết thúc của truyện; liên quan đến số phận, sự vận động tính cách của nhân vật chính.

* Thông điệp phải có ý nghĩa xã hội sâu sắc.

* Một tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, thông điệp các ẩn sâu trong các hình tượng nghệ thuật thì tác phẩm lại càng có giá trị.

=> Một tác phẩm lớn thông điệp phải mang tinh thần nhân đạo, giá trị nhân văn; nó có thể vượt qua các bờ cõi giới hạn, giúp con người thay đổi "mắt nhìn", "óc nghĩ" để họ sống người hơn.

=> Chính vì thế, để rút ra thông điệp người đọc cần có trải nghiệm cuộc sống, có khả năng quan sát, phân tích đánh giá và suy luận.

- Bước 6. Đánh giá chung:

+ HS cần chỉ ra được nét đặc sắc, sự sáng tạo về nghệ thuật => tài năng của người nghệ sĩ. => Điều gì khiến cho câu chuyện hay, hấp dẫn, có giá trị vượt thời gian.

+ HS cần đánh giá về nội dung: Cái hay, cái đặc sắc, cái nhân văn của tác phẩm nằm ở đâu? Cái gì lưu lại ấn tượng đậm sâu nhất trong lòng bạn.

+ Tác phẩm đã khơi gợi cho em đến những vấn đề gì cuộc sống? Tác phẩm khiến em trầm trồ về điều gì? Nhận ra bản chất, quy luật gì của cuộc sống.

2. Các kĩ năng đọc hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan đến đọc hiểu:

Câu 1. Tìm các chi tiết, sự việc tiêu biểu, quan trọng trong truyện

- Bước 1: Đọc kĩ truyện, tìm xem những chi tiết nào đóng vai trò quan trọng tạo ra bước ngoặt của câu chuyện; chi tiết nào khắc họa được tính cách phẩm chất của nhân vật?

- Bước 2: Gạch chân dưới các chi tiết, sự việc tiêu biểu vào văn bản.

- Bước 3: Kiểm chứng: Để xem đúng chi tiết tiêu biểu hay không, HS cần trả lời giả thiết: Nếu bỏ chi tiết đi đó có ảnh hưởng đến cốt truyện và hành động của nhân vật hay không? Nếu có thì đó là chi tiết tiêu biểu.

Câu 2. Tóm tắt truyện theo nhân vật chính:

- **Bước 1:** Đọc tác phẩm, gạch chân dưới chi tiết tiêu biểu.

- **Bước 2.** Dựa vào diễn biến của truyện và các chi tiết tiêu biểu đã gạch chân tóm tắt ghi theo lời văn của mình, có thể kết hợp với việc trích đoạn các chi tiết tiêu biểu.

- **Bước 3:** Kiểm tra, chỉnh sửa.

=> **Yêu cầu:** Tóm tắt ngắn gọn, đủ sự kiện, biến cố và chi tiết tiêu biểu nhất.

Câu 3: Xác định ngôi kể

- **Bước 1:** Đọc kĩ văn bản xem người kể chuyện có xuất hiện tham gia vào trực tiếp trong câu chuyện hay không?

- **Bước 2: Kết luận:**

+ Nếu người kể chuyện xuất hiện trực tiếp trong câu chuyện xưng tôi, chúng tôi thì là ngôi kể thứ nhất (Điểm nhìn hạn tri).

+ Nếu không xuất hiện thì là ngôi kể thứ ba (người kể chuyện giấu mặt - điểm nhìn toàn tri).

- **Bước 3:** Phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôi kể (đối chiếu với lí thuyết, kết hợp với việc đọc tác phẩm để lí giải cho đúng, hay, hấp dẫn).

Câu 4. Xác định điểm nhìn trần thuật.

- **Bước 1.** Đọc kĩ câu hỏi, xem người ta yêu cầu trong một đoạn trích, một hình ảnh, hay một tác phẩm.

- **Bước 2.** Đối chiếu câu hỏi với phần văn bản để xem nhân vật xuất hiện trong một đoạn trích, một tình huống và một hình ảnh nào?

- **Bước 3.** Đọc kĩ, xác định hình ảnh, nhân vật đó được ai quan sát, ai cảm nhận để xác định điểm nhìn trần thuật.

- **Bước 4.** Phân tích tác dụng, ý nghĩa của việc chuyển điểm nhìn trần thuật đó.

Câu 5. Phân tích cốt truyện.

+ Cốt truyện: Là xương sống, xuyên chuỗi toàn bộ các sự việc tiêu biểu, các biến cố xảy ra trong câu chuyện. Nhờ có cốt truyện, người đọc nắm được nội dung, diễn biến của mạch truyện, hiểu hơn về cuộc đời, số phận của nhân vật.

=> khi đánh giá cốt truyện: ta nên xem xét các sự kiện, biến cố để xem cốt truyện đó sắp xếp có hợp lí không? Cốt truyện đó đơn giản hay phức tạp; được xây dựng theo đơn tuyến nhân vật hay đa tuyến hay song tuyến? Cốt truyện đó được sắp xếp theo trình tự không gian và thời gian như thế nào? Điểm đặc biệt trong việc sắp xếp các chi tiết tiêu biểu đặc biệt là các biến cố có hợp lí không? Có dụng ý gì trong việc thể hiện tính cách của nhân vật. Thông qua cốt truyện đó, nhà văn phản ánh hiện thực gì, gửi gắm tâm tư tình cảm gì?

Câu 6. Chỉ ra và phân tích tác dụng của tình huống truyện.

+ Tình huống truyện: Cần xem cái gì để xảy ra câu chuyện là gì? Toàn bộ câu chuyện có phát triển, xoay quanh các sự việc đó hay không => Nếu có thì đó được coi là tình huống truyện.

+ Đánh giá tình huống truyện: Xem có éo le không? Kịch tính không? Độc đáo không? Tình huống truyện ở đây là cuộc gặp gỡ giữa ai với ai? Họ có đặc điểm gì về nghề nghiệp, địa vị xã hội hay tính cách. Hai người đó có mối quan hệ với nhau như

thế nào? Tương đồng hay tương phản; đồng thuận hay đối địch nhau? Hoàn cảnh họ gặp gỡ nhau ở đây là gì?

+ **Kết luận:** Tình huống xảy ra câu chuyện thuộc loại tình huống nào trong ba tình huống sau:

+ **Tình huống hành động:** Khi xảy ra sự việc đó nhân vật có hành động không? Có hành động liên tục, hành động này có thúc đẩy hành động khác không?

+ **Tình huống tâm lí:** Sau tình huống đó, tác giả có đi sâu miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật hay không?

+ **Tình huống nhận thức:** Sau tình huống xảy ra câu chuyện, nhân vật có nhận thức như thế nào về thiên nhiên, về hoàn cảnh, về mọi người, về chính mình, về lẽ đời...?

Câu 7. Chỉ ra tên và xác định mối quan hệ giữa các nhân vật.

Câu 8. Phân tích, lí giải các chi tiết và sự việc tiêu biểu bằng cách trả lời các câu hỏi:

Tại sao nhân vật lại có những lời nói, suy nghĩ và hành động như vậy? Qua đó, ta thấy nhân vật là người như thế nào?

=> Để phân tích thấu đáo, người đọc cần chú ý:

+ Nắm chắc cốt truyện, các chi tiết tình tiết dẫn đến nhân vật có suy nghĩ, lời nói và hành động như vậy.

+ Lí giải vì sao nhân vật lại làm như vậy cần căn cứ vào:

* Mạch truyện, các tình tiết, chi tiết trong truyện.

* Hoàn cảnh của nhân vật.

* Tính cách của nhân vật.

* Mối quan hệ với các nhân vật khác.

+ Chú ý trong văn hiện đại, văn học nước ngoài, nhiều chi tiết và hình ảnh mang tính ẩn dụ, tượng trưng rất cao. Chính vì thế, để hiểu được chi tiết đó, cần phải đặt trong bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội.

Những tình huống nhân vật được đặt vào bờ ranh giới vô cùng mong manh cho những lựa chọn; lúc này người viết phải chú ý nhân vật được trước các lựa chọn như: **Thiện-ác, chính-tà, tiến-lùi; trả thù-tha thứ, được-mất, vật chất- tinh thần, sống-chết; danh dự-tiền bạc, thật-giả...** Mỗi một sự lựa chọn đó sẽ là cuộc đấu tranh, là sự giằng xé, cân nhắc. Qua sự lựa chọn, người viết có thể thấy được: phẩm chất, tính cách của nhân vật; thấy được bản lĩnh hoặc sự yếu đuối của nhân vật. Mỗi sự lựa chọn trong tình huống đặc biệt, ở bờ ranh mong manh ấy sẽ là tấm gương phản chiếu chân thực và sâu sắc nhất bản chất của nhân vật.

Câu 9. Đánh giá về phẩm chất, tính cách, số phận của nhân vật.

+ Khi đánh giá về số phận của nhân vật cần xâu chuỗi các sự việc quan trọng, các biến cố và diễn biến cốt truyện để xem nhân vật sướng hay khổ; hạnh phúc hay khổ đau; thăng trầm hay êm đềm. Số phận của nhân vật, giúp em thấy giống ai em đã gặp, đã biết; tiêu biểu cho hạng người nào, loại người nào, lớp người nào trong xã hội? Những loại người này thường có đặc điểm gì chung?

+ Tính cách của nhân vật: Sẽ bị chi phối bởi hoàn cảnh, bởi bản lĩnh của nhân vật. Có nhiều kiểu nhân vật, với nhiều tính cách khác nhau. Nhân vật một tính cách nhất quán từ đầu đến cuối truyện, nhân vật đa tính cách (các nét tính cách khá phức tạp, nhiều khi đối lập, chuyển hóa liên tục, thất thường). Chung quy, thường có các loại tính cách sau: Hiền lành, hung dữ, nhân hậu, độc ác, dã man, do dự, quyết đoán, yếu đuối, hèn nhát, dũng cảm, mạnh mẽ, trầm tính, sống nội tâm, sôi nổi, hòa đồng, láu táu, bộp

chộp, nông nổi, chín chắn, cân thân, sâu sắc...=> Mỗi một kiểu tính cách có những biểu hiện khác nhau => Chính vì thế, GV cần hướng dẫn HS quan sát từ chỉ, lời nói, hành động của nhân vật, người đời để tập phân đoán, tính cách của nhân vật; hoặc có thể cho HS tự nhận xét về tính cách của mình, nêu những biểu hiện nổi bật của tính cách đó, nguyên nhân hoàn cảnh nào chi phối tính cách đó, ưu và nhược điểm của loại tính cách đó là gì; sau đó, giáo viên chia sẻ các nhận xét đó (giấu tên) để HS tập làm quen, tập phân đoán => Hình thành năng lực quan sát, đánh giá tính cách người khác.

+ Khi HS biết đọc tính cách người khác, thì việc xem xét phân tích, đánh giá nhân vật trở nên dễ dàng hơn; sẽ nắm chắc vì sao nhân vật hành động như vậy để lí giải => từ đó đánh giá nhân vật một cách chính xác hơn.

- Phẩm chất: Là những vẻ đẹp là tâm hồn, nhân phẩm của nhân vật. Vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật được thể hiện qua những suy nghĩ, việc làm, hành động, được đặt trong mối quan hệ với hoàn cảnh, với các nhân vật khác. Nên để đánh giá phẩm chất của nhân vật, chúng ta cần chú ý đến những điều này. Các nhân vật có thể có những phẩm chất chung, nhưng cách thể hiện các phẩm chất đó qua lời nói, cử chỉ, việc làm lại không ai giống ai. Phẩm chất những là hương thơm trong nhân cách của mỗi nhân vật => góp phần làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện; qua đó, nhà văn sẽ gửi gắm những thông điệp có ý nghĩa xã hội và nhân sinh đến với độc giả.

+ Các phẩm chất nổi bật của nhân vật thường hay xuất hiện: thương người, hiếu thảo, thông minh, mưu trí, gan dạ, dũng cảm, hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng, nhân từ, hiền hậu, vị tha, bao dung, thủy chung, yêu nước, yêu quê hương, giàu lòng trắc ẩn, khao khát sống, khát yêu, khát vọng hạnh phúc...

Câu 10: Phân tích thông điệp, ý nghĩa của truyện qua phần kết thúc.

+ Để rút ra thông điệp người đọc cần chú ý thông điệp cần đáp ứng được 5 tiêu chí sau:

* Thông điệp phải ngắn gọn, hấp dẫn.

* Thông điệp phải liên quan đến nội dung chính, đến tư tưởng chủ đề của truyện.

* Thông điệp phải liên quan đến chi tiết tiêu biểu, phần kết thúc của truyện; liên quan đến số phận, sự vận động tính cách của nhân vật chính.

* Thông điệp phải có ý nghĩa xã hội sâu sắc.

* Một tác phẩm nghệ thuật đặc sắc, thông điệp các ẩn sâu trong các hình tượng nghệ thuật thì tác phẩm lại càng có giá trị.

=> Một tác phẩm lớn thông điệp phải mang tinh thần nhân đạo, giá trị nhân văn; nó có thể vượt qua các bờ cõi giới hạn, giúp con người thay đổi "mắt nhìn", "óc nghĩ" để họ sống người hơn.

=> Chính vì thế, để rút ra thông điệp người đọc cần có trải nghiệm cuộc sống, có khả năng quan sát, phân tích đánh giá và suy luận.

Câu 11. Đánh giá chung về nghệ thuật

+ HS cần chỉ ra được nét đặc sắc, sự sáng tạo về nghệ thuật => tài năng của người nghệ sĩ. => Điều gì khiến cho câu chuyện hay, hấp dẫn, có giá trị vượt thời gian.

Câu 12. Đánh giá chung về nội dung: Cái hay, cái đặc sắc, cái nhân văn của tác phẩm nằm ở đâu? Cái gì lưu lại ấn tượng đậm sâu nhất trong lòng bạn.

+ Tác phẩm đã khơi gợi cho em đến những vấn đề gì cuộc sống? Tác phẩm khiến em trầm trồ về điều gì? Nhận ra bản chất, quy luật gì của cuộc sống.

3. Thực hành đọc hiểu mẫu: Đọc truyện và trả lời cho những câu hỏi bên dưới.

Đề 1. Truyện thứ hai

Con thú lớn nhất

Ngày ấy, ở Hua Tát có một gia đình ngụ cư không biết ở nương nào chuyển đến. Họ dựng nhà ở ngoài rìa bản, chỗ gần rừng ma. Nhà ấy chỉ có hai vợ chồng đều luống tuổi. Họ đi đâu cũng có nhau. Người vợ lúc nào cũng âm thầm, im lặng, suốt ngày không hề thấy nói một tiếng. Người chồng cao lớn, gầy guộc, mặt sắt lại, mũi như mỏ chim. Đôi mắt của lão đục và sâu hoắm, phảng phất những tia lạnh tinh lạnh lẽo.

Người chồng là tay thợ săn cự phách. Khẩu súng kíp trong tay lão như có mắt. Mỗi khi khẩu súng giơ lên, ít khi có chim chóc hoặc thú rừng nào thoát chết. Đằng sau nhà lão, lông chim, xương thú chất đầy thành đống. Những đống lông chim xơ xác đen xỉn như màu mực tàu, còn những đống xương thú màu đá vôi thì lốm đốm những vệt nước tủy vàng khè, hôi hám. Những đống ấy to như những cái mả. Lão thợ săn như là hiện thân thần Chết của rừng. Chim chóc và thú rừng sợ hãi lão. Cánh thợ săn ở Hua Tát vừa ghen tị, vừa bất bình với lão. Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình. *Có người kể rằng đã tận mắt nhìn thấy lão bắn chết một con công đang múa. Một con công đang múa nhé: cái đầu cong như lá lúa, cái đuôi xòe nửa vòng cung với đủ màu sắc, tia nắng mặt trời hắt ánh lửa lấp lánh như vàng, đôi chân khéo léo lượn vòng. Chỉ có tình yêu thì mới lượn vòng tinh tế như thế. Con công đang múa, thế mà – “Đùng” – khẩu súng trong tay lão già giật lên, phụt ra một lưỡi lửa đỏ. Con công ngã gục, cái cánh có ánh cầu vồng ngũ sắc nhòe máu. Vợ lão già đến, khô đét, đen ngòm, âm thầm nhặt con công cho vào cái lếp sau lưng.*

Tuy vậy, suốt đời lão già chỉ săn được những con chim, con thú bình thường. Lão già chưa bao giờ săn được con thú lớn ba bốn tạ thịt. Khẩu súng lão chỉ bắn được những con vật nhỏ ngu ngốc. *Đấy chính là điều lão già khổ tâm, dằn vặt. Cả bản Hua Tát xa lánh vợ chồng lão, không ai nói chuyện, chơi bời với gia đình lão. Nhìn thấy vợ chồng lão, người ta tránh ngoắt đi. Cứ thế, lão thợ săn sống cô đơn bên người vợ âm thầm.*

Cuối năm ấy, ở Hua Tát động rừng, cây cối xơ xác, chim chóc trốn biệt, không có dấu chân một con thú nào trong rừng. Chưa bao giờ người Hua Tát sống vất vả đến thế. Người ta đồn là Then bắt đầu trừng phạt. Lão thợ săn ngụ cư kiếm ăn cũng rất khó khăn. Vợ chồng lão lang thang khắp rừng. Lần đầu tiên trong đời lão già gặp phải cảnh này. Ba tuần trăng, khẩu súng của lão không hề được nổ. Lão già dậy từ gà gáy canh ba vác súng đi đến tối mịt. Người vợ gầy của lão không còn đủ sức đi theo chồng nữa. Mụ ở nhà nhóm lửa chờ đợi. Ngọn lửa mụ nhóm như có ma ám, không đỏ mà lại xanh lét như mắt chó sói.

Lần ấy lão già đi vắng cả tuần liền. Người lão mệt lả. Đầu gối lão chùn xuống, các bắp thịt nhão ra tưởng chừng có thể dùng tay bấu được như bấu những con vắt nhéo bết máu. Lão đã lết khắp nơi mà không gặp gì. Đến một con chim sâu, thậm chí một con bướm lão cũng không thấy. Lão hoang mang sợ hãi. Then đã trừng phạt thế gian như lời người ta đồn đại hay chăng?

Cuối cùng, mệt lả, lão già kiệt sức phải lết về nhà. Đến con suối đầu bản, lão dừng lại nhìn về nhà mình. Nhà lão có ánh lửa, cái ánh lửa xanh lét, chắc là vợ lão vẫn thức đợi chồng. Lão nhắm nghiền đôi mắt đục và sâu hoắm lại. Ngẫm nghĩ một lát, lão lộn lại rừng. Mũi lão đã đánh hơi thấy mùi thú...Lão gặp may thật. Lão đã nhìn thấy nó. *Cái con công ấy đang múa. Kia, đôi chân con công di chuyển nhẹ nhàng về phía bên phải, cái đuôi xòe thành đường tròn lại dịch về phía bên trái, cái ánh xanh gay gắt trên túm lông đầu của nó rực rỡ làm sao! Lão già giương súng lên: “Đùng!” Phát súng nổ. Lão nghe thấy tiếng rú thất thanh. Lão chạy lại con thú bị bắn ngã. Đấy là vợ lão. Mụ đi ra rừng đợi lão, tay mụ còn cầm bộ lông chim công.*

Lão thợ săn nằm sấp xuống, úp mặt vào vũng máu trên lớp lá mục nồng nồng, ngái và hoi như mùi chuột.

Miệng lão học lên như tiếng lợn lòi. Lão nằm thê rất lâu. Mây đen sà xuống thấp, khu rừng tối sẫm, nóng hầm hập như da người sốt. Gần sáng, lão già .. bỗng đứng phắt dậy nhanh như con sóc. *Lão nảy ý định lấy xác vợ lão làm mồi để săn con thú, con thú lớn nhất đời mình. Lão nằm trong bụi cây gần cái xác thối rữa của vợ lão một vài tay, đạn lên nòng, khắc khoải chờ đợi. Nhưng Then đã trừng phạt lão. Không có con thú nào đến với lão, chỉ có cái chết đến với lão.*

Ba ngày sau, người ta lôi cái xác còn queo của lão ra khỏi bụi cây. *Một vết đạn xuyên qua trán lão. Lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình.*

- Bước 1: Đọc kĩ, tóm tắt truyện theo các sự kiện, sự việc tiêu biểu.

- + Truyện kể về hai vợ chồng lão thợ săn không con từ lâu lưu lạc đến bản Hua Tát.
- + Lão chồng là một thợ săn lão luyện, là một tay súng cừ khôi, bách phát bách trúng => dân bản Hua Tát ghen tị, xa lánh. Tuy nhiên, lão chỉ bắn được những con thú nhỏ, những con vật ngu ngốc. Chính vì thế, lão luôn mơ ước săn con thú lớn nhất đời.
- + Một năm động rừng, chim muông, thú vật chạy đâu hết, vợ chồng lão không săn được con nào, đói lả. Lão về nhà thấy lửa vẫn xanh, nghĩ vợ đang đợi nên đi săn tiếp, thấy một con công đang mua rất đẹp, lão bắn chết con công. Tiếng kêu rú lên, người vợ giả làm con công nhủ thú cho chồng săn đã bị chết bởi họng súng của chồng.
- + Vợ chết, lão đau đớn nhưng vẫn quyết định lấy vợ làm mồi như để săn con thú lớn nhất. Không đạt được ước nguyện, lão đã tự sát.

- Bước 2: Xác định ngôi kể, điểm nhìn trần thuật, cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật.

- + Xác định ngôi kể: Truyện được kể theo ngôi thứ ba, người kể chuyện giấu mặt tạo nên điểm nhìn toàn tri. Người kể chuyện có thể quan sát mọi cử chỉ, hành động của nhân vật, nắm bắt được mọi tâm tư, suy nghĩ của nhân vật => chính điểm nhìn trần thuật này đã giúp nhà văn tha hồ sáng tạo, lựa chọn giọng kể, không gian, tính tiết; khiến cho câu chuyện liền mạch, tự nhiên và hấp dẫn.
- + Cốt truyện: Xoay quanh cuộc đời của vợ chồng lão thợ săn: săn thú - ước ao săn con thú lớn nhất - động rừng - không săn được con nào => vợ chết và lão chết bằng họng súng của mình.
- => Đánh giá cốt truyện: Câu chuyện được sắp xếp theo trình tự thời gian, tạo nên hai giai đoạn cuộc đời của vợ chồng lão thợ săn:

Giai đoạn thịnh	Giai đoạn suy
- Giai đoạn này, vợ chồng lão thợ săn bắn được rất nhiều chim thú "lông chim đầy sau nhà" "xương thú chất thành đống" => Mọi con vật trong tầm súng của lão đều không thể thoát được. Giai đoạn này súng của lão nổ giòn giã, hoạt động hết công suất. Chắc chắn, vợ chồng lão ăn uống ngập mồm, không bao giờ phải lo nghĩ đến cảnh thiếu thốn.	- Ba tuần trắng, súng của lão chưa hề nổ, lão không săn được con nào (do động rừng, chim thú chạy chốn hết sạch, ngay cả một con bướm cũng không xuất hiện). - Lão đi cả tuần liền, đói lả, kiệt sức, chân nhão ra nhưng vẫn không săn được con thú nào. - Vợ chồng lão sống trong cảnh thiếu thốn, đói lả, cô đơn.
- Mặc dù, cái phong nền của hai thời có sự đối lập gay gắt, rõ rệt; nhưng có điều, Nguyễn Huy Thiệp rất khéo léo tạo nên cái vi mạch ngầm với những điểm chung nối kết giữa thời thịnh và suy => Phản ánh được bản chất của cuộc sống và tính cách nhân vật. - Dù ở thời nào, lão thợ săn vẫn là một tay súng giỏi, cừ phách. Vợ chồng lão vẫn luôn có nhau; luôn sống trong cô đơn, xa lánh, đố kỵ của mọi người. Lão chồng cả hai thời, đều bắn chết cả hai con công đang múa (con con đang múa rất đẹp, đang biểu diễn vũ khúc tình yêu say đắm, thê nhưng lão cũng chẳng tha). Cả hai thời lão đều có khát vọng săn con thú lớn nhất đời người.	
Đánh giá: Cốt truyện được sắp xếp rất tự nhiên và hợp lí; hầu như các sự việc được sắp đặt theo thời gian tuyến tính; trong không gian quen thuộc (quanh bản Hua Tát); các sự kiện, biến cố xuất hiện rất tự nhiên, đúng với quy luật khách quan trong cuộc sống khiến cho câu chuyện trở nên hấp dẫn. Đặc biệt tác giả đã kết hợp hiện thực hiện nhiều chi tiết kì quái, bất ngờ đã khiến cho câu chuyện có sức ám ảnh rất lớn.	
Qua cốt truyện, người đọc hiểu hơn về số phận đơn độc của những con người bị hắt hủi, đố kỵ khiến cho bản chất độc ác, dã man của họ lại càng bộc lộ một cách rõ ràng hơn.	

+ **Điểm nhìn trần thuật:** Điểm nhìn trần thuật được chuyển khá linh hoạt. Khi miêu tả vợ chồng lão được săn, điểm nhìn của người kể chuyện kể rất khách quan, hầu như không bộc lộ cảm xúc. Đến khi miêu tả con công hai lần, điểm nhìn trần thuật đã được chuyển qua đôi mắt của lão thợ săn. Hình ảnh con công múa được miêu tả rất chi tiết "*Một con công đang múa nhé: cái đầu cong như lá lúa, cái đuôi xòe nửa vòng cung với đủ màu sắc, tia nắng mặt trời hắt ánh lửa lấp lánh như vàng, đôi chân khéo khéo lượn vòng. Chỉ có tình yêu thì mới lượn vòng tình tẻ như thế.*", giọng kể thật say mê, cuốn hút, ta tưởng tượng ra cái nhìn đắm đuối, trái tim cũng rạo rực và đôi môi xuýt xoa trong từng lời kể. Nghĩa là lão thợ săn quan sát con công kĩ lưỡng. Lão cũng đã nhận ra vẻ đẹp của con công; vẻ đẹp say mê, cuốn hút đến lạ kì. Vốn là người sinh ra giữa núi rừng, lớn lên trên miền sơn cước, già dặn trong từng trải, nên chắc hẳn lão hiểu được cái điệu múa của con công, thông điệp của điệu múa đó: tiếng gọi của tình yêu không lời mà sao lại thấm thiết, say đắm, đến ngọt ngào như vậy. Đó là điệu Slow tình cảm dành riêng cho nàng công? Đó là vũ khúc của tình yêu? Còn vũ khúc nào đẹp hơn con công đang múa, đẹp hơn tiếng gọi của tình yêu. Thế mà dùng, máu bắn lên, đàn đứt dây, công chết => Điểm nhìn trần thuật này đã giúp cho người đọc cảm nhận về bản chất của lão thợ săn: độc ác, dã man, không tha cho bất cứ con thú nào, kể cả con công đang múa, dù lão biết đó là đẹp, là biểu tượng của tình yêu say đắm. Cốt truyện thì khá giản dị, nhưng điểm nhìn trần thuật linh hoạt, nên vẫn tạo nên cái chất riêng, cái sắc màu của Hoa Tát, bản làng nhỏ bé nhưng kì bí.

+ **Tình huống truyện:** Tình huống truyện xoay quanh câu chuyện săn con thú lớn nhất cuộc đời của lão thợ săn. Cả cuộc đời lão vẫn theo đuổi khát vọng, giấc mơ săn con thú lớn nhất cuộc đời. Vào thời thịnh, chim muông đầy rừng, thú lớn vẫn lẩn tránh lão như có một phép thuật khó hiểu. Trong thời thịnh đó, lão vẫn cứ đau đầu theo đuổi giấc mơ, nhưng cũng đau đớn, dần vật vờ cho một tay súng tài năng, bách phát bách trúng mà lại không một lần bắn được con thú lớn 3-4 tạ thịt. Vận rủi đeo bám lão đến suốt cuộc đời nhưng lão vẫn không bao giờ bỏ cuộc. Ngay cả động rừng, Then đã trùng phạt, 3 tuần trăng lão không săn được con mồi nào, đói lả đến kiệt sức, bào mòn thân xác, tinh thần của lão. Nhưng có khát vọng mà ước mơ ấy vẫn còn vẹn nguyên, thậm chí còn lớn mạnh hơn bao giờ hết. Con chim trước khi chết phải cất tiếng hót; phải chăng lão cũng muốn cất lên tiếng gầm rú vang dội trước khi từ già vũ khí để trở về thế giới bên kia. Cho nên, ngay cả khi thời suy cùng cực, chạm đáy; lão thợ săn vẫn không bỏ cuộc. Khát vọng ấy khiến lão có một quyết định kì dị đến điên rồ của một con thú khát máu: dùng xác vợ làm mồi nhử. Tham vọng cuối đời khiến lão mất hết lí trí, mất hết tính người => hành động đó đã biến lão thành một con thú dã man, tàn bạo, con thú lớn nhất cuộc đời.

=> **Kết luận:** Truyện thuộc **huống hành động**. Qua tình huống, khiến cho câu chuyện hấp dẫn, giúp nhà văn thể hiện tư tưởng chủ đề của truyện.

- Bước 3: Phân tích, lí giải các chi tiết và sự việc tiêu biểu bằng cách trả lời các câu hỏi:

- + Tại sao hình ảnh con công múa được miêu tả rất chi tiết đến tận hai lần?
- + Tại sao lão thợ săn lại bắn con công múa? Qua đó, em thấy lão là người như thế nào?
- + Tại sao lão thợ săn lại lấy xác vợ làm mồi nhử? Qua đó, em thấy lão là người như thế nào?
- + Tại sao truyện có nhan đề là "Con thú lớn nhất"?

- Bước 4: Đánh giá về phẩm chất, tính cách, số phận của nhân vật.

- + Số phận cuộc đời vợ chồng lão thợ săn là gì? Do đâu vợ chồng lão có số phận như vậy?
- + Đánh giá về tính cách lão thợ săn? Em đã gặp những ai, những nhân vật nào có tính cách và hành động giống như lão thợ săn? Từ đó, em thấy lão tiêu biểu cho loại người nào?

- **Phẩm chất:** Những điểm mạnh nổi trội của lão thợ săn là gì?

=> **kết luận về lão thợ săn:**

=> Em có suy nghĩ gì, tình cảm, thái độ gì đối với vợ chồng lão?

- Bước 5: Phân tích thông điệp, ý nghĩa của truyện qua phần kết thúc.

+ Dựa vào phần kết truyện và diễn biến câu chuyện, em hãy rút ra thông điệp mà tác giả gửi gắm qua câu chuyện này là gì?

+ Thông điệp có tác động như thế nào đối với mọi người về nhận thức, về thái độ trước cuộc đời?

+ Thông điệp đó, gợi cho em những suy nghĩ gì? Tình cảm gì?

- Bước 6. Đánh giá chung:

- + Em thấy câu chuyện có hay, hấp dẫn không? Vì sao em khẳng định như vậy?
- + Cái ấn tượng/âm ảnh nhất của em khi đọc xong truyện này là gì?
- + Tác phẩm đã khơi gợi cho em đến những vấn đề gì cuộc sống? Nhận ra bản chất, quy luật gì của cuộc sống?

PHẦN HAI: VIẾT

1. Cách viết đoạn văn phân tích một chi tiết nghệ thuật đặc sắc:

a. Kỹ năng viết:

- Bước 1: Kể, tóm tắt lại sự việc dẫn đến lời nói, cử chỉ, hành động của nhân vật.

- Bước 2: Lí giải vì sao nhân vật có hành động, lời nói, cử chỉ như vậy? Khi lí giải, HS cần căn cứ vào hoàn cảnh, vào tình huống trước đó, vào mối quan hệ giữa các nhân vật; căn cứ vào tính cách, bản chất của nhân vật.

VD: Trong hoàn cảnh sống trong sự đầy đủ, ấm áp chị em Lan và Sơn lại càng thấy hiểu cái giá lạnh mà Hiên đang phải hứng chịu trong cơn gió lạnh đầu mùa. Vốn là người giàu lòng trắc ẩn và có trái tim ấm áp giàu tình yêu thương con người nên nhân vật Sơn và Lan không cho phép mình làm ngơ trước nỗi đau của Hiên, chính vì thế, hai chị em không hề toan tính đã nhanh chóng về lấy áo của em Duyên, vật kỉ niệm rất quan trọng, mang cho Hiên mượn. Hành động này thật cảm động và đáng trân trọng biết bao nhiêu.

Chú ý: Những tình huống nhân vật được đặt vào bờ ranh giới vô cùng mong manh cho những lựa chọn; lúc này người viết phải chú ý nhân vật được trước các lựa chọn như: **Thiện-ác, chính-tà, tiến-lùi; trả thù-tha thứ, được-mất, vật chất- tinh thần, sống-chết; danh dự-tiền bạc, thật-giả...** Mỗi một sự lựa chọn đó sẽ là cuộc đấu tranh, là sự giằng xé, cân nhắc. Qua sự lựa chọn, người viết có thể thấy được: phẩm chất, tính cách của nhân vật; thấy được bản lĩnh hoặc sự yếu đuối của nhân vật. Mỗi sự lựa chọn trong tình huống đặc biệt, ở bờ ranh mong manh ấy sẽ là tấm gương phản chiếu chân thực và sâu sắc nhất bản chất của nhân vật.

VD: Ông Hai bị dồn vào đường cùng khi đứng trước bờ ranh giới mong manh để lựa chọn giữa: Về làng - không về; giữa yêu làng-thù làng, giữa chôn dung thân và danh dự; giữa cái được-mất => qua đó, người đọc mới đánh giá được hết sự lựa chọn của nhân vật ấy sáng suốt hay mù quáng, từ đó người đọc hiểu được bản lĩnh, tính cách, phẩm chất của ông Hai.

VD: Phân tích hành động lão Hạc lựa chọn cái chết: Lúc này lão Hạc cũng đứng trước những sự lựa chọn: Sống- chết, được-mất, tình thương con-sự ích kỷ cá nhân...

VD: Khi Tràng dẫn thị về ra mắt mẹ, đặt bà cụ Tứ vào tình huống phải lựa chọn: Chấp nhận-không chấp nhận, giữa mạng sống của gia đình - hạnh phúc của các con...

- Bước 3: So sánh hành động lời nói đó của nhân vật với một nhân vật khác trong truyện khác; hoặc so sánh hành động đó với một sự việc, hiện tượng trong cuộc sống theo công thức sau:

+ A (hành động của nhân vật) như/là B (là sự vật, sự việc hiện tượng) + nêu một vài đặc tính của B để thấy được ý nghĩa về hành động của A.

VD: Hành động của Lan và Sơn lấy áo cho Hiên mượn xuất phát từ tình thương và lòng trắc ẩn của một tâm hồn ngây thơ trong sáng. Hành động ấy như tia nắng mặt trời ấm áp xua tan đi cái giá lạnh của mùa đông, sưởi ấm cho những thân phận bất hạnh và ngời sáng tình người cao đẹp của một chủ nghĩa nhân văn rất thiết tha và cảm động.

- **Bước 4:** Đánh giá về phẩm chất, bản chất của nhân vật: Qua tình huống, hành động của nhân vật, HS cần thấy nhân vật là người như thế nào? Để trả lời được câu này, HS cần phải hiểu được những biểu hiện của con người với những tính cách đặc trưng (người có tình yêu thương thường..., người trung thực thường....)

- **Bước 5:** Đánh giá lại hành động đó, khái quát ý nghĩa của hành động bằng hình ảnh có tính chất triết lí. Để làm được như vậy HS nên sử dụng câu khẳng định có từ là: Phẩm chất là...là ...

b. Đoạn văn mẫu:

B1: Truyện ngắn "Gió lạnh đầu mùa" là tác phẩm tiêu biểu cho sáng tác của Thạch Lam. Với cốt truyện rất đơn giản, giọng văn nhẹ nhàng đập khẽ khàng như một cánh bướm non nhưng gieo vào lòng người đọc những bận bịu, đọc xong cứ phải nghĩ. Truyện kể về Lan và Sơn có những nghĩa cử, hành động rất cao đẹp trong ngày đông lạnh giá đầu mùa.

B2: Sống trong sự đầy đủ, ấm áp chị em Lan và Sơn lại càng thấu hiểu cái giá lạnh mà Hiên đang phải hứng chịu trong cơn gió lạnh đầu mùa. Vốn là người giàu lòng trắc ẩn và có trái tim ấm áp giàu tình yêu thương con người nên nhân vật Sơn và Lan không cho phép mình làm ngơ trước nỗi đau của Hiên, chính vì thế, hai chị em không hề toan tính đã nhanh chóng về lấy áo của em Duyên, vật kỉ niệm rất quan trọng, mang cho Hiên mượn. Hành động này thật cảm động và đáng trân trọng biết bao nhiêu.

B3: Hành động của Lan và Sơn lấy áo cho Hiên mượn xuất phát từ tình thương và lòng trắc ẩn của một tâm hồn ngây thơ trong sáng. Hành động ấy như tia nắng mặt trời ấm áp xua tan đi cái giá lạnh của mùa đông, sưởi ấm cho những thân phận bất hạnh và ngời sáng tình người cao đẹp của một chủ nghĩa nhân văn rất thiết tha và cảm động.

B4: Qua đây, ta thấy Lan và Sơn là người có giàu tình yêu thương con người cùng trái tim ấm áp yêu thương.

B5: Chính những điều Lan và Sơn làm đã củng cố niềm tin, gieo vào lòng người đọc những giá trị nhân văn tích cực: Tình thương là hạnh phúc/ Tình thương là sức mạnh. (Chính vì thế, người đọc càng thấm thía hơn ý kiến: Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi thiếu tình yêu thương. Vậy tại sao chúng ta hãy trao cho nhau tình yêu thương để cuộc đời có thêm sức mạnh và niềm hạnh phúc vô biên)

Đoạn 2:

Đề bài: Cảm nhận về chi tiết “cái bóng” trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ bằng một đoạn văn theo phép lập luận tổng phân hợp có độ dài 12-15 câu. Trong đoạn có sử dụng thành phần **khởi ngữ** và **câu hỏi tu từ** (gạch chân và ghi rõ chú thích)

Bài làm

(1)Chi tiết chiếc bóng là chi tiết nghệ thuật đặc sắc, đầy ý nghĩa trong “Chuyện người con gái Nam Xương”. (2)Đây là chi tiết xuất hiện ở giữa truyện, tạo bước ngoặt cho cốt truyện phát triển. (3)Chi tiết chiếc bóng trên bức vách của Vũ Nương mỗi lúc đỡ con ngủ thường bảo “đó là cha con đấy” đã giúp nàng bù đắp tình cha cho đứa con nhưng cũng chính là mối lửa thổi bùng lên cơn ghen trong lòng Trương Sinh. (4)Về mặt nghệ thuật, đây là chi tiết thắt nút đã đẩy Vũ Nương vào bi kịch oan trái. (5)**Với Vũ Nương**, cái bóng in trên tường mà hàng đêm nàng vẫn chỉ cho con thể hiện nỗi nhớ chồng khắc khoải và không muốn con mình thiếu vắng hình bóng người cha mà mong muốn con được sống trong cảnh đoàn viên. (6)**Với bé Đản**, cái bóng trên tường nín thin thít không bao giờ bé nó chính là người cha đêm nào cũng về. (7)**Với Trương Sinh**, cái bóng trên tường qua lời của con: *mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi* đã làm Trương Sinh nảy sinh sự nghi ngờ mẹ Đản không chung thủy, nảy sinh thái độ ghen tuông để chàng mắng nhiếc đuổi nàng đi. (8)Nhưng chính chi tiết cái bóng lại là chi tiết mở nút cho toàn bộ tác phẩm. (9)Cái bóng trên tường mà bé Đản trở vào và nói *cha Đản lại về* khiến Trương Sinh hiểu được nỗi oan của vợ, hóa giải toàn bộ nghi ngờ và nỗi oan ức của Vũ Nương. (10)Cái bóng đã làm rõ giá trị hiện thực sâu sắc. (11)Cái bóng này là hiện thân của bóng đêm ghen tuông, của thói nam quyền bất công, phi lý, đầy đọa cuộc sống con người. (12)Trong chế độ ấy, thân phận người phụ nữ cũng mỏng manh như những chiếc bóng! (13)Cái bóng cũng góp phần tạo nên một giá trị nhân đạo cao đẹp: ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. (14)Nói tóm lại, chi tiết cái bóng là một sáng tạo đặc sắc của Nguyễn Dữ làm nên sức lôi cuốn, hấp dẫn cho tác phẩm tới tận muôn đời. (15)**Phải chăng “chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”?**

Chú thích:

- Khởi ngữ.
- **Câu hỏi tu từ.**

2. Cách viết đoạn văn theo các dạng cấu trúc:

a, Kỹ năng:

b. Đoạn văn mẫu:

- Đoạn văn diễn dịch:

+ Đoạn mẫu 1:

“Trong truyện ngắn “những ngôi sao xa xôi” với lối tiếp cận riêng, Lê Minh Khuê không chỉ ca ngợi phẩm chất anh dũng kiên cường của ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường, nhà văn còn để họ hiện lên với vẻ đẹp bình dị gần gũi”. Hãy viết 10-12 câu để hoàn thành đoạn văn diễn dịch. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép và khởi ngữ.

Bài làm

Trong truyện ngắn “Ngôi sao xa xôi” với lối tiếp cận riêng, Lê Minh Khuê không chỉ ca ngợi phẩm chất anh dũng kiên cường của ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường, nhà văn còn để họ hiện lên với vẻ đẹp bình dị gần gũi.⁽¹⁾ Ba cô gái Phương Định, Nho và Thao dưới ngòi bút của tác giả hiện lên với vẻ đẹp mang đậm nét nữ tính.⁽²⁾ Về chị Thao thì thích làm dáng qua những chi tiết như áo lót thêu chỉ màu, lông mày tỉa nhỏ như cái tăm, chị cũng sợ máu và vắt như người bình thường.⁽³⁾ Sở dĩ nói vậy vì ở nơi chiến trường khốc liệt thì nào có ai để ý đến nhan sắc? chị vẫn theo đuổi cái đẹp, vẫn biết sợ, ngoài hiện lên là một người phụ nữ quyết liệt, táo bạo chị

còn hiện lên rất chân thực tự nhiên. ⁽⁴⁾ Nho thì được nhắc đến với dáng điệu nhỏ nhắn, nhẹ nhàng như một que kem trắng mát lạnh có cái cổ tròn. ⁽⁵⁾ Điểm nhấn của thu hút của Nho là sự trẻ trung hồn nhiên khi cô thích ăn đồ ngọt, thích tắm suối và thích thêu thùa đó đều là những sở thích đơn giản, gần gũi với mọi người. ⁽⁶⁾ Qua đó thấy được nét đẹp hồn nhiên thơ mộng của một tâm hồn tươi trẻ. ⁽⁷⁾ Nói đến tâm hồn thì không thể không nhắc đến Phương Định. ⁽⁸⁾ Cô hiện lên với thân phận xuất phát từ Hà Nội nên mang trong mình một tâm hồn đậm chất nữ sinh Hà Thành bởi những nét đẹp dịu dàng, kín đáo, mộng mơ. ⁽⁹⁾ Cô có nhận xét về bản thân khá khiêm tốn khi hiện lên với hai bím tóc dày, cái cổ cao cùng đôi mắt màu nâu nhìn về xa xăm và đuôi mắt dài. ⁽¹⁰⁾ Phương Định còn rất mê hát, ngoài ra cô cũng thích ngắm mình trong gương điều đó thể hiện cô cũng có một tâm hồn mộng mơ, yêu cái đẹp. ⁽¹¹⁾ Từ những nét đẹp hay những sở thích đơn giản của ba cô gái đã thể hiện được nét riêng, cái hồn của tác phẩm. ⁽¹²⁾ Bởi tuy sống và làm việc ở một nơi nguy hiểm luôn rình rập xung quanh nhưng các cô vẫn giữ được vẻ đẹp nữ tính, tâm hồn trong sáng hồn nhiên và có khi là trẻ con, điều đó đã mang lại cảm giác gần gũi, thân thuộc cho người đọc. ⁽¹³⁾

***Chú thích:**

khởi ngữ: =====

câu ghép: _____

3. Viết bài văn phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện:

a. Kỹ năng viết:

A.MB:

- Dẫn dắt

- Nêu lí do vì sao bạn lựa chọn tác phẩm này để đánh giá, phân tích? Điều gì khiến bạn yêu thích tác phẩm này?

B.TB:

1. Khái quát:

- Giới thiệu những thông tin khái quát về truyện: tác giả, hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, vị trí và sức sống của tác phẩm.

2. Câu chuyện được kể trong tác phẩm diễn ra như thế nào? -> HS tóm tắt ngắn gọn tác phẩm.

3. Truyện có những nét gì đặc sắc?

- Về cốt truyện?

- Cách xây dựng tình huống truyện?

- Sử dụng ngôi kể?

- Xây dựng lời thoại?

=> Khi đánh giá cần dùng tính từ, từ láy, từ ngữ đắt.

4. Phân tích những nét đặc sắc nổi bật của nhân vật chính

- Câu nói, chi tiết nào cần trích dẫn làm dẫn chứng để làm nổi bật vẻ đẹp, số phận, tính cách của nhân vật.

- Chú ý cần tìm hiểu và phân tích kĩ đoạn kết của truyện để thấy có cái nhìn toàn diện về nhân vật, từ đó thấy được chủ đề của truyện.

=> Khi đánh giá cần dùng tính từ, từ láy, từ ngữ đắt.

5. Tư tưởng, chủ đề của truyện:

- Chủ đề là vấn đề chủ yếu được đặt ra trong câu chuyện.

- Truyện ca ngợi điều gì? Phê phán điều gì? Lên án tố cáo điều gì? Thể hiện thái độ, tình cảm nào của tác giả?

- Nhấn mạnh và mở rộng chủ đề của truyện: Trong đời sống xã hội và đời sống văn học.

=> Khi đánh giá cần dùng tính từ, từ láy, từ ngữ đắt.

KB:

- Tóm lược lại các ý kiến đánh giá đã được trình bày trong bài viết.

- Khẳng định lại sức sống, khả năng tái sinh của truyện.

b. Bài văn mẫu:

Bài mẫu 1: Phân tích truyện ngắn "Đất quên" của Nguyễn Huy Thiệp trong chùm truyện "Những ngọn gió Hua Tát"

Văn bản: Đất quên

Lò Văn Pành là ông già nổi tiếng ở bản Hua Tát. Hơn tám mươi tuổi, hàm răng của ông vẫn còn đều tăm tắp như răng chàng trai mười bảy tuổi. Cối đá giã gạo, ông dùng một tay cử lên như bốn. Ông làm bằng ba người khác. Uống rượu cũng vậy, sức ông có thể chấp nổi muôn người. Tráng đinh trong bản Hua Tát nhìn ông kiêng nể. Ông Pành có ba vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Họ sống hòa thuận và khá sung túc. Gia đình cũng giống như những lò than, các cục than có sức tỏa ấm cho nhau nhưng rồi sau đó lại thiêu đốt nhau. Gia đình nào mà chẳng thế?

Sẽ không có chuyện gì xảy ra nếu như ông Pành chỉ sống quanh quẩn ở trong thung lũng Hua Tát. Nhưng dùng một cái, ông bỗng nảy sinh ý định đi về Mường Lưm mua trâu. Thực ra nếu chỉ mua trâu chẳng phải vất vả nhiều đến thế, chỉ cần sang bản Chi, bản Mạt, ông Pành có thể mua được những con trâu cày hạng nhất. Nhưng Mường Lưm là nơi thời trẻ ông Pành ở đó. Ký ức xa xưa sống dậy trong ông.

Mường Lưm là vùng đất xa xôi hẻo lánh tận cuối Châu Yên. Tiếng Thái Mường Lưm nghĩa là đất quên. Ở đây có những khu rừng nguyên sinh từ thời thượng cổ, cây cối bạt ngàn, chim thú nhiều vô kể.

Hôm ấy, ông Pành cưỡi ngựa đến gần Mường Lưm thì trời đã tối. Một cơn mưa đá dữ dội ập đến. Ông Pành nhìn quanh xem có chỗ nào trú được nhưng chỉ mệnh mông rất dỗi cỏng lách sắc như dao. Đá ở trên cao ào ào trút xuống. Con ngựa sợ hãi không chịu đi nữa, miệng nó hí vang, móng cào xuống đất.

Ông Pành nhảy vội xuống ngựa, miệng chửi rủa, ông chưa bao giờ thấy trận mưa nào dữ dội đến thế. Gió to quá, những giọt mưa đá quất vào người ông đau điếng. Đêm dần ập xuống, sấm sét rền vang làm đất rung chuyển, con ngựa dứ dứ dây cương chạy vụt xuống đồi. Ông Pành định đuổi theo thì bỗng nhiên thấy có bóng đen nhỏ chạy về phía mình. Ông định thần lại. Đây là cô gái đi làm nương về, gặp mưa bất thần, nằng sợ hãi vừa chạy vừa ngã, luôn miệng kêu trời. Gặp ông Pành, nằng kiệt sức ngã quỵ vào tay ông.

Mưa như trút, những cục đá vắng như đạn ghém. Ông Pành đứng lom khom che chở cho cô gái, cô gái úp mặt vào hai bàn tay, toàn thân run rẩy. Cô tựa vào bộ ngực trần vạm vỡ của ông tin cậy. Ông Pành an ủi:

– Đừng sợ... đừng sợ... Con gái của Then sẽ qua đi thôi...

Họ đứng như thế giữa đồi cỏ gianh, xung quanh mưa đá sấm rền. Ông Pành ngợp trong điệu huyền. Cả cuộc đời từng trải của ông, ông chưa bao giờ có cảm giác ấy. Ông biết đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm. Hơn cả tình yêu, hơn cả những người phụ nữ mà ông đã gặp, cảm giác này như là hạnh phúc.

Khi trời mưa tạnh thì trên cao bắt đầu le lói một thứ ánh hồng mờ ảo. Cô gái ngượng ngập rút tay ra khỏi bàn tay ông Pành. Ông chưa bao giờ thấy ai lại đẹp như vậy. Nàng vùng chạy. Ông luống cuống đuổi theo, vấp ngã nhưng rồi cuối cùng ông nắm được tay nàng.

– Em tên là gì? – Ông hỏi. – Ngày mai ta đến cầu hôn... Em có bằng lòng ta không? Cô gái bối rối, mãi sau nàng mới đáp ứng:

– Em là Muôn... Ở bản Mường Lưm...

Nàng đẩy ông ra rồi chạy xuống đồi, đôi bắp chân trắng nõn nà. Ông Pành ngồi thụp xuống đất, mồ hôi vã ra, bủn rủn. Một niềm sung sướng tràn ngập lòng ông. Ông nắm vật ra giữa đám cỏ gianh ướt sũng, mặc cho những con kiến đen to tướng bò lung tung trên tấm ngực trần. Ông thiếp đi cho đến lúc con ngựa tinh khôn tìm thấy ông, lấy cái miệng nóng hổi nhay nhay vào cái tai to, có những chùm lông đen loăn xoăn của ông để lôi dậy.

Trưa hôm sau, ông Pành dắt ngựa vào bản tìm đến nhà Muôn. Ông quỳ xuống, chõng cả đồng bạc hoa xòe dự định mua trâu cho ông bố Muôn. Biết lời cầu xin của khách, bố Muôn cười vang, ông gọi vợ con và dân bản đến. Mọi người cười cợt bàn tán. Ông Pành vẫn cứ tro tro giữa lời nhạo báng sắc tựa dao chích. Muôn nấp sau khe cửa nhìn ra. Nàng thấy hay hay và thấy câu chuyện còn có vẻ buồn cười nữa. Quả thật, nàng đã quên khuấy đi cơn mưa đá đêm qua, những giọt nước mắt và cuộc gặp gỡ trên đồi.

Một mực khăng khăng, ông Pành nhắc đi nhắc lại những lời cầu hôn. Thực quá đáng, mọi người không thể còn cười được nữa. Cuối cùng, bố Muôn đành phải đặt ra điều kiện:

– Thôi được, ông muốn làm rể tôi thì ông ở đây làm sao hạ được cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Lương mang về. Cây gỗ ấy sau này sẽ là căn nhà của ông và con Muôn đấy...

Mọi người lại cười phá lên. Không ai ở đây không biết cây gỗ lim ấy, vòng gốc của cây gỗ lim tám người đứng ôm không xuể. Nó mọc trên đỉnh núi đá vôi cao đến nỗi đứng ở trên ấy nhìn xuống thì bản Mường Lưm chỉ bé như mái nhà sàn.

– Được! Xin ông hãy giữ lấy lời! – ông Pành trả lời như dao chém đá.

Người ta đồn rằng hôm sau ông Pành leo lên đỉnh núi, bập được nhát riu đầu tiên vào gốc cây lim thì ông kiệt sức. Ông chết vì bị vỡ tim.

Đám tang ông Pành, Muôn không đi đưa. Hôm ấy nàng bận đi chợ Yên Châu xem đám chơi gà. Chiều về nàng cũng gặp mưa, nhưng mà lần này trời không mưa đá.

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TRUYỆN THỨ SÁU: ĐẤT QUÊN (TRÍCH "NHỮNG NGỌN GIÓ HUA TÁT" - NGUYỄN HUY THIỆP)

Trong cuộc đời, mỗi chúng ta đều sẽ gặp rất nhiều người, có người dừng chân lại và cũng có người lướt qua chỉ trong một khoảnh khắc. Và mỗi cuộc gặp gỡ như vậy đều là do thượng đế sắp xếp, ngài buộc ta phải gặp họ, ngài làm ta tò mò, băn khoăn và suy nghĩ xem vì sao ta lại gặp họ. Có người mang đến niềm vui thì sẽ có người mang đến nỗi buồn, sự dâng trào cảm xúc sinh ra hoocmon kích thích trí não khiến ta nghĩ về họ nhiều hơn. Nhưng cuộc đời sẽ không có nhiều lần ta cảm nhận được cảm xúc thăng hoa nhất - sự hạnh phúc. Tuy nhiên, không phải hạnh phúc nào cũng kéo dài. Truyện ngắn thứ sáu “Đất quên” trong mười truyện “*Những ngọn gió Hua Tát*” của tác giả Nguyễn Huy Thiệp đã khiến bạn đọc phải đặt ra câu hỏi rằng: **Liệu có phải hạnh phúc chỉ là một khoảnh khắc hay nó là cả một quá trình xuyên suốt trong cuộc đời?**

Câu chuyện kể về ông Lò Văn Pành, ông đã hơn tám mươi tuổi, ông sống ở bản Hua Tát cùng ba bà vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Ông Pành sống quanh quẩn trong thung lũng bản Hua Tát. Nhưng cuộc sống của ông đã thay đổi khi ông quyết định về Mường Lưm mua trâu – vùng đất nơi còn trẻ ông có rất nhiều kỉ ức tươi đẹp. Vào chiều tối mưa đá định mệnh của cuộc đời, ông đã gặp được nàng Muôn. Ông có cảm giác hạnh phúc, một cảm giác ông chưa từng được trải qua. Sau đó ông đã tới nhà nàng Muôn để cầu hôn, nhưng những gì ông nhận lại là thái độ cười cợt nhạo báng, họ bàn tán về ông và bố Muôn đã đưa ra một thử thách khó như lên núi đao, xuống biển lửa - hạ cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Lương mang về. Chính ông cũng biết đây là thử thách khó khăn nhưng ông vì nàng Muôn. Ông leo lên đỉnh núi vung một nhát riu vào gốc cây rồi kiệt sức vỡ tim chết.

Cốt truyện được xây dựng đơn giản với hai nhân vật ông Pành và nàng Muôn. Trong đó ông Pành là người được nhắc đến và dõi theo nhiều nhất, từ khi ông sống ở bản Hua Tát đến Mường Lưm rồi đến lúc ông chết đi. Không gian trong truyện được nhắc đến ở bản Hua Tát, ở Mường Lưm xa xôi tận cuối Châu Yên, ở giữa đôi bờ gianh nơi ông Pành và nàng Muôn gặp nhau. Bản Hua Tát là nơi ông Pành sống nhưng lại không được người cầm bút khắc hoạ, miêu tả nhiều, tác giả đưa ta đến với không gian tại Mường Lưm khiến ta băn khoăn rằng liệu có phải chỉ có thời trẻ, thời niên thiếu mới là khoảng thời gian khiến ta hạnh phúc? Hay cũng chỉ có nơi có kỉ niệm mới khiến cảm xúc ta được dâng trào? Ông Pành vì có thời trai trẻ gắn liền với Mường Lưm nên dĩ nhiên sẽ vô cùng quen thuộc và biết ở trên đỉnh núi có cây gỗ lim. Nhưng ông lại không hề chùn bước trước khó khăn. Phải chăng vì bản năng của con người là chinh phục thử thách hay vì khát vọng hạnh phúc mà ông mới tìm được sau 80 năm cuộc đời? Dù có nhiều không gian nhưng Nguyễn Huy Thiệp chỉ nhắc đến khoảng thời gian duy nhất là trận mưa đá, ngày ông Pành cảm nhận được niềm hạnh phúc. Lát cắt thời gian trong chiều mưa ấy dù ngắn ngủi, mong như tờ giấy nhưng đã khiến ông Pành được trải qua cảm giác chưa từng có. Chính lát cắt thời gian này, **ông vua không ngai của “làng truyện ngắn”** đã khiến độc giả thật sự phải suy tư, phải ngẫm nghĩ về thông điệp ông muốn nói đến thông qua các chi tiết và đặt ra câu hỏi rằng hạnh phúc có thật sự chỉ là một khoảnh khắc?

Tình huống truyện đầy hấp dẫn, bất ngờ và cũng vô cùng éo le. Tác giả đã đưa ta từ bản Hua Tát đến Mường Lưm, từ nơi yên bề gia thất đến tuổi trẻ mang trên mình đầy hoài bão và ước mơ. Khi ta bị cuốn vào đêm mưa đá đầy cảm xúc của ông Pành, để rồi nhiều người cũng đã nghĩ rằng câu chuyện sẽ có một cái kết đẹp, rằng niềm hạnh phúc của ông Pành sẽ đến với ông một cách khó tin ở độ tuổi ấy, rằng nàng Muôn sẽ giống như một món quà mà thượng đế ban cho ông. Nhưng tôi đã ngỡ ngàng trước thái độ của bố nàng Muôn cũng như của dân bản. Họ cười cợt và bàn tán về ông Pành. Ngay cả chính nàng Muôn, người ông cứ ngỡ là định mệnh cũng nấp sau khe cửa và cảm thấy câu chuyện này thật buồn cười. Nàng Muôn cười vì lẽ với cô thiếu nữ còn tuổi xuân xanh thì cuộc gặp gỡ ấy chỉ là thoáng qua, chỉ là một khoảnh khắc trong đời. Nhưng với ông Pành, đây là hạnh phúc, là cảm giác ông mất cả đời để đợi, để được trải qua, để cảm nhận. Có lẽ thượng đế đã quá tàn nhẫn khi để xảy ra một cuộc gặp gỡ éo le đến vậy. Giá như ông Pành gặp người như nàng Muôn từ thời còn trẻ thì có lẽ hai người đã không lướt qua nhau như thế.

Ông Pành từ tuổi tác là của một ông già đứng ngưỡn tất cả đều giống một chàng trai còn trẻ. Ông mang trong mình sự dũng mãnh như hổ, âm áp như ánh mặt trời, ông không quan tâm đến cái nhìn của người khác và rất ngoan cố. Điển hình là khi ông đến cầu hôn nàng Muôn. Nếu như không có chi tiết ông ngợp trong điệu huyền, bần rún vì cảm xúc ta sẽ không thể biết được ông cũng có một tâm hồn của một chàng thanh niên. Ông muốn yêu và khao khát được hạnh phúc, đây là một nhu cầu vô cùng bình thường. Tuy nhiên, với một người hơn 80 có nên bắt đầu cuộc hành trình kiếm tìm hạnh phúc hay không? Nàng Muôn lướt qua đời ông là thực hay chỉ là ảo ảnh về hạnh phúc? Đối với một người như ông Pành, ba vợ, tám con, ba mươi người cháu, gia đình khá giả, sung túc; sức khỏe vô biên đã là đủ đầy, viên mãn chưa? Nếu mọi người được như ông có an phận với cơ ngơi, cuộc đời, với lộc trời ban cho hay không? Giá như ông an phận, đâu đến nỗi phải vỡ tim mà chết? Cái chết của ông Pành là nghiệt ngã là tái tê hay là một niềm hạnh phúc của một con người được chết vì khát vọng kiếm tìm chinh phục hạnh phúc? Quả thực, cuộc đời và cái chết của ông Pành đáng để suy nghĩ!?

Truyện được kể dưới ngôi kể thứ ba, với điểm nhìn trần thuật của ông Pành. Giọng điệu văn chương của Nguyễn Huy Thiệp trong truyện có phần lãng mạn nhưng lại pha chút chề giễu. Ông chế giễu sự mau quên của nàng Muôn, chề giễu cuộc đời sao quá bất công với ông Pành khi ông chỉ muốn có được hạnh phúc nhưng sao khó khăn mà cơ hội lại mong manh đến vậy. Thông qua truyện ngắn này tác giả đã bày tỏ sự đồng cảm với ông Pành và gửi gắm đến chúng ta thông điệp: **Hãy luôn theo đuổi niềm hạnh phúc? Hay biết an phận đây?**

Kết thúc truyện Đất quên cứ băng khuâng trong lòng người về một vùng nhớ chẳng thể nào quên. Muôn không đưa đám ông Pành, nàng chị chợ Yên Châu xem chơi gà, chiều về nàng gặp mưa nhưng không có mưa đá. Cái kết cứ

dừng dưng, cứ lạnh lùng mà khiến ta băng khuông quá vậy. Phải chăng Mường Lư chính là mảnh đất quên thực sự? Nguyễn Huy Thiệp gieo chữ, gieo tình huống thật tài tình khiến ta cứ thấy man mác buồn cho một kiếp người. Đoạn kết nhẹ nhàng, lẩn tránh sống như một mặt hồ yên tĩnh, như một dòng chảy nhẹ nhàng mà sao lại cuộn xoáy bao cảm xúc trong lòng người đến vậy.

Ra đời trong tập truyện ngắn cùng chín truyện khác nhưng “Đất quên” vẫn luôn nổi bật và được rất nhiều độc giả chú ý đến. Ngắn gọn, đơn giản nhưng lại có thể khiến ta như trải qua cả cuộc đời cùng với nhân vật. Cho đến kết truyện tôi cho rằng ai cũng đã có câu trả lời cho riêng mình, rằng hạnh phúc là một khoảnh khắc hay là một quá trình. Với bản thân tôi, hạnh phúc chính là hạnh phúc, dù là khoảnh khắc hay quá trình không quan trọng, quan trọng là ta đã được trải qua nó, được đắm chìm và tận hưởng nó. Tôi tin rằng dù cho mười năm hay hàng trăm năm nữa thì phẩm này vẫn sẽ là một niềm tự hào của Nguyễn Huy Thiệp và ghi sâu vào trong lòng người đọc. Mỗi chúng ta đều sẽ được hạnh phúc, bạn hãy đọc và cảm nhận “Đất quên”, bạn cũng sẽ được hạnh phúc.

Bài mẫu 2: Phân tích, đánh giá nhân vật Hoàng Văn Nhân trong truyện thứ năm “Sói trả thù”

Trong cuộc đời của mỗi con người, ai cũng từng có những lần mắc phải sai lầm. Dù sai lầm lớn hay nhỏ, to hay bé thì ta vẫn phải chịu những hậu quả mà mình đã gây ra. Tác giả Nguyễn Huy Thiệp là một nhà văn lớn ở Việt Nam với nhiều tác phẩm nhân văn chứa nhiều thông điệp ý nghĩa, sâu sắc. Chuyện của ông xen lẫn giữa cái ác và cái tốt. Trong những tác phẩm mà ông viết, có một tác phẩm nói về luật nhân quả trong cuộc sống. Đó là truyện thứ năm “Sói trả thù” được trích trong “Những ngọn gió Hua Tát”. Qua ngôi bút tình tế của tác giả, mẫu chuyện kể về bài học nhân sinh mà nhân vật chính là Hoàng Văn Nhân rất có tài phải trả giá đắt do những lỗi lầm mà mình gây ra.

Nhân vật Hoàng Văn Nhân là người sống trong gia đình có tiếng tăm. Ông săn bắn rất giỏi, ông không biết sợ là gì. Ông Nhân có hai vợ nhưng cả hai đều vô sinh. Đến ngoài năm 50 tuổi, ông lấy thêm vợ ba và đẻ ra được một thằng con trai đẹp như tiên. Ông đặt tên cho thằng bé là Hoàng Văn San. Gia cảnh của ông tuy tốt và đủ đầy nhưng mãi ông mới có được một đứa con.

Ông có tài năng săn bắn rất giỏi vì từ bé ông Nhân đã được cha cho vào rừng đi săn từ năm 5 tuổi. Trong các mùa săn, ông luôn là người đứng đầu chỉ đạo đi săn. Sau khi có con, ông cũng cho thằng bé đi săn từ năm 5 tuổi. Mặc dù các bô lão trong làng đã có lời khuyên can, Ông Nhân vẫn bỏ lời ngoài tai và cười khẩy. Năm thằng San lên 12 tuổi, ông cho thằng bé đi săn chó sói. Được biết sói là loài vật độc ác và mưu mẹo. Nhưng ông Nhân là người dày dặn kinh nghiệm, ông không mắc mưu của con sói đầu đàn. Và ông đã thành công dồn nó vào hang rồi tiêu diệt hết đàn sói. Tuy nhiên ông chỉ giữ lại một con sói con đẹp nhất trong đàn.

“Luật nhân quả không chừa một ai” Ông tài năng nhưng phạm phải sai lầm lớn. Do không nghe lời của các bô lão trong làng, ông không biết lắng nghe những lời của người đi trước. Ông còn bảo thủ nói “5 tuổi cha tôi cũng đã cho tôi vào rừng rồi đấy!”. Chính do sự ông áp đặt cuộc đời của ông lên thằng San nên giờ đây ông phải chịu sự đau khổ của việc mất con. Một phần là vì muốn người con trai của mình thành một tay săn bắn cự phách để nối dõi gia đình giống như cha ông, ông nội ông và cụ nội ông. Sai lầm thứ hai của ông là đã gây ra tội ác tày trời. Ông Nhân giết sạch cả một đàn sói và những con sói con mới lớn do vậy ông đã phải nhận luật nhân quả. Ông có niềm vui săn bắn, đam mê săn nên không biết từ lúc nào ông có lòng thù tính trong người. Không tha cho bất kỳ con sói nào kể cả những con sói bé mới được sinh ra, ngoại trừ con sói con đẹp nhất trong đàn.

Vào năm cúng ma cho thằng San, con sói con đã thức tỉnh bản tính vốn có được mẹ thiên nhiên ban cho, nó lao vào cắn cổ thằng San không buông. Thay vì giết chết con sói đó ông Nhân lại cầm rìu chặt đứt xích cho con sói trước sự ngỡ ngàng của nhiều người. Phải chăng khi đó ông mới nhận ra được tội ác mà mình đã gây ra nên quyết định thả con sói đó đi? Lúc đó có lẽ ông đã nhận ra được những việc mình. Con chó sói đó từ bé đã phải chứng kiến cảnh gia đình mình bị giết.

Đây là cái giá phải trả quá lớn, ông đã mất đi thằng con duy nhất của ông. Nỗi đau này dày vò ông được thể hiện qua “ông Nhân Buông rìu xuống xác được con duy nhất những ngón tay gầy trơ cả khớp xương cày trên mặt đất bê bết máu”. Nỗi đau này quá lớn đối với một bậc làm cha. Ông nhân lại ngoài 50 tuổi mới có một đứa con, nỗi đau như thêm gấp đôi. Cái chết của thằng San là sự trừng phạt đau đớn đối với ông Nhân. Ông đã thức tỉnh được những sai trái mình làm. Cũng đã hiểu ra luật nhân quả “gieo nhân nào gặt quả nấy”.

Ông Nhân có một nửa tâm hồn tốt, một nửa tâm hồn xấu. Khi ông nhận ra được những sai lầm của mình thì đã quá trễ. Ông đã biết lỗi lầm của mình và sửa đổi bằng cách thả con chó sói đầy về với thiên nhiên ban đầu của nó. Ông ngồi ôm xác thằng San be bé máu thật khiến người ta xót thương. Câu chuyện này rút ra cho ta một bài học nào đừng gieo nhân quả ác nếu không ta sẽ phải chịu hậu quả. Tuy ông Nhân có tài nhưng chính do tài nên ông ấy mới không nghe lời các bô lão. Đọc xong, em có những suy tư về bài học nhân sinh trong cuộc đời.

Nguyễn Huy Thiệp đã xây dựng tình huống truyện bất ngờ kịch tính, không kém phần éo le. Mọi người cứ ngỡ con sói con đầy đã trở nên ngoan ngoãn nghe lời như chó nhà. Nhưng không con sói bắt ngờ sống dậy lại kí ức xưa kia của nó và cắn thằng San. Truyện được kể ở ngôi thứ ba khiến người đọc có cái nhìn khách quan về chuyện hơn. Tác giả đã thành công khắc họa tính cách và cuộc đời hoàn cảnh éo le của ông Nhân. Kết truyện khiến người đọc xót thương cho thằng San lẫn ông Nhân, chút suy ngẫm về cuộc sống. Nguyễn Huy Thiệp quả là một nhà văn có cái nhìn khác về thế giới, ông như có một thế giới riêng khi viết truyện. Truyện “Sói trả thù” tuy ngắn nhưng lại chứa nhiều bài học cho ta.

Với cách viết văn để lại cho người đọc một sự man mác buồn, một nỗi buồn vẩn vơ. Truyện để lại cho những người đọc nhiều thắc mắc về triết lý nhân sinh,... Với tôi, sai lầm của ông Nhân như một lưỡi rìu giáng thẳng xuống trái tim ông. Khiến trái tim ông Nhân vỡ đôi, chết lặng khi nhìn xác người con trai yêu quý của mình giữa vũng máu. Nhà phê bình Ngô Văn Giá đã nhận xét về văn của ông như sau: “Tôi thấy lối viết như vậy, nó đẩy người ta vào sự đau

đón,cái sợ hãi, cái ghê rợn nhưng đồng thời nó lại cứu người ta ra khỏi cái đó để bước vào một cái gì đó trong trẻo,thanh khiết.” Đúng như vậy, truyện “Sói trả thù” đã cho ta thấy được mặt tối cũng như mặt tốt của nhân vật Hoàng Văn Nhân.

4. Viết bài văn phân tích, đánh giá một nhân vật trong tác phẩm truyện:

a. Kỹ năng viết:

I. MB:

Cách 1: Mở bài trực tiếp: Tác giả -> phong cách => Tác phẩm -> đoạn trích -> VĐNL (nội dung) + lệnh phụ.

Kim Lân (1920-2007) là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Ông chuyên viết về nông thôn và nông dân Việt Nam một cách chân thật, xúc động bằng sự am hiểu sâu sắc về cảnh ngộ và tâm lí của những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng. Chính vì thế, Nguyên Hồng đã khẳng định: “*Kim Lân là nhà văn một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy*”. Tác phẩm tiêu biểu cho sáng tác của Kim Lân là “Vợ nhặt”. Truyện viết về con người trong nạn đói 1945 rất xúc động và khơi gợi được nhiều tình cảm nhân văn cao đẹp. **Đoạn văn ... đã Từ đó, ta thấy được ...**

- **Cách 2: Mở bài gián tiếp:**

+ **MB diễn dịch: Đề tài: Chủ đề khái quát về đề tài -> nhắc đến tác phẩm, tác giả, nội dung của 2-3 tác phẩm cùng đề tài đang nói đến -> tác phẩm cần phân tích -> đoạn trích -> VĐNL + lệnh phụ**

Hình ảnh người nông dân trước cách mạng tháng Tám đã trở thành nguồn cảm hứng của nhiều nhà văn. Nhắc đến đề tài này là chúng ta nhớ đến tiểu thuyết “**Tắt đèn**” của Ngô Tất Tố đã phản ánh số phận của người nông dân trước gánh nặng sưu thuế; là “**Bước đường cùng**” của Nguyễn Công Hoan khi bị chế độ vay nặng lãi đè nén; là **Chí Phèo** của nhà văn Nam Cao với nỗi đau cùng cực của người nông dân khi bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa, bị tước đoạt quyền làm người. Cùng viết về người nông dân dưới chế độ cũ, nhưng “**Vợ nhặt**” của nhà văn Kim Lân lại miêu tả số phận và vẻ đẹp của họ trong nạn đói năm 1945. **Tác phẩm đã thể hiện niềm khao khát sống, khát vọng hạnh phúc của những con người đứng bên bờ vực của cái chết. Đoạn trích ... đã ... Từ đó, ta thấy được...**

+ **MB tương liên: đi câu thơ/câu chuyện có nội dung tương tự với VĐNL/tác phẩm cần phân tích => tác phẩm đó => đoạn trích -> VĐNL + lệnh phụ**

Cuộc đời cơm vãi cơm rơi

Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi

Mỗi khi đọc những vần thơ trên trong bài thơ “**Ba mươi năm đời ta có Đảng**” của nhà thơ Tố Hữu, tôi lại nhớ đến hình ảnh và số phận của những con người trong nạn đói năm 1945. Cuộc đời và số phận của họ được nhà văn Kim Lân miêu tả rất thiết tha và cảm động trong truyện ngắn “**Vợ nhặt**”. **Tác phẩm đã thể hiện niềm khao**

khát sống, khát vọng hạnh phúc của những con người đứng bên bờ vực của cái chết. **Đoạn trích ... đã ... Từ đó, ta thấy được**

II. TB

1. Khái quát:

a. Tác giả (Chỉ dùng cho MB gián tiếp)

Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn về người nông dân và làng quê Việt Nam – mảng hiện thực mà từ lâu ông đã có sự hiểu biết sâu sắc. Ông viết về cuộc sống và con người nông thôn bằng **tình cảm, tâm hồn của một người vốn là con đẻ của đồng ruộng**. Thế giới nghệ thuật của ông chỉ tập trung trong khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Qua tác phẩm, ông đã thể hiện không khí nông thôn Việt Nam và đời sống nông dân, **tuy còn nghèo khổ nhưng vẫn yêu đời, tài hoa, tha thiết gắn bó với quê hương, cách mạng**.

- Nguyên Hồng nhận xét: Kim Lân là nhà văn “*một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy*”.

b. Khái quát tác phẩm (Dùng cho cả MB trực tiếp và gián tiếp)

Tác phẩm được viết vào năm 1954 theo “đơn đặt hàng” của Báo Văn dân dịp kỉ niệm 10 năm Cách mạng tháng Tám thành công. Tác giả đã dựa vào cốt truyện “Xóm ngụ cư” để viết thành Vợ nhặt. Truyện được bắt nguồn từ nạn đói năm 1945 và chủ yếu những con người trong nạn đói ấy. Thông qua truyện, Kim Lân muốn khẳng định: “*Trong sự túng đói quay quắt, trong bất cứ hoàn cảnh khốn khổ nào, người nông dân ngụ cư vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạm để mà vui, mà hi vọng.*” Khi nói chuyện về tác phẩm của mình Kim Lân có chia sẻ: “*Tôi muốn **phân tích tâm trạng và thân phận** của con người trong cái hoàn cảnh cùng đường ấy, nơi cuộc sống dường như **không có lối thoát**. Tôi muốn **hướng họ vào sự sống, sự yêu thương nhau**, không phải là sự giành giật nhau. [...] Nhưng nhân vật của truyện thì đứng ở ngưỡng cửa của cái đói. **Nơi ngưỡng cửa khốn khổ đó, họ sẽ chứng tỏ được số phận, tính cách của mình**, đồng thời, nơi đó họ bắt đầu một **niềm tin mới, một niềm hạnh phúc mới**, dù rất mong manh.*”

- Tóm tắt qua đến đoạn cần phân tích:

2. Phân tích đoạn trích: HS thực hiện theo 4 bước sau (giống như Vợ chồng A Phủ)

- **Bước 1:** nêu luận điểm.

- **Bước 2:** Trích dẫn chứng đặt trong ngoặc kép.

- **Bước 3:** Phân tích dẫn chứng: chú ý từ ngữ, cử chỉ, hành động và diễn biến tâm trạng của nhân vật. Cần đặt nhân vật, đoạn trích trong những hoàn cảnh cụ thể để phân tích mạch lạc hơn. Cần đặt nhân vật trong bối cảnh văn hóa, xã hội, trong mối tương quan với các nhân vật trong tác phẩm khác để thấy được nét độc đáo đặc sắc của nhân vật.

- **Bước 4:** Đánh giá và đi đến kết luận về luận điểm 1: Đặt nhân vật trong thước đo văn hóa, trong bảng tham chiếu tâm lí để đánh giá sự nổi bật của luận điểm.

3. Đánh giá nâng cao:

- **Đánh giá nội dung:** Cần chỉ ra cái đặc sắc của đoạn trích.

- **Đánh giá về nghệ thuật:** Để tạo nên thành công của đoạn trích nói riêng và tác phẩm nói chung, tác giả đã tạo nên một tình huống truyện độc đáo, éo le; xây dựng đối thoại sinh động, hấp dẫn; ngôn ngữ quê kiểng nhưng sử dụng rất đắc địa; đặc biệt

là miêu tả tâm lí nhân vật rất sắc sảo. Điều đặc sắc nhất của đoạn trích là tác giả đã miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế bằng sự hiểu biết của một con người vốn là *con đẻ của đồng ruộng*, bằng tấm lòng của một nhà văn “*một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy*”.

- **Lí luận văn học: (giống Vợ chồng A Phủ):** Nhà văn Sê – khốp từng khẳng định: Nhà văn chân chính là phải nhân đạo từ trong cốt tủy. Quả đúng như vậy, văn là người, cho nên con người như thế nào thì văn chương cũng vậy. Nhà văn chân chính phải đứng trong lao khổ để đón những vang vọng cuộc đời. Chính vì thế, văn học phải hướng tới cuộc sống, phải khơi gợi được những tình cảm nhân văn cao đẹp, đánh thức được lòng trắc ẩn đang ngủ sâu trong trái tim mỗi người đọc. Văn chương phải giúp ta người hơn. Từ những điều trên, ta có thể khẳng định nhà văn **Kim Lân** đã hoàn thành sứ mệnh của một nhà văn chân chính khi tạo ra những trang viết chan chứa giá trị nhân đạo.

4. Lệnh phụ: Khi làm lệnh phụ các em cần thực hiện các bước sau: (Giống như Vợ chồng A Phủ)

- **Bước 1:** Khái niệm:
- **Bước 2:** Biểu hiện trong tác phẩm hoặc đoạn trích.
- **Bước 3:** Đánh giá ý nghĩa của lệnh phụ đó đối với tác phẩm.

KB:

- Nói tóm lại, đoạn văn đã thể hiện rất chân thành, sâu sắc...
- Tác phẩm **Vợ nhặt** xứng đáng được coi là **một kiệt tác** của văn xuôi kháng chiến. Từ điểm nhìn cận cảnh về cuộc sống **tối sẫm** của những con người trong đói khát, Kim Lân đã **mở ra ánh sáng chói chang** của buổi sáng ngày hôm sau tạo nên một kết thúc mở đầy ý nghĩa. Trong truyện ngắn Vợ nhặt còn **một điểm nhìn rất nhân văn**, điểm nhìn này đã tạo nên sức sống và giá trị của tác phẩm, **nó đủ sức để soi đường, chỉ lối, dẫn dắt đến tương lai tươi sáng** đối với những ai đang làm đường lạc lối.

b. Bài văn mẫu:

+ **Bài mẫu 1: Đề 1: Cảm nhận về đoạn trích sau. Từ đó nhận xét về giá trị nhân đạo của tác phẩm “Thị lẳng lặng theo hắn vào trong nhà, cái nhà vắng teo đứng rúm rỏ trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại hắn cũng tầm phơ tầm phào đâu có hai bận, ấy thế mà thành vợ thành chồng”.**

Bài làm

Như Tô Hữu từng nói “*Cuộc đời là nơi xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học*”. Đời sống văn học phức tạp, nhiều người đi lao vào ca ngợi những tình cảm ủy mị, tâng bốc những của cải nhỏ giọt của bọn địa chủ tàn thời giàu tiền lắm của, rơm đời. Hiện thực xã hội cứ bày ra trước đó, đầy những ma cô, những mụ buôn người, những tên quan phụ mẫu của dân nhơ nhớp,... nhưng khi soi vào văn học, người đọc chỉ thấy những giấc mơ hồng trong tưởng tượng. Là nhà văn, ngòi bút của anh phải chắm vào nghiên mực cuộc đời thì văn chương của anh mới luôn tươi màu, neo chặt vào bên tâm hồn người thường thức. Hiểu được điều đó, nhà văn Kim Lân đã chấp bút viết ra truyện ngắn “Vợ nhặt” để người đọc thấy rõ được khung cảnh bi thảm cùng với những con người trong nạn đói năm 1945 dù cận kề cái chết nhưng bọn họ vẫn yêu thương và đùm bọc lẫn nhau. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Tràng và thị khi Tràng dẫn thị về nhà “*Thị lẳng lặng theo hắn vào trong nhà, cái nhà vắng teo*

đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại hắt cũng tâm phơ tâm phào đâu có hai bận, ấy thế mà thành vợ thành chồng”. Từ đó, đoạn trích đã góp phần tạo nên giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn về người nông dân và làng quê Việt Nam – mảng hiện thực mà từ lâu ông đã có sự hiểu biết sâu sắc. Ông viết về cuộc sống và con người nông thôn bằng tình cảm, tâm hồn của một người vốn là con đẻ của đồng ruộng. Thế giới nghệ thuật của ông chỉ tập trung trong khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Qua tác phẩm, ông đã thể hiện không khí nông thôn Việt Nam và đời sống nhân dân, tuy còn nghèo khổ nhưng vẫn yêu đời, tài hoa, tha thiết gắn bó với quê hương cách mạng. Nguyên Hồng nhận xét: Kim Lân là nhà văn *“một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy”*.

Tác phẩm được viết vào năm 1945 theo “đơn đặt hàng” của Báo Văn nhân dịp kỉ niệm 10 năm cách mạng tháng Tám thành công. Tác giả đã dựa vào cốt truyện “Xóm ngụ cư” để viết thành “Vợ nhặt”. Truyện được bắt nguồn từ nạn đói năm 1945 và chủ yếu là những con người trong nạn đói ấy. Thông qua truyện, Kim Lân muốn khẳng định: *“Trong sự túng đói quay quắt, trong bất kì hoàn cảnh khốn khổ nào, người nông dân ngụ cư vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạm để mà vui, mà hi vọng”*. Khi nói chuyện về tác phẩm của mình Kim Lân có chia sẻ: *“Tôi muốn phân tích tâm trạng và thân phận của con người trong hoàn cảnh cùng đường ấy, nơi cuộc sống dường như không có lối thoát. Tôi muốn hướng họ vào sự sống, sự thương yêu nhau, không phải là sự giành giật nhau (...). Nhưng các nhân vật của truyện thì đứng ở ngưỡng cửa của cái đói. Nơi ngưỡng cửa khốn khổ đó, họ sẽ chứng tỏ số phận và tính cách của mình, đồng thời ở nơi đó họ sẽ bắt đầu một niềm tin mới, một niềm hạnh phúc mới, dù là rất mong manh”*.

Truyện kể về nạn đói năm 1945, một anh tên là Tràng nhà nghèo, dân ngụ cư, không lấy được vợ. Một lần, anh kéo xe thóc lên tỉnh, một người phụ nữ đã theo anh về nhà và họ đã trở thành vợ chồng – anh “nhặt” được vợ một cách dễ dàng chỉ với vài câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. Anh đưa vợ về ra mắt người mẹ già trong sự ngạc nhiên của mọi người vì thêm một miệng ăn trong cảnh đói khát, người chết khắp nơi.

Ngay từ nhan đề Vợ nhặt đã thu hút sự chú ý của người đọc ngay từ đầu, bởi cái giá của một người phụ nữ ít nhất cũng là

“Ba trăm một mụ đàn bà

Mua về mà trái, chiếu hoa cho ngồi”

Ở đây, lại là vợ theo không về, “đại hạ giá” xuống còn bốn bát bánh đúc, hai hào dầu, một cái thúng con,... Thị nào có biết Tràng là ai, tốt xấu như thế nào, quê quán, gốc tích ra sao? Chỉ một câu hò bâng quơ và mấy bát bánh đúc là thị đã theo về làm vợ anh. Phải chăng thị theo Tràng là vì miếng ăn? Thật ra đó là hành động xuất phát từ lòng khao khát được sống, bởi nếu không có những câu nói bông đùa ấy thì có khi thị lại trở thành thây ma giữa nạn đói khủng khiếp. Nhưng tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa, gia cảnh nhà Tràng, tác giả đã quan sát từ ngoài vào trong, từ bao quát đến cụ thể *“cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại”*, *“tám phiên rách”*, *“những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất”*, khung cảnh hoang tàn mà vắng lạnh đã cho thấy hình ảnh một căn nhà thật méo mó, thảm hại, đơn sơ, lạnh lẽo, rúm ró. Căn nhà ấy, mảnh vườn ấy như mách bảo với thị

rằng cái đói đã có sẵn ở đây rồi, đang chậm chậm đẩy Tràng và bà mẹ đến thế cùng như thị chỉ trong nay mai mà thôi. Thông thường, căn nhà đón nàng dâu mới dù giàu nghèo cũng phải có sự chuẩn bị tươm tất nhưng ngôi nhà Tràng lại thiếu sức sống, bàn tay chăm lo của con người. Tuy nhiên, khung cảnh ấy không hề xa lạ với tình cảnh “*cái đói và cái chết đang cận kề, người chết như ngã rạ, người sống cũng dật dờ như những bóng ma*”. Bức tranh cảnh vật ấy in đậm dấu vết của nạn đói 1945. Và cũng qua chi tiết này, tác giả như đang nói lên một sự thật hiển nhiên là trong cái đói nghèo, sự chết chóc có thể đến bất cứ lúc nào, con người ta không còn nghĩ đến cái đẹp, không còn trân trọng ngôi nhà của mình, cứ mặc cho nó bừa bộn, bẩn thỉu. Cái ám ảnh nhất trong đầu họ lúc này là làm sao được sống, làm sao để được tồn tại, làm sao để thoát khỏi nạn đói này. Đoạn văn miêu tả gia cảnh khốn khổ của nhà bà cụ Tứ tạo ra một tình huống rất nghịch lý, éo le. Đây chính là phong nền, là thước đo để đánh giá cách ứng xử của các nhân vật, đặc biệt là người vợ nhặt.

Trước gian sơn nhà Tràng như vậy thị “*đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài*”, “*nhếch mép cười nhạt nhẽo*”. Đó là điệu cười của một con người rơi vào hoàn cảnh đầy trớ trêu, cười cho cái số kiếp đen đủi của mình khi cái đói cứ bám riết lấy thị, không buông tha, thị chạy đến đâu thì cái đói cũng chạy theo. Ngay cả khi hạ thấp bản thân để mang tiếng theo không Tràng trở thành “vợ nhặt”, đau đớn, chua xót, thế mà cái đói không tha cho thị. Tuy nhiên, dù vô cùng chán nản, chua chát nhưng thị vẫn vô vùng tể nhị khi “*nén tiếng thở dài*”, nghĩa là thở ra từ từ không thành tiếng để người khác không nghe thấy, làm như vậy, vì sợ Tràng buồn, sợ Tràng hiểu lầm thị trách phạt. Qua đây, ta thấy rằng thị cũng là người đàn bà ý tứ, tể nhị, biết điều, khác với vẻ chao chát, cong cớn, chông lòn ban đầu, thị bây giờ là nàng dâu mới với đầy đủ sự ý tứ, cung kính, mực thước. Thị ngồi xuống mép giường sau lời mời của Tràng, ngồi móm vì mất tự nhiên. Tự nhiên sao được khi về nhà chồng với những cái không: không tấm áo lành lặn, không họ hàng đưa tiễn, không một chút hiểu biết về gia cảnh nhà chồng, không cưới hỏi... Biệt tài của Kim Lân là không miêu tả tâm trạng thị mà để hành động nói lên tâm trạng. Sau cái ngượng ngịu của cả hai, “*Thị vẫn ngồi móm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng mặt bàn thân*”. Mặc dù Tràng đơn đả thanh minh: “*không có người đàn bà nhà cửa thế đấy*”, “*ngồi đây...ngồi xuống đây, tự nhiên!*” thế nhưng thị chỉ dám ngồi “móm” ở mép giường. Ai dám bảo thị trơ trẽn nữa, ai dám bảo thị đánh rơi mất lòng tự trọng nữa, mà lúc này con người thật của thị đã trỗi dậy trong sự tủi nhục, ngậm ngùi, chua chát. Thị ngồi móm ở mép giường trông nó chông chênh như chính cuộc đời của Thị vậy. Liệu chỗ ngồi này có phải là chỗ của chị không? Mái nhà này có phải là nơi để chị dung thân không? Chị bản thân vì ngỡ như mọi chuyện vừa xảy ra không phải là thực. Làm vợ, làm dâu mà đến thế này ư? Lấy chồng, cái hạnh phúc lớn nhất của đời con gái ấy, chị có được hưởng chút nào đâu? Buồn lắm! Tủi lắm! Trăm mối ngổn ngang. Ý thức về hoàn cảnh của bản thân, buồn cho số kiếp đen đủi của mình, thân phận hẩm hiu của cuộc đời “*tha hương cầu thực*”:

“*Cuộc đời cơm vãi cơm rơi*

Biết đâu nẻo đất phương trời mà đi”

Thị theo Tràng mang niềm hi vọng có miếng ăn, thoát khỏi cảnh đói khát, thị tự tin tìm kiếm cho mình cơ hội để giải thoát khỏi cái chết cận kề. Tuy nhiên, càng hi vọng bao nhiêu thì thị lại càng thất vọng bấy nhiêu, khiến cho bản thân phải đứng trước hai

sự lựa chọn. Nếu bỏ đi, thì vẫn phải đối diện với cái đói, cái chết cận kề, cô vẫn phải sống “*cuộc đời đầu đường xó chợ/ tối đâu là nhà, ngã đâu là giường*”, cuộc đời lang thang, nếu chẳng may ông trời bắt chết thì không có ai lo lắng, không có ai chôn cất, sẽ chỉ là thêm một cái thây “*nằm còng queo bên đường*”. Còn nếu ở lại, thì vẫn phải đối diện với cái đói, nhưng có thể sẽ có một mái ấm gia đình, may ra thị được hưởng hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình. Như vậy, thị chọn ở lại là cách lựa chọn khôn ngoan, thể hiện sự suy nghĩ rất chín chắn, sâu sắc, nghĩa tình. Nếu như thị theo Tràng là vì miếng ăn, thì động cơ thị ở lại vì niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình.

Khi đem thị về nhà, Tràng mới thực sự lo lắng, tâm trạng thiếu tự tin, giống như một đứa trẻ. Bắt đầu là “*xăm xăm bước vào nhà*”, dọn dẹp sơ qua, thanh minh về cảnh nhà bừa bộn vì thiếu tay đàn bà. Sau đó, Tràng thấy “*ngượng ngịu*” rồi cứ thế “*đứng tây ngậy ra giữa nhàm chột hắt thấy sờ sờ*”. Trong lòng anh ngổn ngang trăm thứ cảm xúc, hắt thấy “sợ” bởi hắt lo rằng người vợ sẽ bỏ đi vì gia cảnh của hắt, hạnh phúc sẽ tuột khỏi tầm tay, chính vì điều này khiến hắt càng sốt ruột chờ mong bà cụ Tứ về để thưa chuyện “*hắt lăm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên*”, “*Hắt loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà*” vì trong cảnh đói khổ vẫn phải nghĩ đến quyết định của mẹ. Tràng nhìn Thị ngồi ngay giữa nhà mà chột nghĩ hóa ra mình đã có vợ rồi và chàng không hiểu vì sao Thị lại buồn như thế trĩu “*Quái, sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ...*”. Người đời thường nói:

*“Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà,
Trong ba việc ấy thật là khó thay”*

Ấy thế mà việc có vợ đối với Tràng dễ như trở bàn tay, như nhặt rom nhặt rác ở ngoài đường. Sinh ra cũng là kiếp người mà sao Thị tội nghiệp đến vậy, nhìn Thị mà nổi buồn thêm nặng trĩu. Sau đó, hắt ngờ nghếch “*nhỏ vu vơ một bãi nước bọt, tùm tùm cười một mình*”, nụ cười của anh như xua tan đi những lo lắng tủn mủn, cái đói khát cùng cực của cuộc đời. Nụ cười như một nốt nhạc an yên giữa những sự ngột ngạt, tù túng, khi mà “cái đói” đang ngập tràn cả xóm ngụ cư. Đó là nụ cười cho niềm hạnh phúc, sự bất ngờ khi mình bỗng dưng có vợ, hắt thương thị biết bao, phải chăng chỉ có tình thương, sự cứu mang của những con người dành cho nhau mới mang lại niềm vui chân chính? Tràng “*ngờ ngợ như không phải thế*”, trạng thái không dám tin vào sự thật, nửa tin nửa ngờ, anh không dám tin rằng “*ra là hắt có vợ rồi đấy ư*”, lại còn trong nạn đói khủng khiếp như vậy. Anh không dám tin, bởi trước đây anh không nghĩ đến việc dựng vợ gả chồng, hoặc có nghĩ thì cũng chẳng dám tin mình sẽ có vợ “*hắt cũng chỉ tầm phơ tầm phào đâu có hai bận*” với ý trêu đùa, không nghiêm túc “*ấy thế mà thành vợ thành chồng...*”. Rồi cái ngỡ ngàng trước hạnh phúc kia cũng nhanh chóng đẩy thành niềm vui hữu hình cụ thể. Đó là niềm vui về hạnh phúc gia đình, nỗi sợ hãi của Tràng bắt nguồn từ niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình, khát vọng càng bùng cháy bao nhiêu thì nỗi sợ lại càng lớn bấy nhiêu.

Đoạn văn ngắn, khá đặc sắc, đã diễn tả tinh tế diễn biến tâm trạng của Tràng và thị trong tình huống éo le, trớ trêu. Trong đoạn văn, đã ánh lên niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình của Tràng và thị. Từ đây, đoạn trích đã góp phần làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện: Thông qua số phận con người trong nạn đói năm 1945, nhà văn Kim Lân khẳng định trong cái đói, cái khát, cái chết cận kề con

người ta vẫn yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, vẫn hướng đến sự sống khao khát hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình.

Nét đặc sắc trong đoạn trích là việc tác giả đã miêu tả cách ứng xử của những con người đói bên bờ vực cái chết rất tinh tế, sâu sắc. Mặc dù, bị dồn vào đường cùng, bị đẩy vào tình huống éo le, nhưng họ vẫn tìm cho mình một cách ứng xử rất phù hợp, sâu sắc. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, những con người trong nạn đói cũng không từ bỏ khát vọng sống, vẫn luôn tìm được lí do để vươn lên cái đói, cái khát, cái thảm đạm để mà vui, mà hi vọng. Đây là điểm sáng trong cách tiếp cận những người dân trong nạn đói của nhà văn Kim Lân. Chính điều này tạo nên điểm sáng nhân văn, thứ ánh sáng đủ sức nâng giắc cho những con người đang cùng đường tuyệt lộ,

Để tạo nên thành công của đoạn trích nói riêng và tác phẩm nói chung, tác giả đã tạo nên một tình huống truyện độc đáo, éo le, xây dựng đối thoại sinh động, hấp dẫn, ngôn ngữ quê kiểng nhưng sử dụng rất đặc địa, đặc biệt là miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo. Điều đặc sắc nhất của đoạn trích là tác giả đã miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế bằng sự hiểu biết của một con người vốn là con đẻ của đồng ruộng, bằng tấm lòng của một nhà văn “một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy”.

Nhà văn Sê – khớp từng khẳng định: Nhà văn chân chính là phải nhân đạo từ trong cốt tủy. Quả đúng như vậy, văn là người, cho nên con người như thế nào thì văn chương cũng vậy. Nhà văn chân chính phải đứng trong lao khổ để đón những vang vọng cuộc đời. Chính vì thế, văn học phải hướng tới cuộc sống, phải khơi gợi được những tình cảm, nhân văn cao đẹp, đánh thức được lòng trắc ẩn đang ngủ sâu trong trái tim mỗi người đọc. Từ những điều trên, ta có thể khẳng định nhà văn Kim Lân đã hoàn thành sứ mệnh của một nhà văn chân chính khi tạo ra những trang viết chan chứa giá trị nhân đạo.

Giá trị nhân đạo là giá trị cơ bản của tác phẩm chân chính được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn đối với những nỗi đau của con người và cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống, đồng thời thể hiện sự nâng niu trân trọng những phẩm chất tốt đẹp trong tâm hồn và niềm tin vào khả năng vươn dậy của con người. Thể hiện ở tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận của con người trong nạn đói. Lên án, tố cáo thực dân Pháp và phát xít Nhật đã đẩy con người vào nạn đói thảm khốc. Trân trọng, trân trọng và ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân đang đứng bên bờ vực cái chết. Nhà văn đã hé mở con đường đổi đời tươi sáng, tích cực cho người dân khốn cùng. Đó là giá trị nhân đạo sâu sắc, mới mẻ, góp phần làm nên thành công cho tác phẩm. Qua đó, ta thấy được tấm lòng đôn hậu, yêu thương con người sâu sắc của tác giả. Đúng như báo online Tuổi trẻ đã khẳng định: *“Từ trong bóng tối của hoàn cảnh, Kim Lân muốn tỏa sáng một chất thơ đặc biệt của hồn người. Mảng tối của bức tranh hiện thực buồn đau là một phép đòn bẩy cho mảng sáng của tình người tỏa ra ánh hào quang đặc biệt của một chủ nghĩa nhân văn thiết tha, cảm động”* (Báo online Tuổi trẻ - chuyên đề 4 Văn xuôi kháng chiến). Chính giá trị nhân đạo mới mẻ, sâu sắc và cao cả đã tạo nên sức sống mãnh liệt của truyện ngắn Vợ nhặt, tác phẩm đã chạm đến trái tim bạn đọc nhiều thế hệ, đã làm hồi sinh những tâm hồn chai sạn trước sương gió cuộc đời,

Đoạn văn đã cho chúng ta thấy được vẻ đẹp tâm hồn của Tràng và thị, những nạn nhân xấu số của nạn đói năm 1945: ngay trên bờ vực cái chết, họ vẫn hướng về sự sống, khao khát tổ ấm gia đình và thương yêu đùm bọc lẫn nhau như Kim Lân đã

tâm sự: *"Những người đời, họ không nghĩ đến cái chết, mà nghĩ đến cái sống"*. Nội dung nhân đạo sâu sắc và cảm động đó được thể hiện qua một tình huống truyện độc đáo, cách kể truyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí khá tinh tế dựng đối thoại sinh động. Từ cách ứng xử của thị trước bước đường cùng đã đặt ra cho bạn đọc nhiều vấn đề khiến mọi người phải suy nghĩ.

PHẦN BA: LÍ LUẬN VĂN HỌC

I. KHÁI LƯỢC VỀ TRUYỆN

- Truyện là thể loại văn học xuất hiện từ lâu, sau thơ ca trữ tình. **Truyện là loại văn tự sự, kể chuyện, trình bày sự việc để đi đến một kết thúc có ý nghĩa nào đó. Truyện có cốt truyện, có nhân vật.** Qui mô truyện thường lớn hơn thơ. Truyện phần lớn được viết bằng văn xuôi, bên cạnh đó cũng có loại văn vần. Khác với thơ thiên về cái đẹp, xúc cảm và sự cô đọng, truyện có khả năng đi sâu vào từng khía cạnh góc ngách phức tạp của cuộc sống và của tâm hồn.

1. Đặc trưng của truyện

- Khác với thơ ca in đậm dấu ấn chủ quan, **truyện phản ánh đời sống trong tính khách quan của nó, qua con người, hành vi, sự kiện được miêu tả và được kể lại bởi người kể chuyện (trần thuật) nào đó.**

- Ở đây, **cốt truyện với một chuỗi các tình tiết**, sự kiện, biến cố xảy ra liên tiếp tạo nên sự vận động của hiện thực được phản ánh, góp phần khắc họa tính cách nhân vật, số phận từng cá nhân.

- **Nhân vật được miêu tả chi tiết và sinh động** trong mối quan hệ với hoàn cảnh, với môi trường xung quanh. Truyện không bị gò bó về không gian, thời gian, có thể đi sâu vào tâm trạng con người, những cảnh đời cụ thể.

- **Truyện sử dụng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau.** Ngoài ngôn ngữ người kể chuyện còn có ngôn ngữ nhân vật. Bên cạnh lời đối đáp còn có lời độc thoại nội tâm. Lời kể khi thì ở bên ngoài khi thì nhập tâm vào nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện gần với ngôn ngữ đời sống.

2. Phân loại truyện

- Trong văn học dân gian truyện có nhiều thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn.

- Văn học trung đại có truyện bằng chữ Hán và truyện thơ Nôm.

Trong văn học hiện đại, theo quy mô văn bản và dung lượng hiện thực người ta phân ra thành truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa.

+ Truyện ngắn thường ít nhân vật, sự kiện, nó hướng tới mảnh nhỏ cuộc sống, có thể kể cả cuộc đời hay một đoạn đời, một chốc lát của nhân vật nhưng vẫn đặt ra được những vấn đề lớn lao, thể hiện những tư tưởng nhân sinh sâu sắc.

+ Truyện vừa là thể loại văn xuôi cỡ trung bình. Không có sự phân biệt rạch ròi giữa truyện dài và truyện vừa.

Truyện ngắn là thể loại gần gũi với đời sống hằng ngày, súc tích, dễ đọc, lại thường gắn liền với hoạt động báo chí, do đó có tác dụng, ảnh hưởng kịp thời trong đời sống. Nhiều nhà văn lớn trên thế giới và nước ta đã đạt tới đỉnh cao của sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật chủ yếu bằng những truyện ngắn xuất sắc của mình. Truyện ngắn xuất hiện trên một tạp chí xuất bản đầu thế kỉ XIX, phát triển lên đến đỉnh cao nhờ những

sáng tác xuất sắc của văn hào Nga Chekhov và trở thành một hình thức nghệ thuật lớn của văn học thế kỉ XX.

Theo các sách giáo khoa chính thống hiện nay, Truyện ngắn được định nghĩa là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Nội dung thể loại của Truyện ngắn bao trùm hầu hết các phương diện của đời sống: đời tư, thể sự hay sử thi, nhưng cái độc đáo của nó là ngắn gọn. Bởi Truyện ngắn được viết ra để đọc liền một mạch. Tuy nhiên, mức độ dài ngắn chưa phải là đặc điểm chủ yếu phân biệt truyện ngắn với các tác phẩm tự sự loại khác (các loại truyện kể dân gian cũng có độ dài tương đương với truyện ngắn). Hình hài của truyện ngắn hiện đại như ta thấy hiện nay là một kiểu tư duy mới, một cách nhìn cuộc đời, một cách nắm bắt cuộc sống rất riêng, mang tính chất thể loại. Trong truyện ngắn thường có ít nhân vật, ít sự kiện phức tạp.

3. Vấn đề về hình tượng nhân vật trong văn học

Nhà văn người Đức W. Goethe có nói: “Con người là điều thú vị nhất đối với con người, và con người cũng chủ hứng thú với con người”. Con người là nội dung quan trọng nhất của văn học. **Nhân vật văn học** là khái niệm dùng để chỉ hình tượng các cá thể **con người trong tác phẩm văn học** – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

a. Khái niệm Nhân vật văn học.

Đối tượng chung của văn học là cuộc đời nhưng trong đó con người luôn giữ vị trí trung tâm. Những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, những bức tranh thiên nhiên, những lời bình luận...đều góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm nhưng cái quyết định chất lượng tác phẩm văn học chính là việc xây dựng nhân vật. Đọc một tác phẩm, cái đọng lại sâu sắc nhất trong tâm hồn người đọc thường là số phận, tình cảm, cảm xúc, suy tư của những con người được nhà văn thể hiện. Vì vậy, Tô Hoài đã có lí khi cho rằng “*Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thảy, giải quyết hết thảy trong một sáng tác*”

“Văn học là nhân học” (M. Gorki). Văn học bao giờ cũng thể hiện cuộc sống của con người. Nói đến nhân vật văn học là nói đến con người được nhà văn miêu tả thể hiện trong tác phẩm, bằng phương tiện văn học. Nhân vật văn học có khi là những con người có họ tên như: Từ Hải, Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Chị Dậu, anh Pha, ... Khi là những người không họ không tên như: tên lính lệ, người hầu gái, một số nhân vật xưng “tôi” trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình – ta trong ca dao. Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên hai phương diện: số lượng và chất lượng. Về số lượng, hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng, dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỷ, đồ vật, ... nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người. Nhân vật trong văn học có khi là một loài vật, một đồ vật hoặc một hiện tượng nào đó của thế giới tự nhiên, mang ý nghĩa biểu trưng cho số phận, cho tư tưởng, tình cảm của con người. Có thể nói nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực.

Miêu tả con người, chính là việc xây dựng nhân vật của nhà văn. Ở đây, cần chú ý rằng nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không là sự sao chép đầy mọi chi tiết biểu hiện của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm điển hình về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách. Nói đến văn học thì

không thể thiếu nhân vật, vì đó chính là phương tiện cơ bản để nhà văn khái quát hiện thực một cách hình tượng.

Nhà văn sáng tạo nhân vật để thể hiện nhận thức của mình về một cá nhân nào đó, về một loại người nào đó, về một vấn đề nào đó của hiện thực. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Có thể nói, *“nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực. Chức năng của nhân vật là khái quát những quy luật của cuộc sống và của con người, thể hiện những hiểu biết, những ước mơ, kì vọng về đời sống”*. Các vị thần như thần Trụ trời, thần Gió, thần Mưa thể hiện nhận thức của người nguyên thủy về sức mạnh của tự nhiên mà con người chưa giải thích được. Truyền thuyết về Lạc Long Quân và Âu Cơ thể hiện niềm tự hào về nòi giống dân tộc Việt. Nhân vật lí tưởng của văn học cổ Hi – La là những anh hùng chưa có ý thức về đời sống cá nhân, tìm lẽ sống trong việc phục vụ quyền lợi bộ tộc, thành bang, quốc gia, đó là những Asin, Héc-tô trong Iliát, Uylít-xơ trong Ôđixê, Prômê-tê trong Prômê-tê bị xiềng. Nhà văn sáng tạo nên nhân vật là để thể hiện những cá nhân xã hội nhất định và quan niệm về các cá nhân đó.

Nhân vật văn học được tạo nên bởi nhiều thành tố gồm hạt nhân tinh thần của cá nhân như: ý chí, khát vọng, lí tưởng, các biểu hiện của thế giới cảm xúc, các lợi ích đời sống, các hình thái ý thức, các hành động trong quá trình sống. Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có những dấu hiệu để nhận biết như tên gọi, tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng, ... Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Việc giới thiệu Tràng trong tác phẩm **Vợ nhặt** của Kim Lân dường như cũng báo trước về số phận của nhân vật sau này: *“Hắn vừa đi vừa tủm tỉm cười, hai con mắt nhỏ tí, gà gà đăm vào bóng chiều, hai bên quai hàm bạnh ra, rung rung làm cho bộ mặt thô kệch của hắn lúc nào cũng nhấp nhỉnh những ý nghĩ gì vừa lí thú, vừa dữ tợn. Hắn có tật vừa đi vừa nói. Hắn lảm nhảm than thở những điều hắn nghĩ”*.

Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật. Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. **Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.**

b. Vai trò - Chức năng:

- **Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời.** Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn

đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí... Trong Chí Phèo của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo thể hiện quá trình lưu manh hóa của một bộ phận nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người...

- Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên **trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống**. Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời (anh hùng Núp trong Đất nước đứng lên; Chị Sứ trong Hòn Đất...) nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: “Các **nhân vật của tác phẩm nghệ thuật** không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả”

- Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật, nó mang tính ước lệ, không thể bị đồng nhất với con người có thật, ngay khi tác giả xây dựng nhân vật với những nét rất gần với nguyên mẫu có thật. **Nhân vật văn học là sự thể hiện quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người, nó có thể được xây dựng chỉ dựa trên cơ sở quan niệm ấy**. Ý nghĩa của nhân vật văn học chỉ có được trong hệ thống một tác phẩm cụ thể. Vai trò và đặc trưng của nhân vật văn học bộc lộ rõ nhất trong phạm vi vấn đề "nhân vật và tác giả". Theo Bakhtin, tương quan "nhân vật - tác giả" tùy thuộc hai nhân tố: 1. lập trường (công nhiên hoặc che giấu) của tác giả trong quan hệ với nhân vật (lập trường đó có thể là: anh hùng hoá, mỉa mai, chế nhạo, đồng cảm, v.v...); 2. bản chất thể loại của tác phẩm (ví dụ trong văn trào phúng sẽ có kiểu quan hệ của tác giả đối với nhân vật khác với trong văn xuôi tâm lí). Tùy thuộc hệ thống nghệ thuật của nhà văn, có những mức độ tự do khác nhau của nhân vật với tác giả: mức tối đa - nhân vật đối lập và đối thoại với tác giả, tính "tự trị" của nó là đáng kể (đây là cơ sở để nói đến "lôgic nội tại" của nhân vật); mức tối thiểu - nhân vật và tác giả **mang các nét chung về tư tưởng, tác phẩm trở thành tấm gương soi những tìm tòi về tinh thần của nhân vật, cũng là những bước đường tư tưởng của nhà văn**.

III. CHI TIẾT NGHỆ THUẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG

1. Khái niệm

Không phải ngẫu nhiên mà văn hào vĩ đại người Nga Macxim Gorki từng phát biểu: **“Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”**. Hơn ai hết, tác giả những thiên truyện viết ra từ trường đại học cuộc sống, người được coi là *“cánh chim báo bão của cách mạng Nga”*, *“nhà văn của những người chân đất”* là người hiểu rõ tầm quan trọng của những chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương. Tương quan đối lập trong câu nói trên đã khẳng định: Cái làm nên tầm vóc của nhà văn không hẳn là quy mô tác phẩm mà chính là “chi tiết” – yếu tố đôi khi được coi là nhỏ, là vật vụn... Chi tiết nghệ thuật không chỉ là yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời... của nhà văn, nơi kí thác niềm ưu tư, trăn

trở của nhà văn trước cuộc đời. Nhà văn chỉ thực sự là “*người thư kí trung thành của thời đại*” (H.Balzac) khi anh ta có khả năng làm sống dậy cuộc đời trên trang sách bắt đầu từ những chi tiết nhỏ. Lựa chọn chi tiết để xây dựng nên tác phẩm nghệ thuật không chỉ thể hiện bản chất sáng tạo của người nghệ sĩ mà còn bộc lộ tài năng, tầm vóc tư tưởng của người cầm bút.

Chi tiết không phải là một khái niệm xa lạ với đời sống.

Theo Từ điển Tiếng Việt (Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1988) thì chi tiết là: “*Phần rất nhỏ, điểm nhỏ trong nội dung sự việc hoặc hiện tượng*” (Ví dụ: Kể rành rọt từng chi tiết). “Là thành phần riêng rẽ hoặc tổ hợp đơn giản nhất của chúng có thể tháo lắp được” (Ví dụ: Chi tiết máy). Như vậy, trong đời sống hàng ngày, từ “chi tiết” được hiểu và dùng như là một thành tố, một bộ phận nhỏ của một sự việc, tổng thể. Chi tiết được hiểu như là một thành phần thuộc về cấu tạo.

Trong văn học, “chi tiết” theo định nghĩa của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Từ điển thuật ngữ văn học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997) là: “**Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng**” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật. Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”

Như vậy, chi tiết nghệ thuật được xem như linh hồn của một văn bản nghệ thuật. Muốn hiểu, nắm chắc văn bản, phải hiểu rõ chi tiết nghệ thuật. Khái niệm chi tiết được đặt ra nhằm phân biệt với tổng thể nhưng nó không tách rời tổng thể. Sự hòa hợp giữa chi tiết và tổng thể sẽ tạo thành chỉnh thể. Chi tiết nghệ thuật được xem là thành tố nhỏ nhất trong một chỉnh thể nghệ thuật.

2. Tầm quan trọng của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương

- **Trong truyện, nhờ chi tiết mà cốt truyện được triển khai và phát triển, thông qua chi tiết mà cảnh trí, tình huống, tính cách, tâm trạng, hình dáng, số phận của nhân vật được khắc họa và bộc lộ đầy đủ.** Nhiều chi tiết trở thành những điểm sáng thẩm mỹ của tác phẩm, có vị trí không thể thiếu trong sự phát triển của cốt truyện, gắn liền với những bước ngoặt trong cuộc đời, số phận nhân vật. Thiếu chi tiết là thiếu sự đặc tả, thiếu tính cụ thể, truyện sẽ trở nên nhạt nhẽo, hời hợt, thiếu sức hấp dẫn. Tuy nhiên, nếu ôm đồm nhiều chi tiết thì rối rắm, rườm rà, giảm giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.

Trong tác phẩm Hai đứa trẻ (Thạch Lam) hình ảnh Liên và An ngồi nhìn bầu trời đêm “ngàn sao ganh nhau lấp lánh” không phải là chi tiết vu vơ. Đằng sau nó chứa đựng niềm khao khát rất lớn của hai đứa trẻ, niềm khát khao hướng tới một bầu trời khác, nguồn sáng khác, không phải là cuộc sống đang lụi tàn trong vô vọng như ở phố huyện. Từ khát vọng mơ hồ đó của tuổi thơ, nhà văn đã lay tỉnh những tâm hồn mệt mỏi đang sống lay lắt, héo úa như cảnh ngày tàn ở những miền quê nghèo xác xơ, mòn mỏi trong xã hội cũ.

Như vậy, chi tiết nghệ thuật dù chỉ là yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Thiếu chi tiết, nhà văn không thể đúc nên tác phẩm. Chi tiết càng có sức biểu hiện, sức khơi gợi và ám ảnh càng lớn, càng góp phần nâng cao giá trị tác phẩm. Và không có một tác phẩm lớn nào

mà chi tiết lại nhạt nhẽo, nông cạn, thiếu sức sống. Trong tiếp nhận văn học, càng không được xem nhẹ chi tiết. Đọc hiểu và cảm nhận tác phẩm văn chương từ cấp độ chi tiết là yêu cầu quan trọng và cần thiết, đặc biệt đối với việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Cảm nhận chi tiết nghệ thuật trong truyện:

Chi tiết trong văn xuôi thường là chi tiết sự vật và chi tiết sự việc. Chi tiết sự vật thường gắn với 3 đối tượng: cảnh vật, đồ vật, nhân vật.

Hình ảnh những ngọn đèn trong tác phẩm Hai đứa trẻ (Thạch Lam) là chi tiết sự vật. Có nhiều loại đèn được nhà văn miêu tả. Đèn rất sáng (đèn ở Hà Nội và đèn ở đoàn tàu) và đèn tù mù (ở phố huyện). Một loại ánh đèn mạnh nằm trong quá khứ đã mất hoặc chỉ trong mơ tưởng xa xôi. Một loại ánh đèn hiện tại rất yếu ớt ở phố huyện. Gia đình chị Tí, cửa hàng của chị em Liên, bác Siêu bán phở..., mỗi người có một ngọn đèn nhưng tất cả đều tù mù, chỉ tạo nên những “khe sáng”, “hột sáng”, “quầng sáng”, “châm lửa vàng lơ lửng” trong đêm, đối lập hoàn toàn với “Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực, vui vẻ và huyên náo”. Sống trong ánh đèn tù mù đó, Liên nhớ tiếc ánh sáng quá khứ, mơ tưởng tương lai tươi sáng. Nó phản ánh tâm trạng chán ghét hiện tại tăm tối và mơ ước có cuộc sống khác của hai đứa trẻ.

Chi tiết sự việc (cốt truyện) gắn với các tình tiết. Một tình tiết được hợp nên bởi nhiều chi tiết.

Chí Phèo thức dậy vào buổi sáng hôm sau là một tình tiết, nó được hợp nên từ nhiều chi tiết: tâm trạng, cảm xúc, cảm giác...của Chí Phèo.

Căn cứ vào thái độ của nhà văn, người ta phân ra chi tiết nóng và chi tiết lạnh. Chi tiết nóng thường được trở đi trở lại, được nhà văn khắc họa kỹ, nằm trong mạch chính của văn bản nghệ thuật.

Trong tác phẩm Chí Phèo (Nam Cao), “bát cháo hành” là chi tiết nóng, được nhắc đi nhắc lại, hàm chứa tình người, tình yêu thị Nở dành cho Chí Phèo. Bởi được chung cất từ tình người nên bát cháo hành đã thức dậy phần người trong Chí, làm cho hắn biết “buồn”, biết “ngạc nhiên”, xúc động và “ăn năn”. Thiếu chi tiết này, là thiếu sự xuất hiện của tình người, lấy gì thức tỉnh Chí Phèo để hắn có khát vọng trở lại làm người lương thiện?

Chi tiết lạnh không nằm trong mạch chính, xuất hiện thoáng qua, nhà văn không tập trung cho chi tiết nổi lên nên khó viết và người đọc hơi hợt rất dễ bỏ qua. Nhà văn phải có giác quan thẩm mỹ, bản lĩnh mới viết được chi tiết lạnh. Để che giấu được cảm xúc của mình, giảm thiểu tính biểu cảm khi mô tả chi tiết, nhà văn phải có khả năng đóng cũi cảm xúc. Cảm nhận được chi tiết lạnh thể hiện tầm đón nhận của người đọc.

Bát cháo hành là chi tiết nóng nhưng hơi cháo hành là chi tiết lạnh. Chí Phèo khóc khi được Thị Nở cho ăn cháo hành là chi tiết lạnh. ...“mắt hắn hình như ươn ướt”. Nhà văn chỉ nói ngắn, không lặp lại, xa cách, giả định “hình như” đi kèm với tính từ giảm thiểu “ươn ướt”. Chi tiết mờ nhạt, thoáng qua nhưng rất đáng kể. Chi tiết lạnh bao giờ cũng có sức công phá rất lớn. Nam Cao là nhà văn tin vào nước mắt, “đứng về phe nước mắt”. Nước mắt là hiện thân cho nỗi khổ, nước mắt là giọt châu của loài người, kết tụ của tính người. Chỉ người nào còn tình người mới biết khóc. “Con người chỉ xấu xa trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỷ và nước mắt là miếng kính biến hình vũ trụ”(Kôbe). Nếu nhìn đời bằng đôi mắt khô cạn tính người

sẽ chỉ thấy cái xấu xa, nếu nhìn bằng nước mắt sẽ thấy khác, biết cảm thông, độ lượng. Hầu hết các nhân vật của Nam Cao đều khóc. Những nhân vật nào bị tha hóa rồi thức tỉnh cũng đều khóc cả, nước mắt là sự thức dậy của tình người, tính người. Còn biết khóc là còn biết cảm động về một sự chăm sóc trước tình người. Một người biết cảm động trước tình người là còn tính người. Một chi tiết thoáng qua đã biểu hiện những diễn biến vô hình trong nội tâm nhân vật. Hơi cháo hành là kỉ niệm hiếm hoi về tình người mà Chí Phèo được hưởng. Mất hơi cháo hành Chí Phèo không còn được chở che, nương tựa bởi tình người. Mất đi tình người khi đã biết hơi ấm của tình người, đối với kẻ đã bao năm sống bên lề của xã hội như Chí Phèo mà nói, chỉ còn cách tìm đến cái chết.

Cảm nhận chi tiết trong văn xuôi khi dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông có thể không phân loại nhưng nhất thiết phải hiểu rõ chi tiết đó đóng vai trò gì trong mạch truyện, trong diễn biến tính cách, số phận nhân vật. **Nói cách khác là luôn gắn chi tiết với tổng thể để thấy được tính thống nhất của một chỉnh thể nghệ thuật. Quan trọng hơn là qua đó, hiểu được ý đồ nghệ thuật, đọc được tư tưởng, tình cảm nhà văn muốn gửi gắm. Đồng thời, thấy được tài năng sáng tạo của người cầm bút.**

IV. TÌNH HUỐNG TRUYỆN

1. Khái niệm

Tình huống truyện là cái tình thế xảy ra truyện, là khoảnh khắc được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất.

2. Phân loại

Cách phân chia các loại tình huống truyện không phải bao giờ cũng rõ ràng. Có truyện thiên về loại tình huống truyện này nhưng có loại thiên về loại tình huống truyện khác. Có 3 loại tình huống truyện thường được các tác giả chú tâm xây dựng.

a. Tình huống hành động:

Chủ yếu xoay quanh hành động có tính bước ngoặt của nhân vật. Hành động này có chức năng làm thay đổi cảnh ngộ, trạng huống hoặc một đoạn đời của nhân vật.

b. Tình huống tâm trạng:

Chủ yếu xoay quanh tâm trạng, cảm xúc có tính phát khởi, gây biến đổi của nhân vật khi đối diện với tình thế đặc biệt diễn ra trong cảnh huống có liên quan đến bản thân (được đặt ra trong truyện). Loại tình huống này thường gặp trong những kiểu truyện trữ tình, không có cốt truyện, đậm yếu tố lãng mạn mà dòng diễn biến tâm lí nhân vật là hạt nhân cốt lõi làm nên cấu trúc của truyện (loại truyện ít diễn biến, nghèo về hành động, đối tượng chủ yếu mà nhà văn khám phá là thế giới nội tâm tinh tế, là trạng thái cảm xúc mơ hồ của nhân vật trước cuộc sống). So với tình huống hành động, loại tình huống tâm trạng khó nhận ra hơn.

c. Tình huống nhận thức:

Chủ yếu xoay quanh tình thế chứa đựng giây phút “giác ngộ” chân lí của nhân vật (sự nhận thức lại về ý nghĩa thật sự của một vấn đề, một lĩnh vực nào đó trong quan niệm hoặc trong đời sống). Nhà văn đặt nhân vật vào một tình huống đầy bất ngờ, nghịch lí để từ đó nhân vật hiểu ra, vỡ lẽ ra và nhận thức được những vấn đề mà trước đó họ hiểu chưa đầy đủ hoặc chưa hiểu hay thậm chí đã ngộ nhận về nó.

*** Truyện ngắn “Vợ nhặt”:**

- Tình huống:

+ Tình huống của truyện ngắn “Vợ nhặt” thuộc loại tình huống hành động - tình huống nhặt vợ. Đó là tình huống một người đàn ông nghèo, quê kệch, dân ngụ cư, khó có khả năng lấy được vợ lại được một người đàn bà theo không trong một nạn đói khủng khiếp khi mà người đàn ông đó cũng chưa chắc đã tự nuôi nổi mình (chỉ sau hai lần gặp, ba câu nói đùa và ăn bốn bát bánh đúc).

+ Tình huống diễn ra ngay từ đầu truyện, lập tức đưa người đọc vào ngay trung tâm câu chuyện vừa éo le vừa cảm động.

+ Tình huống đầy khác thường (đầy thương cảm, đầy trân trọng, đầy nỗi buồn, đầy niềm vui) mở ra một loạt diễn biến tâm lí khác thường của các nhân vật trong tác phẩm (tâm trạng ngạc nhiên, vừa mừng vừa lo âu, thương cảm của xóm ngụ cư, mẹ Tràng và ngay cả Tràng).

- Ý nghĩa:

Tố cáo bối cảnh xã hội đẩy con người vào thế bị rẻ rúng về nhân phẩm; cảm thương nỗi bi thảm của con người trước nạn đói; trân trọng khát khao hạnh phúc và niềm tin, niềm hi vọng của người lao động nghèo vào ngày mai.

*** Truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”:**

- Tình huống:

+ Tình huống của truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” thuộc loại tình huống nhận thức. Đó là tình huống nhận thức của người phóng viên ảnh tên là Phùng (và ít nhiều là của cả nhân vật Đẩu nữa). Nhân vật Phùng đã đi từ sự nhận thức chưa đầy đủ đến nhận thức đầy đủ trong cách nhìn về cuộc sống và con người, về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời.

+ Tình huống mở ra từ đầu truyện, kéo dài theo diễn biến của truyện và khép lại bằng một nhận thức vừa đau xót vừa hân hoan ở cuối truyện (nhận thức này được bộc lộ gián tiếp qua việc Nguyễn Minh Châu để hiện lên trong tâm thức người phóng viên Phùng bức ảnh lẽ ra phải chụp được về cảnh thuyền và biển buổi sớm thay cho bức ảnh đã chụp được).

+ Tình huống nhận thức (từ chưa đầy đủ đến đầy đủ chứ không phải là từ ngộ nhận đến nhìn nhận một cách đúng đắn) trong “Chiếc thuyền ngoài xa” diễn ra trong cả một quá trình tự nhận thức của nhân vật trên cả hai tọa độ cuộc đời và nghệ thuật.

- Ý nghĩa:

Phải nhìn cuộc đời và con người từ nhiều chiều mới mong hiểu hết. Nghệ thuật phải gắn chặt với cuộc đời, người nghệ sĩ phải rút ngắn khoảng cách giữa mình và cuộc đời, phải sống sâu với cuộc đời. Phải nhìn đời bằng đôi mắt thấu hiểu, bao dung và đầy trắc ẩn. Lê Ngọc Chương trong bài viết “Chiếc thuyền ngoài xa, một ẩn dụ nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu” có một lời khuyên: “Cuộc đời vốn dĩ là nơi sản sinh ra cái đẹp của nghệ thuật nhưng không phải bao giờ cuộc đời cũng là nghệ thuật, và rằng con người ta cần có một khoảng cách để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật nhưng nếu muốn khám phá những bí ẩn bên trong thân phận con người và cuộc đời thì phải tiếp cận với cuộc đời, đi vào bên trong cuộc đời và sống cùng cuộc đời.”).

*** Truyện ngắn “Những đứa con trong gia đình”- Nguyễn Thi**

- Tình huống:

+ Tình huống của truyện ngắn “Những đứa con trong gia đình” thuộc loại tình huống hành động. Đó là tình huống người chiến sĩ trẻ tên Việt bị thương, bị lạc đồng đội phải nằm lại chiến trường sau trận đánh giữa đơn vị của Việt với một chiến đoàn lính Mỹ. Trong tình thế đặc biệt đó, sau những lần ngất đi tỉnh lại, nhân vật của Nguyễn Thi đã hồi tưởng lại những kỷ niệm về gia đình, đồng đội.

+ Tình huống diễn ra ngay từ đầu truyện. Gắn với cách kể chuyện theo kiểu người kể chuyện giấu mặt nhưng cách kể và giọng điệu lại gắn với nhân vật truyện (nhân vật Việt), tình huống truyện của tác phẩm đã góp phần làm bộc lộ những phẩm chất cần thiết của hai nhân vật Việt và Chiến và làm hiện rõ dần lên cuộc sống của một gia đình nông dân Nam bộ giàu truyền thống cách mạng mà nhiều người trong gia đình đó đã hoặc bị giặc giết hại hoặc bị giặc khùng bỏ.

+ Hỗ trợ cho tình huống hành động của truyện (Việt phải nằm lại chiến trường, tất cả diễn ra qua hồi ức), Nguyễn Thi đã chủ động chọn kết cấu đồng hiện để khắc họa hợp lý cuộc sống và con người trong tác phẩm. Cách trần thuật theo dòng ý thức giúp những vách ngăn không gian và thời gian bị xóa bỏ để mạch truyện đi về thoải mái giữa quá khứ và hiện tại, giữa cái đang hiện lên trước mắt và những gì đã ẩn vào quá khứ. Kết cấu truyện tưởng chừng lỏng lẻo nhưng có mạch liên kết ngầm của cảm xúc, là hệ quả của hành động truyện.

- Ý nghĩa:

Chính sự kết hợp giữa tình cảm gia đình và tình yêu Tổ quốc cũng như sự gắn bó giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã góp phần tạo nên động lực tinh thần lớn lao thôi thúc thế hệ trẻ miền Nam đứng lên đánh Mỹ.

V. GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

Văn học là một hình thái ý thức xã hội đặc thù. Nó cùng với các bộ môn nghệ thuật khác tạo nên diện mạo tinh thần của một dân tộc. Nếu như phương thức phản ánh của hội họa là màu sắc, của âm nhạc là giai điệu, của kiến trúc là hình khối,... thì của văn học chính là ngôn từ nghệ thuật. Vì thế cho nên, bản thân văn học gắn bó chặt chẽ với ngôn ngữ dân tộc và là một trong những kênh quan trọng để nuôi dưỡng và phát triển hệ thống vốn từ tiếng Việt cùng với các quy tắc sử dụng nó.

Mặt khác, văn chương cũng như tất cả các loại hình nghệ thuật khác đều hướng tới việc phản ánh hiện thực, tái tạo hiện thực hoặc xây dựng một hiện thực viễn tưởng.

Như thế, đối tượng phản ánh của nó chính là con người, cuộc đời và mục đích hướng tới cũng chính là cải tạo xã hội, hướng con người đến những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Bởi vậy cho nên, trong các giá trị căn bản của văn học, người ta không thể không nói đến hai giá trị cốt lõi - giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.

1. Giá trị hiện thực

Giá trị hiện thực của tác phẩm văn học là toàn bộ hiện thực được nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học, tùy vào ý đồ sáng tạo mà hiện tượng đó có thể đồng nhất với thực tại cuộc sống hoặc có sự khúc xạ ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết hiện thực trong các tác phẩm văn chương đều là hiện thực được hư cấu. Nó có ý nghĩa phản ánh hiện thực của một thời kỳ trên nhiều góc diện khác nhau hơn là các hiện thực cụ thể.

Khi làm các bài tập làm văn có dạng: Anh/ chị hãy trình bày giá trị hiện thực trong tác phẩm....? Học sinh cần xác định rõ thế nào là giá trị hiện thực, nói cách khác, cần nêu cách hiểu hay khái niệm về giá trị hiện thực. Việc nhận thức đúng, đủ sẽ giúp cho người học xác định chính xác các đặc điểm căn bản của nó, từ đó hoàn thiện được bài viết một cách tốt nhất.

Về căn bản, giá trị hiện thực gồm 2 đặc điểm chủ yếu sau:

- **Đặc điểm thứ nhất: làm rõ các hiện thực được nhà văn đưa vào trong tác phẩm.** Nói cách khác, tác phẩm đó phản ánh hiện thực gì? trong giai đoạn nào? Hiện thực đó được thể hiện qua những nét tiêu biểu nào? Ý nghĩa của việc phản ánh hiện thực ấy là gì?

- **Đặc điểm thứ hai: Con người điển hình.** Đây là nét đặc trưng của tác phẩm hiện thực. Lẽ đương nhiên gắn với mỗi thời kỳ, mỗi xã hội nhất định, bao giờ cũng có mẫu người đại diện cho toàn xã hội. Mẫu người ấy được nhà văn khái quát và xây dựng lại thành cách hình tượng điển hình trong tác phẩm của mình. Do vậy, muốn làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm nào đó, cần phân tích được hình tượng nhân vật điển hình trên các phương diện: khắc họa ngoại hình, tính cách, hành động, lời nói,... nhân vật đó đại diện cho tầng lớp, giai cấp hay lớp người nào trong xã hội? Nó có thể hiện tiếng nói chung cho lớp người nào không? Bằng việc xây dựng hình tượng nhân vật điển hình trong tác phẩm, tác giả mong muốn đạt được điều gì? Hay nhân vật điển hình giúp tác giả thể hiện hiện thực được phản ánh như thế nào?

Luôn nhớ là bất kỳ chi tiết nghệ thuật nào của tác phẩm đều có ý nghĩa của nó, ý nghĩa đó độc lập tương đối song phải luôn được đặt trong chỉnh thể để có được cái nhìn, cách đánh giá đúng đắn nhất.

2. Giá trị nhân đạo

Là một giá trị cơ bản của những tác phẩm văn học chân chính được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn với nỗi đau của những con người, những cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống. Đồng thời, nhà văn còn thể hiện sự nâng niu, trân trọng với những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào của cuộc đời.

Để làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm, cần phân tích được các khía cạnh sau:

- **Tố cáo xã hội:** đây chính là cái hoàn cảnh chung mà ở đó nhân vật bị đẩy vào các hoàn cảnh bi đát, đau khổ. Thông thường ở phương diện tố cáo, các nhà văn thường thể hiện quan điểm lên án, phê phán với các tầng lớp thống trị, những kẻ ăn trên ngồi trốc, ỷ mạnh hiếp yếu, trà đạp cuộc sống con người và làm băng hoại các giá trị đạo lý.

- **Ca ngợi:** có thể ca ngợi một truyền thống tốt đẹp nào đó hoặc ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của một con người hoặc một lớp người trong xã hội. Đây chính là những vẻ đẹp bị lấp vùi bởi sự thống trị, đàn áp.

- **Thương cảm, bênh vực:** xuất phát từ việc phát hiện, khám phá được những nét đẹp ẩn tàng của nhân vật, hoặc nhận thức được hoàn cảnh đã đẩy những người tốt đẹp, lương thiện vào đường cùng, hoặc đẩy họ vào con đường tội lỗi nên các nhà văn bày tỏ niềm thương cảm với họ, tạo ra những tình huống, hoặc xây dựng những nhân vật phụ để làm chỗ dựa, bênh vực, che chở cho họ, giúp họ vượt qua những khó khăn,

thách thức và vươn lên khẳng định bản thân, khẳng định niềm tin, ước mơ và khát vọng trong cuộc sống.

- Chỉ ra con đường, lối thoát cho nhân vật: Đặc điểm này không hoàn toàn có trong tất cả các tác phẩm. Nó phụ thuộc vào nhận thức và khả năng dự đoán trước hiện thực của nhà văn, nhờ đó nhà văn chỉ ra được con đường giải quyết những bế tắc của số phận nhân vật, hoặc tạo ra những chi tiết viễn tưởng, kỳ ảo như một lối thoát cho nhân vật khi mà mọi nẻo đường ở thực tại hay ở chốn nhân gian đều không có khả năng thay đổi được hoàn cảnh.

PHẦN BỐN: MỘT SỐ NHÂN ĐỊNH VĂN HỌC

1. “Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên ; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn”. (Thạch Lam)
2. “Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo trong cốt tủy”. (Sê khốp)
3. “Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại”. (Banzac)
4. “Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng”. (Charles DuBos)
5. “Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”. (Ai ma tốp)
6. “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý.” (M.Gorki)
7. “Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao)
8. “Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người .(Nguyễn Văn Siêu)
9. “Niềm vui của nhà thơ chân chính là niềm vui của người mở đường vào cái đẹp, của người biết đi tới tương lai.” (Pautôpxki)
10. “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất.” (Béc-tôn Brếch)
11. “Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ”. (Thạch Lam)
12. “Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân”. (Nam Cao)
13. “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay...Cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp...” (Nguyễn Tuân)
14. “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn” (Nguyễn Khải)
15. “Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung”. (Lêônit Lêonốp)
16. “Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình”. (Ivan Tuôcghênhiep)
17. “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ” (Sê khốp)
18. “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ.” (Raxun Gamzatop)
19. “Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã, nhưng bao giờ cũng dừng cảm xúc cố trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người”. (Sô lô khốp)
20. “Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.” (M.L.Kalinine)
21. “Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống.” (Giooc-giơ Đuy-a-men)
22. “Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cận kề nào”. (Claudio Magris – N.văn Ý)
23. “Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vất cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại.” (Leptonxtoi)
24. “Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt đẹp trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn.” (Thạch Lam)
25. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức.” (Thạch Lam)
26. “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư.” (Lê Ngọc Trà)
27. “ Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn.” (Nam Cao)
28. “Sự cầu thả trong bất cứ nghệ gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là dễ tiện.” (Nam Cao)

29. “Tôi khuyên các bạn nên đọc truyện cổ tích... thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao... Hãy đi sâu vào vẻ đẹp huyền rù của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích... Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị của sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa... Hãy đi sâu vào sáng tác của nhân dân, nó trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra.” (M.Gorki)
30. “Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ trong cảnh khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người.” (Raxun Gazatop)
31. “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra.” (Andecxen)
32. “Andecxen đã lượm lặt những hạt tro trên luống đất của những người dân cây, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp lều, từ đó lớn lên và nảy nở những đóa hoa thơ đẹp, chúng an ủi trái tim của những người cùng khổ.” (Pauxtopxki)
33. “Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật.” (P.Povlenko)
34. “Chỉ tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm.” (Pauxtopxki)
35. “Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học.” (Tổ Hữu)
36. “Nhà văn là người cho máu.” (Enxa Toriole)
37. “Văn học là nhân học.” (Gorki)
38. “Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng.” (M.Gorki)
39. “Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc.” (Phương Lưu)
40. “Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình.” (Sách Lý luận văn học)
41. “Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới vẽ ra.” (Heghen)
42. “Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật.” (Aimatop)
43. “Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người.” (Nguyễn Minh Châu)
44. “Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bẻ nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động... Thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người... Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian.” (LLVH)
45. “Mỗi tác phẩm nghệ thuật là một phát minh về một hình thức, một khám phá mới về nội dung.” (Leonit Leonop)
46. “Các ông muốn tiêu thuyết cứ là tiêu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiêu thuyết là thực sự ở đời.” (Vũ Trọng Phụng)
47. “Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả.” (M.Gorki)
48. “Hãy đập vào tim anh – Thiên tài là nơi đó.” (A.De Muytxe)
49. “Văn chương phải là thể trận đuổi nghìn quân giặc.” (Trần Thái Tông)
50. “Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính trọng của con người.” (Einstein)
51. “Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhũn nhối của tôi.” (Nguyễn Hồng)
52. “Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn.” (Thạch Lam)
53. “Nếu tác giả không có lối nói riêng của mình thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh ta không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ.” (Sekhop)
54. “Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thổn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung... Khi đó tôi viết.” (Lecmôntop)
55. “Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi viết.” (Nêkratxtop)
56. “Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ.” (Tổ Hữu)
57. “Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên.” (Puskin)
58. “Đau đớn thay cho những kiếp sống muốn cất cánh bay cao nhưng lại bị cơn áo ghi sát đất.” (Sống Mòn – Nam Cao)
59. “Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại.” (Đặng Thai Mai)
60. L.Tôn x tôi khẳng định: “Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì 1 xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vất vả kiên cật những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại”
61. Với Thạch Lam thì: “Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt đẹp trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn”
62. Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà)

PHẦN NĂM: LUYỆN ĐỀ

I. THẦN THOẠI - SỬ THI

ĐỀ 1:

Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng

Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là hai chị em, con của Trời. Công việc của Trời giao phó hàng ngày phải thay phiên nhau đi xem xét thế gian. Bọn khiêng kiệu gồm có hai lớp già và trẻ thay phiên nhau. Gặp phải bọn khiêng kiệu già đi chậm, cô Mặt Trời phải ngồi lâu, ngày ở dưới trần hóa dài ra. Đến lượt bọn trẻ khiêng kiệu đi mau, cô Mặt Trời được chóng công việc về sớm thì ngày ngắn lại.

Cô em Mặt Trăng tính tình nóng nảy không kém gì cô chị làm cho thiên hạ ở mặt đất suốt cả ngày đã phải chịu nóng bức vì cô chị, đến đêm lại cũng phải khó chịu vì cô em. Loài người than thở đến tai nhà Trời, bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng. Từ đó cô em đổi tính ra hết sức dịu dàng, khác hẳn với cô chị, nên được người dưới trần ai cũng thích. Mỗi khi cô ngoảnh mặt nhìn xuống trần là lúc đó trắng rằm, ngoảnh lưng lại là ba mươi, ngoảnh sang phải, sang trái là trăng thượng huyền hay hạ huyền. Hôm nào trăng quầng là lúc vết tro trát mặt hiện ra.

Người ta nghe nói rằng chồng của hai nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng là một con gấu. Mỗi lần gấu đến với vợ là sinh ra nguyệt thực hay nhật thực, lúc đó người dưới trần làm âm ỉ lên đánh trống, kua chiêng, gõ mõ, để cho gấu xa ra, vì gấu đi lại với vợ, che lấp Mặt Trời, Mặt Trăng làm hại cho mùa màng.

(Câu chuyện Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng – Truyện thần thoại Việt Nam – TheGioiCoTich.Vn –)

Câu 1: Không gian bao quát trong văn bản trên là:

- A. Không gian nguyên sơ gồm hai cõi: cõi đất và nước
- B. Không gian nguyên sơ gồm hai cõi: cõi đất và cõi âm phủ.
- C. Không gian nguyên sơ trên cõi đất.
- D. Không gian nguyên sơ gồm hai cõi: cõi đất và cõi trời.

Câu 2: Thời gian trong văn bản "Nữ thần Mặt Trăng và Mặt Trời" là:

- A. Thời gian quá khứ không xác định.
- B. Thời gian xảy ra nhật thực và nguyệt thực.
- C. Thời gian ban ngày dài hơn ban đêm.
- D. Thời gian ban đêm dài hơn ban ngày.

Câu 3: Nhân vật chính trong văn bản trên là:

- A. Trời và Mặt Trời
- B. Trời và Mặt Trăng
- C. Mặt Trăng và Mặt Trời
- D. Mẹ Mặt Trăng và Mặt Trăng

Câu 4: Văn bản "Nữ thần Mặt Trăng và Mặt Trời" thuộc thể loại thần thoại:

- A. Thần thoại suy nguyên.
- B. Thần thoại anh hùng.
- C. Thần thoại sáng tạo.
- D. Thần thoại suy nguyên và sáng tạo.

Câu 5: Nội dung chính của văn bản "Nữ thần Mặt Trăng và Mặt Trời" là:

- A. Giải thích hiện tượng ngày dài hơn đêm
B. Giải thích các hiện tượng tự nhiên.
C. Giải thích hiện tượng đêm dài hơn ngày.
D. Giải thích hiện tượng nhật thực và nguyệt thực.

Câu 6: Văn bản "Nữ thần Mặt Trăng và Mặt Trời" có nét tương đồng với văn bản nào?

- A. Hê-ra-clét tìm táo vàng
B. Nữ Oa.
C. Chiến thắng Mtao Mxây.
D. Chử Lầu.

Câu 7: Chi tiết "Mỗi lần gấu đến với vợ là sinh ra nguyệt thực hay nhật thực, lúc đó người dưới trần làm âm ỉ lên đánh trống, khua chiêng, gõ mõ, để cho gấu xa ra, vì gấu đi lại với vợ, che lấp Mặt Trời, Mặt Trăng làm hại cho mùa màng" có ý nghĩa nhất là?

- A. Thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên của người dân lao động xưa.
B. Thể hiện cách nhận thức và lí giải hiện tượng tự nhiên của người lao động xưa.
C. Thể hiện ước mơ của nhân dân lao động về một mùa màng bội thu.
D. Thể hiện ước mơ của nhân dân lao động về tình vợ chồng thủy chung.

Câu 8: Chi tiết "bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng. Từ đó cô em đổi tính ra hết sức dịu dàng, khác hẳn với cô chị, nên được người dưới trần ai cũng thích" có ý nghĩa như thế nào?

- A. Người lao động xưa luôn thích những người phụ nữ dịu dàng.
B. Người dân lao động xưa dân yêu thiên nhiên thơ mộng, lãng mạn.
C. Người dân lao động xưa có thể chinh phục được nữ thần Mặt Trăng.
D. Người dân lao động xưa rất yêu thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội.

Câu 9. Hãy tìm hai chi tiết hoang đường kì ảo có trong tác phẩm. Nêu ý nghĩa của hai chi tiết đó.

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 đến 8 câu) trình bày những cảm nhận của anh/chị về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên được thể hiện trong văn bản "Nữ thần Mặt Trăng và Mặt Trời". Yêu cầu đoạn văn có sử dụng phép so sánh (gạch chân và ghi chú thích).

Phần hai: Viết (4.0 điểm):

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận xã hội trình bày mối quan hệ giữa nhận thức và khát vọng của giới trẻ trong cuộc sống ngày nay.

Gợi ý trả lời:

Câu 9: Hai chi tiết kì ảo và hoang đường là:

- Chi tiết 1: *"Mỗi lần gấu đến với vợ là sinh ra nguyệt thực hay nhật thực, lúc đó người dưới trần làm âm ỉ lên đánh trống, khua chiêng, gõ mõ, để cho gấu xa ra, vì gấu đi lại với vợ, che lấp Mặt Trời, Mặt Trăng làm hại cho mùa màng"*

=> Ý nghĩa: Thể hiện nhận thức của người cổ đại về hiện tượng nhật thực và nguyệt thực; cho thấy trí tưởng tượng phong phú của người xưa; thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên.

- Chi tiết 2: *"bà mẹ mới lấy tro trát vào mặt cô Mặt Trăng. Từ đó cô em đổi tính ra hết sức dịu dàng, khác hẳn với cô chị."*

=> Ý nghĩa: Thể hiện nhận thức của người cổ đại về mặt trăng/ thể hiện trí tưởng tượng phong phú của người xưa/ thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

Câu 10: Mỗi quan hệ giữa thiên nhiên và con người:

- Thiên nhiên vừa là đối tượng nhận thức của con người: nhận thức về thời gian (ngày dài đêm ngắn và ngược lại); nhận thức về mặt trăng và mặt trời/nhận thức về hiện tượng nhật thực và nguyệt thực => Qua nhận thức này, ta thấy được cách lí giải về các hiện tượng tự nhiên rất ngây thơ của người xưa; cùng với đó là trí tưởng tượng phong phú.

- Thiên nhiên vừa là đối tượng để con người chinh phục: như người mẹ bôi tro vào Mặt Trăng; người ta đánh trống đuổi gấu ăn Mặt Trăng, Mặt Trời => Khát vọng chinh phục thiên nhiên là khát vọng muôn thuở của con người.

=> Con người và thiên nhiên có mối quan hệ rất mật thiết; thiên nhiên, vũ trụ bao la và bí ẩn luôn là hấp dẫn loài người từ xưa đến nay.

Phần II. Viết: mối quan hệ giữa nhận thức và khát vọng của giới trẻ trong cuộc sống ngày nay.

Gợi ý:

MB: - Dẫn dắt:

- Nhận thức và khát vọng bao giờ cũng có mối quan hệ mật thiết với nhau.

TB:

1. Giải thích khái niệm:

- Nhận thức là hành động hay quá trình tiếp thu kiến thức và những am hiểu thông qua suy nghĩ, kinh nghiệm và giác quan, bao gồm các quy trình như là tri thức, sự chú ý, trí nhớ, sự đánh giá, sự ước lượng, sự lý luận, tính toán, việc giải quyết vấn đề, việc đưa ra quyết định, sự lĩnh hội và việc sử dụng ngôn ngữ.

- Khát vọng là ước mơ, hy vọng hoặc hoài bão để đạt được mục tiêu cuộc sống. Chúng có thể được coi là mục tiêu cuộc sống bao quát có thể giúp mang lại cảm giác về mục đích và phương hướng.

2. Biểu hiện và phân tích vai trò của nhận thức và khát vọng:

- Biểu hiện vô cùng phong phú đa dạng; ở mỗi một giai đoạn, lứa tuổi và quốc gia con người lại có những khát vọng và nhận thức khác nhau.

- Tuổi trẻ có nhiều ước mơ, nhiều hoài bão, khát vọng: có bạn thì khát vọng lớn lao, ước mơ cháy bỏng có thể làm những điều kinh bang tế thế; có bạn lại có những mục tiêu rất bình dị, khiêm nhường; có bạn có những mục tiêu thiết thực; có bạn lại có những mong muốn viễn vông và hão huyền.

- Mỗi một mục tiêu, ước mơ sẽ bị chi phối bởi nhiều yếu tố như tình cảm, tác động của mọi người xung quanh đặc biệt là chi phối bởi nhận thức của con người.

+ Chính vì thế, các bạn trẻ, có điều kiện sung sướng, được bao bọc, được ăn bánh vẽ thường thiếu ý chí, động lực, thiếu mục tiêu để phấn đấu;

+ Ngược lại những bạn ý thức được về điều kiện, hoàn cảnh; nhận thức được sự xuất hiện của đời người chỉ có một lần, tuổi trẻ rất ngắn ngủi nên đã biết đặt ra những mục tiêu hoài bão lớn lao để chinh phục.

+ Nhận thức càng chín chắn thì mục tiêu càng rõ ràng, cụ thể thiết thực.

+ Nhận thức sai lầm, thiên cận thì có thể khiến con người đi chệch hướng cả cuộc đời.

+ Nhưng bên cạnh đó, khát vọng cũng là động lực, là ngọn hải đăng để nhận thức của con người ngày càng hoàn thiện đầy đủ hơn.

=> Nhận thức và khát vọng có mối quan hệ biện chứng không thể tách rời. Nếu tuổi trẻ không có nhận thức đúng đắn thì khát vọng có lớn đến đâu cũng khó có thể trở thành hiện thực. Nhận thức có đúng đắn, sáng suốt mà khát vọng không đủ lớn thì cũng sẽ không bao giờ đạt được những thành tích cao, những thành công rực rỡ.

3. Chứng minh: Lấy dẫn chứng các bạn trẻ đã có sự nhận thức đúng đắn và khát vọng lớn lao đã làm được nhiều điều tốt đẹp trong cuộc sống.

4. Bàn luận:

- Phản đề: Phê phán những kẻ không có ước mơ, khát vọng; những kẻ nhận thức ngây thơ, non nớt.

- Liên hệ: Lứa tuổi và thời đại để đưa ra các giải pháp giúp con người nhận thức chín chắn hơn để đạt được ước mơ trong cuộc sống.

KB:

- Nhận thức là cơ sở, là nền móng để biến ước mơ thành hiện thực.

- Khát vọng là đôi cánh để cho nhận thức được nâng tầm.

=> Hãy luôn nhớ: Nhận thức sẽ dẫn thông tư tưởng, tư tưởng đúng đắn sẽ làm được mọi việc bởi "tư tưởng không thông thì bình tông không vác được".

ĐỀ 2:

NỮ THẦN LÚA

Nữ thần Lúa là con gái Ngọc Hoàng. Sau những trận lụt lội ghê gớm xảy ra, sinh linh cây cỏ đều bị diệt hết, trời bèn cho những người còn sống sót sinh con đẻ cái trên mặt đất, sai nữ thần Lúa xuống trần gian, nuôi sống loài người. Nữ thần làm phép cho những hạt giống gieo xuống đất nảy mầm, mọc thành cây, kết bông mảy hạt. Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt bông vào nồi là lúa sẽ thành cơm. Một hôm cô con gái nhà kia đang bận việc. Sân chưa quét dọn, cửa kho cũng chưa mở, lúa ở ngoài đã ùn ùn kéo về. Cô gái cuống quýt và đâm cẩu. Sẵn tay đang cầm cái chổi, cô đập vào đầu bông lúa mà mắng:

– Người ta chưa dọn dẹp xong đã bò về. Gì mà hấp tấp thế?

Nữ thần Lúa đang dẫn các bông lúa vào sân, thấy sân, đường bản thiu rác rưởi đã bực trong lòng, lại bị mang một cán chổi vào đầu, tức lắm. Cả đám lúa đều thót lên:

– Muốn mệt thì ta cho mệt luôn. Từ nay có hái tre, liềm sắc cắt cỏ tao, tao mới về.

Từ đó nữ thần Lúa đổi, nhất định không cho lúa bò về nữa. Người trần gian phải xuống tận ruộng lấy từng bông. Thấy vất vả mệt nhọc quá, người ta mới chế ra liềm hái để cắt lúa cho nhanh. Và lúa cũng không tự biến thành cơm nữa, mà phải phơi phóng, xay giã cho ra gạo. Sự hờn dỗi của nữ thần Lúa còn đôi khi cay nghiệt hơn nữa. Nữ thần vẫn giận sự phũ phàng của con người, nên nhiều lần đã cấm không cho các bông lúa nảy nở. Có kết hạt cũng chỉ là lúa lép mà thôi. Vì thế sau này mỗi lần gặt xong là người trần gian phải làm lễ cúng hồn Lúa, cũng là cúng thần Lúa, với tiết mục ‘rước bông lúa’. Có nơi không gọi như thế thì gọi là cúng cơm mới.

Cũng vào lúc chế tạo ra lúa. Trời sai một thiên thần đưa xuống hạ giới một số hạt giống lúa và một số hạt giống cỏ vãi ra khắp mặt đất để nuôi người và vật. Ban đầu thần gieo tất cả hạt giống cỏ ở trong tay trái. Cỏ mọc rất nhanh, chỉ trong một đêm đã lan tràn khắp cả mặt đất. Đến khi thần gieo hết một nửa số hạt giống lúa ở

trong tay phải thì không còn một mảnh đất nào để gieo nữa. Thần đành đem nửa số hạt giống lúa về Trời. Do đó mà ở trên mặt đất cỏ mọc nhiều mà lại rất khoẻ còn lúa thì ít lại mọc rất khó khăn, nếu không chăm bón, làm cỏ thì bị cỏ át mất. Khi biết rõ việc ấy Trời liền nổi giận đày thần xuống trần hóa làm con trâu, ăn cỏ đời này qua đời khác và kéo cây cho loài người trồng lúa. Chăm bón, làm cỏ thì bị cỏ át mất.

Câu 1: Xác định không gian bao quát được miêu tả trong văn bản:

- A. Không gian nguyên sơ gồm 3 cõi: đất, nước và trời. B. Không gian ở trên trời.
C. Không gian sau trận lụt lội ghê gớm D. Không gian nguyên sơ gồm cõi trời và đất.

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện "Nữ thần Lúa" là ai?

- A. Ngọc Hoàng B. Thần Lúa C. Nữ thần Lúa D. Người dân.

Câu 3: Thời gian trong truyện "Nữ thần Lúa" là:

- A. Thời gian quá khứ không xác định B. Thời gian sau những trận lụt lội kinh hoàng.
C. Thời gian xuất hiện nền văn minh lúa nước D. Thời gian nữ thần gieo hạt lúa xuống trần gian.

Câu 4: Ai đã bị Trời biến thành trâu?

- A. Nữ thần lúa B. Thiên Lôi
C. Một thiên thần làm vãi hạt cỏ D. Cô gái lấy chổi đập vào đầu bông lúa.

Câu 5: Chi tiết "*Lúa chín tự về nhà không cần gặt và không phải phơi phóng gì cả. Cần ăn, cứ ngắt bông vào nồi là lúa sẽ thành cơm*" có ý nghĩa gì?

- A. Ước mơ mùa vụ bội thu của nhân dân.
B. Ước mơ cuộc sống giàu có sung túc của người dân.
C. Ước mơ về cuộc sống công bằng và hạnh phúc.
D. Ước mơ được giảm sức lao động, sống cuộc đời nhàn hạ hơn.

Câu 6: Truyện Nữ thần Lúa có ý nghĩa xã hội quan trọng nhất là:

- A. Giải thích về nguồn gốc ra đời cây lúa. B. Giải thích nguồn gốc vì sao xuất hiện cỏ.
C. Giải thích phong tục cúng thần Lúa của người dân. D. Khẳng định sức mạnh vô song của Trời.

Câu 7: Chi tiết "*Lúa cũng không tự biến thành cơm nữa, mà phải phơi phóng, xay giã cho ra gạo*" rất đắt và khiến anh/chị liên tưởng đến bài ca dao nào? Hãy chép bài ca dao đó. Nêu ngắn gọn nội dung, thông điệp từ bài ca dao vừa mới chép. (1,0 điểm)

Câu 8: Tìm hai chi tiết kì ảo và hoang đường có trong truyện Nữ thần Lúa. Hãy nêu ý nghĩa của hai chi tiết đó. (1,0 điểm)

Câu 9: Viết một đoạn văn có độ dài từ 7-10 câu phân tích ước mơ của nhân dân lao động được gửi gắm trong văn bản Nữ thần Lúa. Yêu cầu đoạn văn có sử dụng phép so sánh (gạch chân và ghi chú thích) (1,0 điểm)

Phần II. Làm văn: Hãy viết một bài văn nghị luận xã hội bàn về tính khiêm tốn. (4.0 điểm)

Gợi ý trả lời:

Câu 7: Chi tiết ... khiến ta liên tưởng đến bài ca dao:

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày]

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần

- **Nội dung:** Bài ca dao diễn tả lại quá trình làm ra hạt gạo của người nông dân vô cùng khó khăn, vất vả. Qua đó, tác giả dân gian thể hiện thái độ nâng niu, trân trọng công sức của người lao động với tinh thần "ăn quả nhớ kẻ trồng cây".

- **Thông điệp:** Hãy biết yêu quý những hạt gạo bởi đó là thành quả của mồ hôi, nước mắt của người lao động, là ngọc thực mà trời ban cho con người.

**Câu 8: Học sinh có thể chọn hai chi tiết sau: **

- **Chi tiết 1: Lúa tự bay về nhà**

=> **Ý nghĩa:** Câu chuyện trở nên li kì và hấp dẫn hơn; đồng thời thể hiện ước mơ của người lao động xưa mong được giảm sức lao động để cuộc đời an nhàn và đỡ mệt nhọc hơn.

- **Chi tiết 2:** Một thiên thần làm rơi hạt cỏ đã bị trời biến thành trâu để ăn cỏ và kéo cày cho người nông dân.

=> **Ý nghĩa:** Giải thích nhận thức của con người về nguồn gốc của cỏ và lí giải vì sao cỏ lại mọc nhiều như vậy, đồng thời chi tiết này cũng lí giải nguồn gốc ra đời của trâu, tại sao trâu lại ăn cỏ, kéo cày cho người nông dân. Qua chi tiết này, ta thấy được nhận thức rất ngây thơ và đáng yêu của người cô đại. Phải chăng chi tiết như muốn nhắc nhở chúng ta triết lí sống: Gieo nhân nào gặt quả đó hay tự làm tự chịu?

Câu 9: Ước mơ của nhân dân lao động ngày xưa:

- Ước mơ được giảm sức lao động, công việc lao động nhàn hạ hơn.

- Cuộc sống được đầy đủ, sung túc.

=> Ước mơ rất giản dị nhưng vô cùng thiết thực của người lao động xưa. Đến tận ngày nay ước mơ đó vẫn còn nguyên giá trị.

Phần II. Viết:

MB:

- Dẫn dắt...

- Nêu VĐNL: **Đức tính khiêm tốn.**

TB:

1. Giải thích khiêm tốn là gì?

2. Nêu biểu hiện của đức tính khiêm tốn:

- Về suy nghĩ:

- Về thái độ, tình cảm:

- Về hành động

3. Phân tích vai trò, ý nghĩa của đức tính khiêm tốn:

- Đối với cá nhân/mỗi người khi có tính khiêm tốn:

- Đối với xã hội và đất nước.

4. Chứng minh: Các tấm gương mang trong mình đức tính khiêm tốn (HS nêu 2-3 tấm gương) sau đó khái quát những đặc điểm chung của họ.

5. Bàn luận:

- Phản đề: Những người khoác lác, tự cao tự đại

- Liên hệ với lứa tuổi và thời đại

- Làm thế nào để trở thành người có tính khiêm tốn?

KB: - Khẳng định vai trò của tính khiêm tốn.

- Kết bằng câu danh ngôn, câu tục ngữ hoặc câu thơ.

ĐỀ 3:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm):

CHIẾN CÔNG THỨ 11: BẮT SỐNG CHÓ NGAO XER - BER

Lần này thì Eurysthée giao cho Héraclès một việc thật oái oăm hết chỗ nói: xuống dưới vương quốc của thần Hadès bắt sống chó ngao Cerbère ba đầu đem về. Công việc này vượt quá tài năng của Héraclès. Chàng phải cầu khẩn Zeus giúp đỡ. Thần Zeus phái ngay thần Hermès, người dẫn đường không thể chê trách được tới giúp Héraclès. Còn nữ thần Athéna lúc này cũng ở bên chàng để bảo hộ cho chàng, người con trai danh tiếng của thần Zeus vĩ đại. Héraclès đi qua vùng đồng bằng Laconie rồi chui xuống một cái vực thẳm sâu hun hút ở mũi Ténare để xuống âm phủ. Lão già Charon lạnh lùng và nghiệt ngã đòi tiền đò. Nhưng Héraclès chỉ giơ nắm đấm ra là mọi việc đều ổn. Vừa bước vào vương quốc tối tăm của thần Hadès, Héraclès đã chứng kiến một cảnh cực hình. Người anh hùng Thésée và tùy tùng của mình là Pirithoos bị xiềng chặt vào một tảng đá tên gọi là Chiếc ghế lãng quên (La chaise de l'Oubli). Hỏi ra thì Héraclès được kể cho biết như sau:

(Lược một đoạn: *Hê-ra-clét được nghe người anh hùng Thesee kể về cuộc đời: Thésée bị nhà vua Pirithoos cướp đoạt đàn gia súc để khiêu khích một cuộc giao đấu. Nhà vua đã đầu hàng, dẫn Thésée xuống âm phủ để cướp nàng Perséphone của thần Hades nên họ đã bị trừng phạt vào núi đá hết năm này đến năm khác).*

Nghe xong câu chuyện, Héraclès liền vung gươm chặt xiềng giải thoát cho Thésée. Nhưng khi chàng quay sang Pirithoos thì mặt đất bỗng âm âm chuyển động và rung giật lên từng cơn. Héraclès biết rằng đó là các vị thần biểu thị sự phản đối. Chàng không dám giải thoát tiếp cho Pirithoos.

Héraclès đi sâu vào thế giới những vong hồn. Bóng đen vật vờ của những vong hồn trông thấy chàng, sợ hãi, bỏ chạy. Nhưng có một bóng đen đứng lại, chờ cho chàng đi tới gần. Đó là linh hồn Méléagre con trai của vua Oenée và hoàng hậu Althée cầm quyền ở vương quốc Calydon. Méléagre chết đi với bao nỗi oán hận trong lòng. Thuở ấy, khi chàng ra đời, mẹ chàng đã mời nữ thần Moires, những nữ thần cai quản số mệnh, còn có tên gọi là Parques tới thăm. Các nữ thần đã phán truyền cho Althée biết về tương lai đứa con của mình. Nàng Clotho bảo, Méléagre sau này lớn lên sẽ là một dũng sĩ nổi danh về chí khí anh hùng và lòng can đảm. Nàng Lachésis nói, Méléagre sẽ có một sức mạnh khác thường ít người bì kịp. Còn nàng Atropos thì nói, Méléagre sẽ sống lâu bằng đoạn củi cháy trong bếp lửa kia. Chừng nào mà đoạn củi đó cháy hết thì cuộc đời của Méléagre cũng hết. Nghe xong lời phán truyền này Althée sợ hãi vội giập tắt ngay đoạn củi và giấu cẩn thận vào trong một cái tráp. Méléagre lớn lên khỏe mạnh như sói, gấu, dũng cảm như hùm beo. Chàng đã cùng với nhiều vị anh hùng đi săn con lợn rừng hung dữ thường về phá hoại vùng đồng bằng Calydon. Con lợn rừng này do nữ thần Artémis thả về để trừng phạt vua Oenée về tội đã quên lễ hiến tế thường lệ vào đầu vụ thu hoạch. Con lợn rừng bị giết. Một cuộc họp giữa những người tham dự cuộc săn để bình công chia phần. Nữ dũng sĩ Atalante người được Méléagre đem lòng yêu dấu và người đã đánh trúng con vật đòn đầu tiên, bắn cho nó bị thương. Tiếp đó một dũng sĩ khác đánh trúng mắt con vật, và Méléagre đánh những đòn cuối cùng, giết chết ác thú. Méléagre

cho rằng Atalante xứng đáng được nhận phần thưởng danh dự: cái đầu và bộ da con thú. Nhưng ba người cậu của Méléagre là Alcée, Céphée và Pléxippe chống lại. Họ đe dọa sẽ tước đoạt phần thưởng của Atalante. Họ cho rằng trao giải thưởng cao nhất của cuộc săn cho một người đàn bà là không xứng đáng, là nhục nhã. Tệ hại hơn nữa, những ông cậu này lại nói những lời lẽ thô bỉ xúc phạm đến Atalante và Méléagre. Không kìm hãm được nổi tức giận, Méléagre xô xát với những ông cậu và chàng đã giết chết hai người là Céphée và Pléxippe.

(Lược một đoạn: *Được tin những người em ruột của mình bị con trai mình giết, Althée vô cùng căm uất. Bà lấy đoạn củi cháy xưa kia đem vút vào bếp. Vì thế trong cuộc chiến tranh giữa những người Curètes và Élis, Méléagre bị tử trận. Méléagre chết đi với bao nỗi oán hận trong lòng, gia đình tan nát. Riêng có nàng Dejanire, em gái của Méléagre, sống lẻ loi với bao nỗi lo âu. Đó là điều mà Méléagre khi từ già cõi đời vẫn canh cánh bên lòng chẳng sao nguôi được nỗi lo âu).*

Vong hồn Méléagre gặp người anh hùng Héraclès, liền cất tiếng cầu xin:

– Hỡi Héraclès, người anh hùng danh tiếng lẫy lừng, con của thần Zeus vĩ đại! Chàng đã nghe ta giải bày hết mọi nỗi u uất trong lòng. Ta chỉ cầu xin chàng có một điều: xin chàng hãy rủ lòng thương lấy người em gái bất hạnh ấy của ta. Số phận rủi ro đã cướp đời ta đi quá sớm để lại em gái ta sống bơ vơ một mình. Vắng ta, nó sống ra sao đây giữa cuộc đời đầy sóng gió này? Xin đừng sĩ hễ vì ta mà giúp đỡ cuộc sống của em gái ta. Nếu như chàng không chê nó là người kém nhan sắc thì xin chàng hãy là người che chở cho nó suốt đời, gắn bó cuộc đời nó với cuộc đời chàng để cho ta được yên tâm ngậm cười nơi chín suối.

Héraclès lắng nghe những lời nói của Méléagre mà nước mắt từ đâu cứ tuôn trào ra trên đôi gò má. Chàng an ủi vong hồn Méléagre vừa hứa sẽ làm theo ý muốn của Méléagre.

Theo sự dẫn đường của Hermès, Héraclès tiếp tục đi. Bóng đen của ác quỷ Méduse xông lại gần chàng, Héraclès đưa tay vào chuôi gươm nhưng Hermès ngăn chàng lại và cho biết, đó chỉ là cái bóng vật vờ không thể làm hại ai. Héraclès còn được chứng kiến biết bao nhiêu cảnh khủng khiếp ở thế giới của những âm hồn lạnh lẽo, tối tăm u ám này. Cuối cùng, chàng tới cung điện của thần Hadès và được vị thần này cho phép vào tiếp kiến. Ngồi trên ngai vàng, vị thần cai quản vương quốc của những người chết Hadès và vợ, nàng Perséphone kiều diễm, con của nữ thần Déméter vĩ đại, nhìn người anh hùng, con của Zeus đáng phụ vương, với tấm lòng cảm phục. Chàng trông thực uy nghi, đường bệ. Đứng trước ngai vàng tay tì lên cán chùy to lớn, trên mình khoác tấm áo da sư tử, vai đeo cây cung và ống tên, ngang sườn một thanh gươm, trông Héraclès oai phong lẫm liệt như một vị thần. Hadès cất tiếng hỏi:

– Hỡi Héraclès, con của Zeus chí tôn chí kính. Vì sao người lại từ bỏ thế giới rực rỡ ánh sáng vàng của thần Mặt trời-Hélios để xuống vương quốc tối tăm này? Phải chăng thần Zeus muốn ban cho ta một người anh hùng? Hay người xuống đây để tước đoạt của ta nàng Perséphone xinh đẹp?

Héraclès kính cẩn trả lời:

– Hỡi Hadès, vị thần cai quản vương quốc tối tăm của những vong hồn! Xin người đừng giận! Ta xuống đây không phải do trái tim ta xúi giục mà là theo lệnh của một người khác. Nhà vua Eurysthée trị vì ở thành Mycènes trên đất Argolide, người được nữ thần Héra sùng ái, sai ta phải làm một công việc cực kỳ oái ăm để thử thách tài

năng và chí khí người con của thần Zeus là bắt con chó ngao Cerbère ba đầu về. Hỡi Hadès, vị vua đầy quyền thế của thế giới vong hồn! Xin người cho phép ta làm việc đó vì Héraclès này không thể nào trở về thế giới đầy ánh sáng mặt trời khi chưa chinh phục được con chó Cerbère dữ tợn.

Hadès nghe xong mỉm cười. Thần cho phép Héraclès bắt chó Cerbère nhưng với một điều kiện: không được dùng vũ khí.

Héraclès lại lên đường đi tìm chó Cerbère. Tìm mãi chàng mới bắt gặp được nó. Chàng dùng đôi tay rắn như sắt, cứng như đồng tóm chặt lấy cổ nó, ấn xuống đất và bóp mạnh. Con chó sủa ầm vang. Cả vương quốc tối tăm của thần Hadès kinh hoàng vì tiếng sủa từ ba cái mõm của nó. Cerbère vùng vẫy nhưng không sao gỡ ra khỏi đôi tay của Héraclès. Nó dùng cái đuôi lợi hại đánh trả, vì đuôi nó là một con rắn khá to. Nó quấn đuôi vào chân Héraclès rồi dùng những chiếc răng nhọn hoắt cắn. Nhưng vô ích. Nó ngày càng bị ngạt thở và giãy giụa như sắp chết. Lúc đó Héraclès lấy dây đánh đai quanh cổ nó rồi dắt đi. Chàng dắt nó từ thế giới tối tăm dưới lòng đất lên dương gian tràn đầy ánh sáng mặt trời rực rỡ. Lần đầu tiên nhìn thấy ánh sáng chói lòa, con chó vô cùng sợ hãi, mắt cứ nhắm nghiền. Nó lồm lồm như nổi cơn điên. Rãi rớt từ ba cái mõm kinh tởm của nó chảy ròng ròng xuống mặt đất đen làm mọc lên những loài cây cỏ độc mà nếu người ta ăn phải là bỏ mạng.

HỌC SINH TRẢ LỜI CÂU HỎI TỪ 1 ĐẾN 9:

Câu 1: Thời gian trong văn bản này được xác định là:

A. Khoảng thời gian Hê-ra-clét bị đẩy đến xứ sở của vua Ô-ri-xtê trong vòng 12 năm.

B. Đó là thời gian quá khứ không xác định.

C. Thời gian đất nước Hy Lạp đã đánh chiếm được thành Tô-roa.

D. Thời gian Méléagre tâm sự với Hê -ra-clét dưới âm phủ.

Câu 2: Không gian trong văn bản này là:

A. Không gian vũ trụ nguyên sơ, gồm ba cõi: cõi trời, cõi đất, cõi nước.

B. Không gian vũ trụ nguyên sơ, gồm hai cõi: cõi trời và cõi đất.

C. Không gian vũ trụ nguyên sơ, gồm hai cõi: cõi trời và cõi nước.

D. Không gian vũ trụ nguyên sơ, gồm hai cõi: cõi đất và âm phủ.

Câu 3: Cốt truyện của văn bản được xây dựng theo trình các sự kiện như sau:

A. Giải cứu Thesee -> An ủi vong hồn Méléagre -> Thần Dớt phái Her- mes xuống dẫn đường -> bắt chó ngao Cerbere.

B. An ủi vong hồn Méléagre -> Thần Dớt phái Her mes xuống dẫn đường -> bắt chó ngao Cerbere -> Giải cứu Thesee

C. Thần Dớt phái Her-mes xuống dẫn đường -> bắt chó ngao Cerbere -> Giải cứu Thesee

-> An ủi vong hồn Méléagre

D. Thần Dớt phái Her mes xuống dẫn đường -> Giải cứu Thesee -> An ủi vong hồn Méléagre -> bắt chó ngao Cerbere.

Câu 4: Nhân vật chính trong văn bản này là:

A. Méléagre

B. Thesee

C. Hê-ra-clét

D. Her-mes

Câu 5: Sau chiến công thứ 11 này, Hê - ra-clét đã lập được chiến công thứ 12, đó là chiến công nào?

A. Giết chết Ăng-tê

B. Giải cứu Prô-mê-tê

C. Ghé vai giong lưng chống đỡ bầu trời

D. Lấy được quả táo vàng.

Câu 6: Trong văn bản, chi tiết: "Héraclès lắng nghe những lời nói của Méléagre mà nước mắt từ đâu cứ tuôn trào ra trên đôi gò má" có ý nghĩa gì?

A. Nhân mạnh chàng là một con người yếu đuối và hay khóc.

B. Khẳng định chàng là một người trần thế bình thường.

C. Chàng là người có trái tim đa cảm, giàu tình yêu thương người.

D. Khẳng định cuộc đời của Méléagre nhiều éo le, bất hạnh.

Câu 7: Em có đồng ý với hành động của *Althée*, mẹ của Méléagre, khi bà ta lấy cành củi khô cất trong hòm ném vào bếp lửa khiến con trai Méléagre tử trận hay không? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 8: Em hãy chọn lấy một chi tiết chứa đựng yếu tố kỳ ảo, hoang đường có trong văn bản. Hãy phân tích ý nghĩa của sự xuất hiện chi tiết đó? (0,5 điểm)

Câu 9: Phân tích vẻ đẹp của Hê-ra-clét khi lập được chiến công thứ 11 bằng một đoạn văn từ 8-10 câu. Trong đoạn văn có sử dụng phép nổi và một biện pháp tu từ (gạch chân và ghi chú thích) (1,5 điểm)

PHẦN II. LÀM VĂN (4,0 điểm):

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của mình về **lòng thương người**.

Gợi ý trả lời:

Câu 7: Học sinh có thể đồng ý hoặc không đồng ý.

Khi lí giải vì sao, HS cần căn cứ vào:

+ Cốt truyện để xem xét hành động của các ông cậu và hành động của Méléagre để xem hành động của ai đúng, ai sai.

+ Căn cứ vào góc độ tình cảm: tình mẫu tử để đánh giá hành động của *Althée*, mẹ của Méléagre xem hành động đó đúng hay sai/ nên hay không nên.

=> HS đi đến kết luận và rút ra bài học.

Câu 8: Tìm chi tiết hoang đường kì ảo: Chó ngao Xerber có 3 đầu.

- **Ý nghĩa:** Đây là chi tiết hoang đường, kì ảo làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn. Chó ngao là đối tượng và cũng là địch thủ mà Hê-ra-clét phải đối đầu trong chiến công thứ 11. Cho nên chó ngao là biểu tượng cho những chông gai, thử thách cực lớn mà Hê-ra-clét phải vượt qua. Khó khăn càng lớn thì khi vượt qua nó lại càng tôn vinh được vẻ đẹp trí tuệ, sức mạnh và tinh thần vượt khó của Hê-ra-clét => anh xứng đáng được coi là biểu tượng cho người anh hùng của đất nước Hy Lạp, một con người có sức mạnh tựa thần linh.

Câu 9: Vẻ đẹp của Hê-ra-clét trong chiến công thứ 11:

- Là một anh hùng có hành động trọng nghĩa: Giải cứu Thesee

- Là người có trái tim đa sầu, đa cảm, giàu lòng yêu thương con người: Khóc khi nghe câu chuyện của Méléagre; đã đồng ý nhận lời thỉnh cầu của Méléagre.

- Là người rất dũng cảm, có tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất; có sức mạnh thể chất vô song.

=> Là người mang trong mình khát vọng tự do mãnh liệt.

=> Hê-ra-clét là biểu tượng cao đẹp của người anh hùng Hy Lạp cổ đại, mang sức mạnh tựa thần linh.

Phần II. Viết:

MB:

- Dẫn dắt...

- Nêu VDNL: lòng thương người.

TB:

1. Giải thích lòng thương người là gì?

2. Nêu biểu hiện của lòng thương người:

- Về suy nghĩ:

- Về thái độ, tình cảm:

- Về hành động

3. Phân tích vai trò, ý nghĩa của lòng thương người:

- Đối với cá nhân/mỗi người khi có lòng thương người: Tình thương người là kim chỉ nam để mọi người đi đúng hướng. Ai lấy tình thương là lẽ sống, là hành động sẽ không bao giờ đi chệch hướng.

- Đối với xã hội và đất nước.

4. Chứng minh: Các tấm gương mang trong mình lòng thương người (HS nêu 2-3 tấm gương) sau đó khái quát những đặc điểm chung của họ.

5. Bàn luận:

- Phản đề: Những người sống vô cảm, máu lạnh/ lòng thương người là cần thiết nhưng cần đặt đúng chỗ, đúng lúc thì mới có ý nghĩa. Thương yêu đôi khi là phải khiêm khắc. Thương yêu khác với vuốt ve, chiều chuộng.

- Liên hệ với lứa tuổi và thời đại

- Làm thế nào để trở thành người có lòng thương người?

KB: - Khẳng định vai trò của lòng thương người

- Kết bằng câu danh ngôn, câu tục ngữ hoặc câu thơ.

+ **Tình thương là sức mạnh.**

+ **Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi thiếu tình yêu thương.**

ĐỀ 4 (sưu tầm):

GIẾT CON SƯ TỬ Ở NÊ-MÊ¹

Thuở ấy ở Nê-mê có một con sư tử to lớn hung dữ gắp mười lần con sư tử ở Xi-tê-rông². Bó nó chính là tên Đại khổng lồ Ty-phông, đã có lần quật ngã Dớt³. Mẹ nó là Ê-chit-na, một con quỷ cái nửa người nửa rắn. Các anh em sư tử cũng đều là những loại ghê gớm cả. Nữ thần Hê-ra⁴ đã nuôi con sư tử này và đem thả vào vùng Nê-mê. Ác thú sống trong một cái hang có hai lối: một lối ra, một lối vào. Ngày ngày nó xuống đồng cỏ bắt gia súc, phá hoại mùa màng của nhân dân. Sư tử Nê-mê còn khác sư tử Xi-tê-rông ở chỗ không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng da nó được. Hê-ra-clet làm thế nào để trị được con quái vật này? Các vị thần luôn luôn theo dõi giúp đỡ người anh hùng. Thần A-pô-lông cho chàng một cây cung và một ống tên. Thần Héc-mes cho chàng một thanh gươm dài và cong. Thần Hê-phai-tôn rèn cho chàng một bộ áo giáp vàng. Còn nữ thần A-then-na ban cho chàng một bộ

¹ Giết con sư tử ở Nê-mê là kì công đầu tiên trong mười hai kì công của người anh hùng Hê-ra-clet trong Thần thoại Hy Lạp.

² Theo Thần thoại Hy Lạp, trước khi lập mười hai kì công, Hê-ra-clet đã từng diệt trừ con sư tử hung dữ ở xứ Xi-tê-rông để bảo vệ đàn gia súc của cha và vua Tex-pi-ôx xứ Ter-pi

³ Dớt: vị thần có quyền lực tối cao trong Thần thoại Hy Lạp, chủ của điện Ô-lem-pơ.

⁴ Nữ thần Hê-ra là vợ của Thần Dớt.

quần áo do tự tay nàng dệt lấy vải may thành áo, thành quần rất đẹp. Đây là cây chùy gỗ tự tay chàng làm lấy trước khi đi diệt trừ ác thú ở Xi-tê-rông. Hồi ấy chàng tìm thấy một cây gỗ to và quý ở trong một khu rừng già. Cây gỗ rắn như sắt, chắc như đồng khiến chàng nghĩ tới có thể sử dụng nó làm một thứ vũ khí. Chàng bèn đốn cây chặt hết cành lá, chỉ lấy đoạn gốc để đẽo thành chùy. Chính với cây chùy này mà chàng hạ thủ được con sư tử Xi-tê-rông

Nhưng lần giao đấu này với sư tử Nê-mê không dễ dàng như lần trước. Hê-ra-clet phải tìm đến tận hang ổ của con vật. Chàng rình mò, xem xét thói quen, tính nết của nó rồi nghĩ kế diệt trừ. Sư tử Nê-mê ở trong một cái hang có hai cửa, vì thế không dễ đón đánh được nó. Hê-ra-clet thấy tốt nhất là phải lấp kín đi một cửa, buộc nó phải về theo một con đường nhất định. Và chàng mai phục ngay trước cửa hang. Chờ cho con vật ra khỏi hang, chàng giương cung bắn. Những mũi tên của chàng lao vút đi trúng liên tiếp vào thân con ác thú nhưng bật nảy ra và quần đi như bắn vào vách đá. Không còn cách gì khác là phải lao vào con ác thú giao chiến với nó bằng gươm, bằng chùy. Nhưng đến gần nó thì thật là nguy hiểm. Hê-ra-clet thận trọng trong từng đòn đánh con vật, vì chỉ sơ hở một chút thì người anh hùng sẽ biến thành bữa ăn ngon miệng cho sư tử. Lừa cho ác thú vô huyệt, chàng vung gươm bổ một nhát trời giáng xuống đầu nó. Nhưng ghê gớm làm sao, thanh gươm bật nảy như khi ta chém dao xuống đá. Da con vật chẳng hề xây xát. Hê-ra-clet dùng chùy. Chàng hy vọng nện liên tiếp vào đầu nó thì nó sẽ không thể còn sức mà giao đấu với chàng. Nhưng chàng không thể nào nện liên tiếp vào đầu con vật. Chàng còn phải tránh những đòn ác hiểm của nó như quật đuôi, vả trái, tát phải, nhảy bổ, lao húc...

Bây giờ thì chỉ còn cách vật nhau với nó. Hê-ra-clet lợi dụng một đòn tấn công huyệt của ác thú, nhảy phắt lên lưng, cỡi trên mình nó, hai chân quặp lấy thân còn hai tay vươn ra bóp cổ, ấn đầu nó xuống đất. Con sư tử không còn cách gì đối phó lại được. Hai chân sau của nó ra sức đạp mạnh xuống đất để hất người ngồi trên lưng nó xuống, nhưng vô ích. Còn hai chân trước của nó chỉ biết cào cào trên mặt đất. Trong khi đó thì đôi bàn tay của Hê-ra-clet, như đôi kìm sắt thít chặt lấy cổ họng nó, khiến nó ngạt thở phải há hốc mồm ra và hộc hộc lên từng cơn. Chẳng bao lâu thì con thú yếu dần, cuối cùng chỉ còn là một cái xác. Thế là Hê-ra-clet vượt qua được một thử thách, lập được một chiến công kỳ diệu. Chàng muốn lột lấy bộ da sư tử làm áo giáp, dùng đầu sư tử làm mũ đội. Nhưng chẳng dao nào rạch được trên da con vật. Hê-ra-clet lấy luôn móng sắc con vật thay dao. Và chàng mặc bộ áo của chiến công ấy, đội chiếc mũ của vinh quang ấy, trở về Mi-xen báo công với nhà vua Ô-rit-xtê. Với bộ áo bằng da sư tử Nê-mê, từ nay trở đi Hê-ra-clet trở thành vô địch, không vũ khí nào có thể làm chàng đứt thịt rách da. [...]

Để ghi nhớ chiến công của người anh hùng Hê-ra-clet, nhân dân Hy Lạp sau này cứ hai năm một lần tổ chức Hội Nê-mê ở thung lũng Nê-mê thuộc đất Ác-gô-lit. Hội mở vào giữa mùa hè thường kéo dài độ ba đến bốn ngày để tỏ lòng thành kính và biết ơn đối với thần Dớt. Sau cái nghi lễ tôn giáo là đến các trò thi đấu thể dục thể thao. Trong thời gian mở hội, các thành bang Hy Lạp tạm thời hòa hoãn các cuộc xung đột, các mối hiềm khích để vui chơi.

(Trích Mười hai kỳ công của Hê-ra-clet, Thần thoại Hy Lạp,
Nguyễn Văn Khoa, NXB Văn học, 2014, tr.386-389)

Lựa chọn đáp án đúng:

1. Sự kiện chính được kể trong văn bản trên là gì?

- A. Hê-ra-clet giết con sư tử ở Xi-tê-rông.
- B. Hê-ra-clet giết con sư tử ở Nê-mê.
- C. Hê-ra-clet nhận vũ khí từ các vị thần.
- D. Hê-ra-clet được các thần giao sứ mệnh giúp loài người.

2. Ai là người nuôi con sư tử Nê-mê?

- A. Thần Dớt. B. Thần A-pô-lông. C. Thần Héc-mes. D. Nữ thần Hê-ra.

3. Con sư tử Nê-mê thường gây họa gì cho con người?

- A. Gây ra lũ lụt, mất mùa.
- B. Bắt dân xứ Nê-mê phải hàng năm phải hiến tế người.
- C. Bắt gia súc, phá hoại mùa màng.
- D. Gây thảm họa động đất, sóng thần.

4. Hê-ra-clet hạ được con sư tử ở Nê-mê bằng cách nào?

- A. Dùng vũ khí của các vị thần ban cho.
- B. Nhờ vào sự giúp sức của các vị thần.
- C. Dùng cây chùy mà chàng tự làm.
- D. Dùng chính đôi bàn tay của mình.

5. Chi tiết Hê-ra-clet lấp kín một cửa hang của con sư tử Nê-mê cho thấy chàng là con người như thế nào?

- A. Thông minh. B. Dũng cảm C. Kiên quyết D. Tài hoa.

6. Hình tượng sư tử Nê-mê có ý nghĩa gì?

- A. Tượng trưng cho lực lượng thống trị xã hội tàn ác.
- B. Chỉ những hiện tượng tự nhiên gây tai họa cho con người.
- C. Chỉ những các hiện tượng tiêu cực của xã hội.
- D. Tượng trưng cho những tính cách tiêu cực của loài người.

7. Chiến công của Hê-ra-clet trong câu chuyện có ý nghĩa gì?

- A. Ca ngợi sức mạnh của nhà nước A-then cổ đại.
- B. Ca ngợi, tự hào về sức mạnh và trí tuệ của con người.
- C. Phản ánh những xung đột xã hội căng thẳng.
- D. Phản ánh công cuộc khám phá đại dương của người Hy Lạp cổ.

Trả lời các câu hỏi:

8. Theo bạn, có thể lược bỏ chi tiết miêu tả con sư tử Nê-mê “*không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng da nó được*” trong văn bản hay không? Vì sao?

9. Qua chi tiết Hê-ra-clet dù có đủ vũ khí được thần linh ban phát nhưng vẫn phải dùng chính đôi tay của mình để diệt trừ ác thú, bạn rút ra bài học gì?

10. Sau khi diệt trừ con sư tử Nê-mê, Hê-ra-clet có được thêm bộ áo giáp và mũ hộ thân. Từ chi tiết này, bạn quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa thách thức và cơ hội? (Trả lời bằng 4-5 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của văn bản *Giết con sư tử ở Nê-mê*.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

Phầ n	Câ u	Nội dung	Điể m
----------	---------	----------	----------

I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	D	0.5
	3	C	0.5
	4	D	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5
	7	B	0.5
	8	- Không thể lược bỏ chi tiết miêu tả con sử tử Nê-mê “ <i>không cung tên, gươm dao nào đâm thủng, bắn thủng</i> ” - Vì nếu thiếu chi tiết này thì tác phẩm không thể miêu tả cuộc chiến giữa con người và ác thú căng thẳng, làm nổi bật thử thách của nhân vật chính; đồng thời, không thể tôn vinh sức mạnh của Hê-ra-clet.	1.0
	9	- Nêu ra bài học cho bản thân. - Lí giải lí do bản thân nêu bài học ấy.	1.0
	10	- Nêu quan niệm của bản thân về mối quan hệ giữa thử thách và cơ hội. - Lí giải được những lí do nêu quan điểm như vậy.	0.5
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0.5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Ý nghĩa, giá trị của văn bản Giết con sư tử ở Nê-mê.</i>	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau:	2.0
		- Giới thiệu ngắn gọn về xuất xứ, nhân vật chính và nội dung bao quát của tác phẩm <i>Giết con sư tử ở Nê - mê</i> . - Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật: + Về nội dung, câu chuyện kể về một trong những kì công của Hê-ra-clet; thông qua đó, thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên của người Hy Lạp cổ; ngợi ca sức mạnh thể chất và trí tuệ của con người. + Về nghệ thuật, văn bản chứa đựng những đặc trưng của nghệ thuật cổ đại Hy Lạp: sự phong phú của trí tưởng tượng; tính hấp dẫn, li kì của thử thách để làm bật những phẩm chất của nhân vật chính... - Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện (có thể là bài học dựa vào chính bản thân mình hoặc không ngại khi phải đương đầu với thử thách) / thể hiện sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của câu chuyện trong tác phẩm....	

	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm		10.0

ĐỀ 5:

THẦN KAMA (THẦN TÌNH YÊU ÁN ĐỘ)

Kama là con trai của thần Vishnu và Lakshmi. là vị thần trắng trẻo, đẹp trai nhất trong chư thần, bởi vì ông chính là vị thần của tình yêu. Kama cầm một cây cung làm bằng cây mía, dây cung là cả một đàn ong đang bay, đầu mũi tên của thần là những bông hoa xoài, khiến kẻ nào bị trúng tên thì sẽ sa vào bể ái tình không dứt ra được. Vợ của thần Kama tên là Rati (Đam mê), và người bạn đồng hành của ông là Vasanta (chúa xuân). Thú cưỡi của Kama là một con vệt. Đi hộ tống bên cạnh thần Kama luôn là một đồng tiên nữ đi đến đâu thì ở đấy không khí yêu đương bốc lên ngút trời.

Xưa Taraka là con quỷ có uy lực ghê gớm khiến cả đẳng tối cao Brahma cũng phải kính nể. Nó bắt thần Brahma truyền cho nó phép trường sinh bất tử. Từ khi có phép đó nó trở nên kiêu ngạo, khinh rẻ các thần linh. Các thần muốn tiêu diệt Taraka nhưng biết chắc rằng không có ai ngoài con trai của thần Siva sinh ra mới đủ sức tiêu diệt nó. Nhưng khốn nỗi Siva theo chủ nghĩa khổ hạnh, không chịu lấy vợ. Các thần bàn cách làm sao cho Siva cưới Uma – con gái thần núi Himallahya. Kama nhận nhiệm vụ cực kỳ khó khăn này. Chàng mang “vũ khí”, dẫn đoàn tùy tùng và nàng Uma lên đỉnh núi Kailasa, nơi thần Siva đang ngồi tu luyện.

Uma được trang điểm lộng lẫy, nàng tìm mọi cách khêu gợi dục tình của Siva, nhưng Siva không mảy may xao động, đôi mắt vẫn lim dim hướng về thượng đế. Chờ đến khi nàng Uma có sức quyến rũ và xinh đẹp tuyệt trần, Kama gương cung bắn thẳng mũi tên vào trái tim Siva. Thần Siva bàng hoàng, nhúc nhối trái tim, vùng đứng dậy, quắc mắt tìm kiếm xem kẻ nào dám cả gan khuấy rối.

Trông thấy Kama, thần mở to con mắt thứ ba trên trán, phun lửa hừng hực đốt cháy Kama thành tro. Nhưng trái tim Siva vẫn nhúc nhối, ngọn lửa tình trong người cứ bùng cháy. Siva ẩn nấp vào bóng cây râm mát hòng dập tắt lửa tình. Vô hiệu, vì xung quanh có nhiều sơn nữ xinh đẹp đang nhìn Siva khiến cho ngọn lửa càng nóng hơn. Thần chạy trốn xuống hồ nước, nước hồ lại càng sôi lên khi nàng Uma đứng trên bờ hồ chờ đón. Cuối cùng Siva nhảy lên bờ. Nàng Uma chạy tới ôm chặt lấy thần. Lúc ấy Siva mới cảm thấy lòng mình êm dịu. Thế là Siva lấy vợ và sinh con trai.

Sau khi thần Kama chết thế giới trở nên khô cằn, lạnh lẽo vì Thần tình yêu không còn nữa. Thần linh và loài người đều vô cùng lo sợ. Mọi người lập đàn tế lễ cầu xin Siva cải tử hoàn sinh cho Kama. Nàng Rati goá bụa, đau khổ tìm nàng Uma năn nỉ cầu xin Siva cho chồng sống lại. Siva đồng ý cho Kama sống lại nhưng phải chịu vô hình vô ảnh. Và Kama tồn tại mãi với muôn loài cho đến ngày nay.

(Trích "Thần thoại Ấn Độ")

Câu 1: Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

- A. Ngôi thứ nhất số ít
- B. Ngôi thứ nhất số nhiều
- C. Ngôi thứ ba.

D. Vừa kể theo ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba.

Câu 2: Nhân vật chính trong văn bản là"

- A. Kama.
- B. Siva
- C. Uma
- D. Taraka.

Câu 3: Trong văn bản có bao nhiêu chi tiết hoang đường kì ảo?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 4: Trong văn bản, Kama đã có sự thay đổi như thế nào?

A. Từ vô hình vô ảnh trở nên hữu hình.

B. Từ hữu hình thành vô hình vô ảnh.

C. Không có bất cứ sự thay đổi nào.

D. Từ chàng trai trắng trẻo, đẹp trai trở thành người đen đúa, xấu xí.

Câu 5: Chi tiết thần Kama có "cây cung bằng mía và dây cung bằng cả bầy ong" có ý nghĩa gì?

A. Tượng trưng cho vẻ đẹp và uy quyền của thần Kama.

B. Khẳng định rằng tình yêu luôn có những lời ngọt ngào nhưng cũng có nọc độc chết người.

C. Khẳng định tình yêu luôn có những lời ong bướm ngọt ngào.

D. Khẳng định tình yêu rất gần gũi với người lao động (nhất là những người làm vườn).

Câu 6: Chi tiết "trái tim Siva vẫn nhức nhối, ngọn lửa tình trong người cứ bùng cháy" được hiểu như thế nào cho hợp lí nhất?

A. Khẳng định tình yêu luôn mang đến những sự nhức nhối và phiền toái trong lòng người khác.

B. Khẳng định tình yêu có sức mạnh khủng khiếp có thể khuất phục mọi người.

C. Khẳng định tình yêu luôn rực cháy trong trái tim mọi người, kể cả những người tu hành khổ hạnh.

D. Khẳng định sức hấp dẫn, sức mạnh và sự bất diệt của tình yêu đối với mọi người, kể cả người tu hành.

Câu 7. Thông điệp ý nghĩa nhất được rút ra từ văn bản là:

A. Tình yêu sẽ thiêu rụi mọi thứ vì thế nên cẩn thận.

B. Tình yêu mang sức mạnh vô song và có ý nghĩa lớn lao trọng đại.

C. Tình yêu vô hình vô ảnh khó nắm bắt.

D. Tình yêu luôn kèm theo những lời ong bướm đường mật.

Câu 8: Nhân vật Kama khiến anh/chị liên tưởng đến nhân vật nào?

A. Adam (Kinh Cựu ước)

B. Eros (Thần thoại Hy Lạp)

C. Rama (Sử thi Ramayana)

D. Atena (Thần thoại Hy Lạp)

Câu 9: Trong văn bản có đoạn viết: *"Sau khi thần Kama chết thế giới trở nên khô cằn, lạnh lẽo vì Thần tình yêu không còn nữa. Thần linh và loài người đều vô cùng lo sợ. Mọi người lập đàn tế lễ cầu xin Siva cải tử hoàn sinh cho Kama."*. Anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ của mình về chi tiết trên bằng một đoạn văn có độ dài 5-7 dòng.

Câu 10: Em hãy viết một đoạn văn khoảng 8-10 dòng, trình bày những cảm nhận của mình về cái hay, cái đẹp của văn bản trên.

Phần hai: Viết (4,0 điểm):

Có ba quan điểm sau:

1. Vừa học vừa yêu.
2. Yêu đã rồi học sau.
3. Học trước yêu sau.

Hãy viết một bài luận trình bày quan điểm của anh/chị về mối quan hệ giữa sự nghiệp học hành và tình yêu.

Gợi ý trả lời:

Câu 9:

- Đây là đoạn văn rất hay và giàu ý nghĩa. Đoạn văn đã thể hiện quan điểm rất tiến bộ của nhân dân lao động Ấn Độ cổ xưa về vai trò và sức mạnh của tình yêu.

- Khi thần Tình yêu Kama chết thế giới trở nên khô cằn, lạnh lẽo => thế giới sẽ mất hết sự sống; mất hết ý nghĩa nếu không còn tình yêu.

=> Cần phải biết trân trọng, nâng niu, biết vun trồng để xây dựng một tình yêu đẹp.

=> Phải biết đấu tranh chống lại thói vụ lợi, thấp hèn, toan tính trong tình yêu.

=> Hãy nhìn đời và cảm nhận thế giới bằng trái tim yêu => Hoa hạnh phúc sẽ tỏa hương thơm suốt đời bạn.

Câu 10: Cái hay, cái đẹp của văn bản:

- Về nội dung: Văn bản là những trang văn đẹp viết về tình yêu với những quan điểm hết sức tiến bộ.

+ Văn bản đã nói lên những đặc trưng đã trở thành quy luật của tình yêu: tình yêu gắn liền với những lời ong bướm, ngọt ngào; tình yêu gắn liền với mùa xuân, tuổi trẻ; tình yêu sẽ chấp cánh cho ngôn ngữ thăng hoa.

+ Bày tỏ vai trò, sức mạnh của tình yêu: tình yêu có sức quyến rũ lạ lùng; tình yêu làm cho cuộc sống ấm áp, tươi vui và tràn đầy sức sống.

- Về hình thức:

+ Tình huống truyện hấp dẫn; bất ngờ.

+ Chi tiết li kì, hấp dẫn.

+ Sử dụng rất nhuần nhuyễn, sáng tạo các yếu tố kì ảo hoang đường => câu chuyện trở nên thi vị mang màu sắc thần thoại nhưng không làm mất đi tính đời thường.

+ Hình ảnh so sánh, đối lập giàu sức gợi

=> tạo nên những trang văn đẹp khi viết về tình yêu => đóng góp rất lớn vào kho tàng văn học nhân loại.

- Về thái độ, tình cảm:

+ Văn bản đã thể hiện thái độ trân trọng tình yêu của người lao động Ấn Độ cổ xưa.

Phần II> Viết:

- Học sinh có thể chọn một trong 3 quan điểm được nêu trong đề bài.

- HS có thể bày tỏ những ưu và hạn chế khi yêu ở tuổi học trò.

MB: Khẳng định tình yêu là thứ tình cảm rất tự nhiên, chân thành và thiêng liêng của thế giới loài người; tuy nhiên yêu ở tuổi nào và yêu như thế nào là một điều đáng bàn với giới trẻ.

TB:

1. Khái niệm tình yêu là gì?

2. Những biểu hiện phong phú của tình yêu.

3. Phân tích những lợi và hại trong tình yêu tuổi học trò:

- Tác dụng:

+ Yêu làm cho con người cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc có nhiều động lực hơn trong cuộc sống.

+ Khi yêu các bạn trẻ sẽ chín chắn hơn, trưởng thành hơn.

+ Khi yêu con người ta biết hi sinh, biết phấn đấu vì người khác.

+ Khi yêu, trái tim trở nên phong phú và giàu có hơn

+ Khi yêu con người sạch sẽ hơn, biết hoàn thiện về vóc dáng, tâm hồn, tính cách để xứng đáng với người mình yêu.

- Hạn chế khi yêu ở tuổi học trò:

+ Thường mất thời gian nhớ nhung, giận hờn nên sẽ chiếm khá lớn thời gian học tập.

+ Nếu giận hờn sẽ dờ ắt, buồn chán không có thời gian để phát triển bản thân.

+ Tuổi này chưa chín chắn trưởng thành để chia tay; dễ có những lời nói và hành động làm tổn thương nhau.

+ Tuổi học trò yêu bằng trái tim nhiều lúc si dại, mù quáng nên nếu bị tác động tiêu cực dễ có hành động dại dột để lại những hậu quả nặng nề.

+ Ngày nay, một số bạn không được trang bị kiến thức về sức khỏe sinh sản vị thành niên nên có thể có những hành động đi quá giới hạn tình yêu tuổi học trò.

=> Chính vì những lẽ trên, yêu là lợi bất cập hại; không nên yêu sớm; dành thời gian để phát triển sự nghiệp; hoàn thiện nhân cách.

4. Bàn luận: Cách hướng tới vun đắp xây dựng một tình yêu đẹp trong tương lai.

KB: Khẳng định lại quan điểm của cá nhân về tình yêu.

ĐỀ 6:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

CHỮ LẦU

(Thần thoại H'mông)

Chữ Lầu sau khi sáng tạo ra trời đất bèn làm một lúc mười mặt trời, chín mặt trăng và rất nhiều sao để chiếu rọi cho khô ráo và cho sáng. Về sau vì loài người sợ rằng những thứ đó rơi xuống có thể làm nguy hại trần gian nên xin Chữ Lầu cất đi nhưng Chữ Lầu không cất, chỉ làm thêm một cái màng xanh ngăn giữa đất và tinh cầu để cho loài người an tâm. Mười mặt trời là nữ, chín mặt trăng là nam được Chữ Lầu cho một cái hồn vào miệng và thổi hơi cho hoạt động. Những tinh cầu ấy hun đốt trong bảy năm liền. Trong khoảng thời gian đó, chỉ có ngày mà không có đêm.

Khi đất đã khô ráo, Chữ Lầu làm ra mọi thứ cỏ cây, muôn vật và người. Con người do Chữ Lầu dùng đất nặn thành, cho hồn vào bụng, tiếng nói ở cổ họng và thổi hơi vào cho sống. Mọi vật phát triển rất chóng, chẳng mấy lúc mà đầy mặt đất. Nhưng vì nóng quá, con người bèn chặt cây lớn làm cung tên khổng lồ, bắn vào các mặt trời và mặt trăng. Chín mặt trời và tám mặt trăng trúng tên tắt ngay còn hai cái nữa trốn thoát.

Trong khoảng đó chỉ có đêm không có ngày người ta sống trong cảnh đen tối, lạnh lẽo. Họ cố nài mặt trời và mặt trăng trở lại nhưng chúng không nghe. Các giống vật cử cộp đi gọi nhưng cũng không được. Sau bảy năm, nhờ có gà gọi mãi đến lần thứ bảy, bọn chúng mới chịu trở về, Chử Lâu thưởng cho gà một cái mào màu đỏ vì công trạng ấy.

Con người lúc đó sống đến 900 tuổi, đến hạn cũng chết, nhưng được vào vườn Din - giang - ca của Chử Lâu. Ở đó trong mười hai ngày tự nhiên lột da, sống và trở lại rồi trở về nhà cũ. Nhưng có một nhà nọ, nàng dâu xích mích với mẹ chồng, thường hắt hủi xỉ vả nên mẹ chồng giận, quyết ở luôn tại vườn Din - giang - ca không về. Ở đây bà ta ăn quả đào trắng, uống nước suối, phạm vào lệnh cấm của Chử Lâu, làm cho Chử Lâu giận, bèn cấm loài người không được đến vườn của mình nữa. Từ đó, loài người chết là chết luôn.

Lúc đó công việc làm đồng rất nhẹ nhàng. Cỏ không có, cây cối tự nhiên mọc và có quả. Ngô ăn được cả lá. Người ta chỉ mất công gieo ngô và lúa là có ăn. Mỗi lần lúa chín tự nhiên nó bay về, không phải gặt. Nhưng có một người kia phân việc là mang cơm ra đồng cho mọi người ăn, thấy nhóm mình làm việc quá chóng: vừa đặt cơm ở chỗ này thì họ đã tiến cách đó rất xa. Người ấy bèn xin Chử Lâu hiện cỏ ra mặt đất để cho công việc chậm lại. Chử Lâu nghe lời. Vì thế mà từ đó công việc đồng áng rất chậm vật. Lại có một nhà khác có người đàn bà nhác không chịu quét dọn nhà cửa để đón lúa nên lúc lúa bay về thấy bản thủ bèn rủ nhau từ đây quyết không tự về nữa.

(Theo Bùi Văn Nguyên, Đỗ Bình Trị, Tư liệu tham khảo văn học văn Việt Nam tập I, Văn học dân gian, phần II, NXB Giáo dục, 1976, tr.93-96).

Chú thích:

- Chử Lâu: như Ngọc Hoàng trong thần thoại của người Kinh (Việt)
- Tinh cầu: ngôi sao.
- Din - giang - ca: vườn của Chử Lâu, tức là "thiên đường" theo quan niệm thần thoại. Chủ đề về "thiên đường", về "cây sinh mệnh" (một thứ cây "cải lão hoàn đồng") là một chủ đề phổ biến của thần thoại các dân tộc, thể hiện ước mơ sống lâu và lòng yêu cuộc đời "thế tục" của con người.
- Xỉ vả: mắng nhiếc thậm tệ.

Học sinh đọc kĩ văn bản, phần chú thích và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 10:

Câu 1: Không gian trong truyện "Chử Lâu" là:

- A. Không gian rừng núi nơi người H'mông sinh sống.
- B. Din - giang - ca (vườn của Chử Lâu hay còn gọi là thiên đường).
- C. Không gian bị hun đốt bởi rất nhiều mặt trời, mặt trăng, cùng các vì sao.
- D. Không gian vũ trụ nguyên sơ gồm có: cõi đất, cõi trời.

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là ai?

- A. Chử Lâu
- B. Người bắn chín mặt trời và tám mặt trăng
- C. Người ăn quả táo trắng của Chử Lâu
- D. Người yêu cầu Chử Lâu cho xuất hiện cỏ.

Câu 3: Nhận xét nào sau đây chính xác nhất về nhân vật Chữ Lầu theo đặc trưng thi pháp thần thoại?

A. Chữ Lầu là nhân vật chức năng.

B. Chữ Lầu là người anh hùng của dân tộc H'mông.

C. Chữ Lầu là đấng tối cao của muôn loài.

D. Chữ Lầu là người trường sinh bất tử.

Câu 4: Thời gian trong truyện "Chữ Lầu" là:

A. Thời gian bảy năm liền

B. Thời gian mười bốn năm.

C. Thời gian quá khứ không xác định

D. Thời gian khi đã xuất hiện văn minh loài người.

Câu 5: Hãy lựa chọn nhận xét đúng nhất về truyện "Chữ Lầu":

A. Truyện "Chữ Lầu" có yếu tố của thần thoại suy nguyên và thần thoại sáng tạo.

B. Truyện "Chữ Lầu" có yếu tố của thần thoại sáng tạo và thần thoại về người anh hùng.

C. Truyện "Chữ Lầu" có yếu tố của thần thoại suy nguyên và thần thoại về người anh hùng.

D. Truyện "Chữ Lầu" có yếu tố của thần thoại sáng tạo.

Câu 6: Ý kiến nào sau đây KHÔNG ĐÚNG về truyện "Chữ Lầu"?

A. Truyện bày tỏ ước mơ chinh phục tự nhiên.

B. Truyện bày tỏ ước mơ trường sinh bất tử.

C. Truyện bày tỏ ước mơ về cuộc sống công bằng và hạnh phúc.

D. Truyện bày tỏ ước mơ giảm nhẹ sức lao động.

Câu 7: Tại sao trong truyện "Chữ Lầu" con gà lại có màu đỏ?

A. Do cần nổi bật để thu hút gà mái.

B. Để cho nó đẹp giống hoa màu gà.

C. Do nó có công gọi mặt trời và mặt trăng trở lại.

D. Do gà có công đuổi chín mặt trời và tám mặt trăng chạy đi.

Câu 8: Việc Chữ Lầu đã dùng đất nặn ra con người khiến anh/chị liên tưởng đến nhân vật trong các câu chuyện thần thoại nào?

A. Prô - mê - tê (Thần thoại Hy Lạp).

B. Thần Trụ trời (Thần thoại Việt Nam).

C. A- dam (Thần thoại sáng tạo của các tôn giáo Abraham)

D. Nữ Oa (Thần thoại Trung Quốc).

Câu 9: Dì - giang - ca (vườn của Chữ Lầu hay còn gọi là thiên đường) xuất hiện trong truyện có ý nghĩa gì? Hãy miêu tả theo trí tưởng tượng của anh/chị về khu vườn đó bằng đoạn văn miêu tả có độ dài 7-10 dòng.

Câu 10: Viết một đoạn văn từ 6-8 câu trình bày suy nghĩ của em về khát vọng của người cổ đại qua văn bản "Chữ Lầu".

PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về **đức tính khiêm tốn**.

Gợi ý trả lời:

Câu 9: Vườn Dì-giang-ca (Thiên đường) có ý nghĩa sau:

- Thể hiện trí tưởng tượng phong phú của người xưa về thiên đường.

- Thể hiện khát vọng trường sinh bất lão của người xưa.
- Thiên đường cũng thể hiện quan điểm về cuộc sống của người xưa khi có kiếp trước, kiếp này, kiếp sau.

HS có thể viết theo trí tưởng tượng của mình, trong đó cần sử dụng phương thức biểu đạt miêu tả để làm nổi bật vẻ đẹp của thiên đường, thế giới ước mơ của nhiều người, nhất là những người tin rằng cuộc đời có kiếp sau.

Câu 10. Khát vọng của người cổ đại qua văn bản:

- Khát vọng được giảm sức lao động, cuộc sống nhàn hạ hơn khi mong ước "lúa tự bay về nhà không cần cấy".
- Khát vọng chinh phục thiên nhiên: bắn mặt trăng và mặt trời.
- Khát vọng trường sinh bất lão: vườn Dì-giang-ca (thiên đường).

=> Khát vọng muôn đời của người xưa và nay. Khát vọng đó còn đau đáu trong trái tim của những con người hiện đại hôm nay.

=> Chừng nào còn khát vọng chừng đó con người còn trẻ khỏe để sống cuộc đời hữu ích; chừng nào còn khát vọng chừng đó thế giới loài người sẽ còn nhiều tiến bộ.

Phần II. Viết:

MB:

- Dẫn dắt...
- Nêu VDNL: Đức tính khiêm tốn.

TB:

1. Giải thích khiêm tốn là gì?

2. Nêu biểu hiện của đức tính khiêm tốn:

- Về suy nghĩ:
- Về thái độ, tình cảm:
- Về hành động

3. Phân tích vai trò, ý nghĩa của đức tính khiêm tốn:

- Đối với cá nhân/mỗi người khi có tính khiêm tốn:
- Đối với xã hội và đất nước.

4. Chứng minh: Các tấm gương mang trong mình đức tính khiêm tốn (HS nêu 2-3 tấm gương) sau đó khái quát những đặc điểm chung của họ.

5. Bàn luận:

- Phản đề: Những người khoác lác, tự cao tự đại
- Liên hệ với lứa tuổi và thời đại
- Làm thế nào để trở thành người có tính khiêm tốn?

KB: - Khẳng định vai trò của tính khiêm tốn.

- Kết bằng câu danh ngôn, câu tục ngữ hoặc câu thơ.

ĐỀ 7:

PĂNGĐÔNG - NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐẦU TIÊN CỦA LOÀI NGƯỜI

Truyện Prométhée trao ngọn lửa cho loài người còn có đôi đoạn kể khác nhau đôi chút:

Truyện kể rằng, xưa kia khi thần Zeus sáng tạo ra loài người, sáng tạo rồi nhưng thần Zeus lại không ban cho một đặc ân gì hết để họ có thể dùng làm vũ khí bảo vệ giống nòi. Họ sống trần trụi trong một cuộc sống tối tăm, hoang dại với biết bao nỗi hiểm nguy đe dọa họ từng phút từng giờ. Khi ấy trên thế giới chỉ có rất là đàn

ông, còn đàn bà chưa có. Các vị thần chưa sáng tạo ra cho cuộc sống người đàn bà. Việc làm đó của thần Zeus khiến Prométhée bất bình, vì Prométhée vốn yêu quý loài người.

Bữa kia nhân vụ phân xử một cuộc tranh chấp giữa các vị thần bất tử và loài người đoán mệnh ở Mecone, Prométhée với trái tim ưu ái đối với loài người đã chọn một con bò to béo giết thịt để dâng các vị thần và ban cho loài người. Vốn yêu quý loài người và không ưa gì thần Zeus, Prométhée đã chia thịt ra làm hai phần. Một phần là bộ lòng và những miếng thịt ngon Prométhée đem bọc lại trong một mảnh da xấu xí. Còn một phần là những miếng xương ngắn, xấu dài, gân dai, bạc nhac, thần đem bọc lại trong một lớp mỡ béo ngon lành. Và Prométhée kính cẩn dâng cả hai phần lên để cho Zeus lựa chọn. Zeus chẳng nghi ngờ gì, chọn ngay phần mỡ béo bọc ngoài vì nó hấp dẫn hơn cả. Nhưng hỡi ôi! Khi mở ra thì bên trong toàn là xương xấu chẳng có lấy một miếng thịt nào. Zeus tức uất lên tận cổ song đành ngậm đắng nuốt cay. Nhưng cũng vì thế mà trong trái tim của vị thần này bùng lên một nỗi căm tức, thù địch đối với Prométhée và loài người. Vì câu chuyện này mà loài người từ đó trở đi, đời này qua đời khác, mỗi khi cúng tế thần linh đều phải kính cẩn đốt xương súc vật trên các bàn thờ uy nghi, trang trọng. Zeus thù ghét Prométhée và loài người. “Loài người là cái gì mà Prométhée lại quan tâm, chăm sóc chúng đến như thế? Đã thế ta sẽ không ban cho chúng ngọn lửa thiêng liêng nữa. Ta sẽ chẳng lấy cây tần bì làm đuốc, đốt cháy lên ngọn lửa hồng không một mối để trao cho chúng nữa. Để xem xem chúng sẽ sống ra sao và Prométhée liệu có cứu chúng khỏi họa tuyệt diệt không nào!” Zeus nghĩ thế và làm như thế. Nhưng Prométhée đã đoán được ý đồ của Zeus bởi vì thần vốn là người tiên đoán được mọi việc. Và lập tức Prométhée lấy ngọn lửa thiêng liêng của thiên đình ủ kín vào trong lớp ruột xộp khô của một loài cây sậy (férule) đem xuống trần trao cho loài người. Bằng cách ấy Prométhée đã đem “tia lửa giống” băng qua bầu trời xuống trần mà Zeus không hay không biết.

Thế là ngọn lửa của Prométhée đến tay loài người. Khắp mặt đất, chỗ này chỗ khác, nơi này nơi khác người người nhà nhà truyền cho nhau cái ánh sáng thiêng liêng bất diệt đó. Từ thiên đình nhìn xuống, bỗng nhiên Zeus thấy đâu đâu cũng rực lên từng đốm sáng nhấp nháy, bập bùng. Zeus biết thôi thế là mưu đồ của mình đã bị Prométhée phá vỡ. Ngọn lửa thiêng liêng, báu vật riêng của các bậc thần linh, một vũ khí vô địch đã bị mất rồi. Ngọn lửa đã về tay người trần thế mất rồi. Một nỗi căm tức lại cắn rứt trái tim của thần Zeus: “Thế là loài người không bị tiêu diệt nữa... không thể tiêu diệt loài người được nữa! Chúng nó đã có một vũ khí vô địch mà chỉ riêng các vị thần Olympe mới có... nhưng không tiêu diệt được chúng thì ta cũng quyết không để cho chúng sống yên vui, hạnh phúc!” Zeus nghĩ thế và mưu tính một sự trả thù.

Các vị thần Olympe được triệu đến. Theo lệnh của Zeus, vị thần Chân thọt-Héphaïstos danh tiếng lấy lửa, lấy đất và nước nhào nặn ra một người nhưng không phải là người đàn ông, mà là một người đàn bà, một thiếu nữ, phỏng theo hình dáng thanh tú, kiều diễm của các vị thần. Đương nhiên là người thiếu nữ đó phải vô cùng xinh đẹp. Ngay các vị nữ thần khi thấy cũng phải tấm tắc khen thắm. Héphaïstos còn ban cho người thiếu nữ đó tiếng nói thánh thót như chim, sức sống bùng bùng, rạo rực như hơi thở hùng hục của lửa nóng ở lò rèn. Và đó là vật dành riêng cho giống người trần đoán mệnh. Sức sống này được vị thần Chân thọt đưa vào ả náu

trong một thân hình mềm mại như một làn sóng biển, uyển chuyển như một giống dây leo, sáng ngời như ánh trăng rằm, long lanh như những hạt sương chưa tan buổi sớm. Nữ thần Athéna có đôi mắt sáng ngời, ban cho nàng chiếc thắt lưng xinh đẹp của mình và một tấm áo dài trắng muốt. Nàng lại còn ban cho người thiếu nữ đó một tấm lụa mỏng để cô ta trùm lên vầng trán cao cao xa xa với vợi của mình. Một chiếc mũ bằng vàng do đích thân thần Héphaïstos với bàn tay khéo léo của mình sáng tạo ra, được nữ thần Athéna đem tới âu yếm đặt lên đầu người con gái. Trên chiếc mũ vàng ngời ngời này, Héphaïstos đã dày công chạm khắc biết bao hình ảnh đẹp đẽ của vũ trụ và thế gian: núi rừng trập trùng, suối sông uốn khúc, nai thơ thẩn dưới trăng, hươu rừng bầy gặm cỏ... nơi đây dưới ánh bình minh, người người đang mải miết cày lật đất đen, nơi kia bên bếp than hồng, người người quây quần nướng thịt thú rừng, thỏ, nai săn được. Nữ thần Tình yêu và Sắc đẹp Aphrodite ban cho cô gái vẻ đẹp duyên dáng, dục vọng đắm say và sự khêu gợi thâm kín. Còn thần Hermès ban cho cô gái tài nói năng tế nhị, dịu dàng, có thể cảm dỗ làm xiêu lòng người khác. Thần lại ban cho cô gái cả tài che giấu ý nghĩ thật của mình, trái tim nghĩ một đằng, miệng nói một nẻo. Đó là sự không trung thực và thói xảo trá, ỏn thót, điêu ngoa. Cả những lời nói nịnh khéo, khen bừa, lẩn tránh quanh co để được vừa lòng tất cả mọi người, hoặc lấp lửng nước đôi, mặt nồng vừa đẩy mà đã nhạt phai ngay liền, thoát khóc, thoát cười đều do vị thần Trộm cắp Hermès ban cho cô gái hiền dịu, trong trắng, đẹp đẽ tuyệt vời đó. Tiếp đến những nữ thần Duyên sắc-Charites (thần thoại La Mã: Graces)⁶⁰ và nữ thần Khuyên nhủ⁶¹ đeo vào cổ người thiếu nữ những chiếc vòng vàng muôn phần xinh đẹp. Còn những nữ thần Thời gian-Heures⁶² có mái tóc đẹp đội vào đầu cô gái vòng hoa xuân rực rỡ thắm sắc thơm hương.

Khi mọi việc đã xong xuôi, Hermès tuân theo ý định của thần Zeus, đặt tên cho người thiếu nữ đó là “Pandore” nghĩa là “có đủ mọi tài năng”. Mà đúng thế, bởi các vị thần đã ban cho người con gái đó đủ mọi tài năng. Thần Zeus quyết định đưa người con gái này xuống trần để làm vợ Epiméthée. Từ nàng Pandore này sẽ sinh sôi, nảy nở ra giống đàn bà, một loài độc hại cho giống đàn ông mà giống đàn ông không sao dứt bỏ được bởi vì, theo sự sáng tạo của các vị thần, giống đàn bà là loài không thể chịu đựng được cuộc sống vất vả, nhọc nhằn, nghèo túng, khó khăn mà chỉ sinh ra để sống trong cảnh an nhàn, sung túc và hưởng thụ kết quả lao động khó nhọc của người đàn ông, cũng như gây ra cho người đàn ông biết bao điều đau khổ, phiền muộn trong chuyện hôn nhân và gia đình. Người đàn bà sẽ là người bạn đường của người đàn ông nhưng là người bạn đường gây ra những nỗi bất hạnh cho người đàn ông. Đó là cái tai họa mà thần Zeus ban cho loài người⁶³.

Câu 1: Có bao nhiêu vị thần được nhắc đến trong văn bản trên?

- A. 6
- B. 8
- C. 10
- D. 12

Câu 2: Vị thần tối cao nhất trên đỉnh Olympơ là:

- A. Thần Dớt
- B. Promete
- C. Thần Eros
- D. Nữ thần Thời gian-Heure

Câu 3: Mục đích của thần Dớt sai thần Chân thọt tạo ra người đàn bà đầu tiên nhằm mục đích gì?

- A. Ban phát cho loài người một đặc ân.
- B. Để giúp loài người duy trì nòi giống
- C. Để trả thù Prômetê và loài người.**
- D. Để quyền rũ Prômetê.

Câu 4: Không gian bao quát trong văn bản là:

- A. Không gian nguyên sơ gồm ba cõi: Đất, nước và trời.
- B. Không gian nguyên sơ gồm hai cõi: Đất và trời.**
- C. Không gian nguyên sơ gồm hai cõi: Trời và nước.
- D. Không gian nguyên sơ cõi đất.

Câu 5: Vì sao Prômetê và loài người lại bị thần Dớt căm tức và thù ghét?

- A. Vì đã có gian tình với nàng Hê-ra.
- B. Vì Prômetê đã cho dâng cho thần Dớt phần xương xẩu, bạc nhạc.
- C. Vì Prômetê đã ăn trộm ngọn lửa thiêng ném xuống trần gian.
- D. Vì Prômetê đã dâng lên thần Dớt phần xương xẩu, cùng với đó là ăn trộm ngọn lửa.**

Câu 6: Chi tiết "Thế là loài người không bị tiêu diệt nữa... không thể tiêu diệt loài người được nữa! Chúng nó đã có một vũ khí vô địch mà chỉ riêng các vị thần Olympe mới có" có ý nghĩa gì?

- A. Khẳng định loài người đã được trang bị một vũ khí vô địch bậc nhất khiến họ trường sinh bất tử.
- B. Khẳng định vai trò của ngọn lửa trong đời sống hôn nhân và gia đình.
- C. Khẳng định việc tìm ra ngọn lửa là bước tiến vĩ đại của loài người để vươn tới nền văn minh.**
- D. Khẳng định con người khi có lửa mang trong mình sức mạnh tựa thánh thần.

Câu 7: Chi tiết "lấy đất và nước nhào nặn ra một người nhưng không phải là người đàn ông, mà là một người đàn bà, một thiếu nữ, phỏng theo hình dáng thanh tú, kiêu diễm của các vị thần" khiến anh/chị liên tưởng đến nhân vật nào?

- A. Adam
- B. Thần trụ trời
- C. Chúa Giê su
- D. Nữ Oa**

Câu 8: Prômetê luôn gắn bó với con người, vì con người và yêu thương con người rất mực chính vì thế thần đã bị thần Dớt xiềng ở núi Cô-ca-dơ, ai đã là người giải cứu cho Prômetê?

- A. Hê-ra-clét**
- B. Hê-ra
- C. Atêna.
- D. Thần Dớt.

Câu 9: Anh/chị có đồng ý với quan điểm: "Từ nàng Pandore này sẽ sinh sôi, nảy nở ra giống đàn bà, một loài độc hại cho giống đàn ông mà giống đàn ông không sao dứt bỏ được bởi vì, theo sự sáng tạo của các vị thần, giống đàn bà là loài không thể chịu đựng được cuộc sống vất vả, nhọc nhằn, nghèo túng, khó khăn mà chỉ sinh ra để sống trong cảnh an nhàn, sung túc và hưởng thụ kết quả lao động khó nhọc của người đàn ông, cũng như gây ra cho người đàn ông biết bao điều đau khổ, phiền muộn trong chuyện hôn nhân và gia đình" hay không? Vì sao?

Câu 10. Anh/chị hãy viết đoạn văn từ 6-8 câu trình bày những cảm nhận về những vẻ đẹp của nhân vật Prômetê.

Phần Hai: Viết (4.0 điểm):

Anh/chị hãy viết một bài luận khoảng 500 chữ với chủ đề: Hãy thắp sáng ngọn lửa thiêng liêng.

Gợi ý trả lời:

Câu 9: HS có thể bày tỏ quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý hoặc vừa đồng ý vừa không đồng ý. Bất cứ quan điểm nào, HS cũng phải lí giải thuyết phục:

HS có thể phân tích vai trò, tầm quan trọng của phụ nữ trong cuộc sống ngày nay:

- Phụ nữ là một nửa của thế giới.
- Đằng sau sự thành công của người đàn ông bao giờ cũng có bóng dáng của người phụ nữ.
- Đòi thiếu mẹ hiền, không phụ nữ/Anh hùng thì sĩ hỡi còn đâu?
- Trong xã hội ngày nay, phụ nữ tham gia vào công việc và đóng góp rất lớn cho xã hội; họ đã khẳng định được vị thế của mình: đảm việc nước, giỏi việc nhà.

HS có thể phân tích những hạn chế của phụ nữ:

- Tuy nhiên, lịch sử cũng ghi nhận, phụ nữ là mòm mống của nhiều tai họa; nhiều đấng quân vương mất nước cũng chỉ vì phụ nữ.

=> Phụ nữ là một phần không thể thiếu trong cuộc sống; là một nửa thế giới cần được trân trọng và tôn vinh. Đừng vì một số người phụ nữ làm siêu thành đồ quách mà đánh đồng tất cả. Hãy yêu thương và trân trọng người phụ nữ của đời mình, ta sẽ có cả thế giới bình yên.

Câu 10: Cảm nhận về đẹp của Prômetê:

- Prômetê đã sáng tạo ra loài người.
- Dũng cảm đối đầu với thần Dớt để mang ngọn lửa thiêng về cho loài người.
- Là một vị thần gần gũi với thế giới loài người nhất và có trái tim nhân hậu, chan chứa yêu thương con người.

=> Prômetê là một vị thần thông minh, sáng tạo, dũng cảm, đấu tranh không mệt mỏi cho sự trường tồn và phát triển của loài người => là một vị thần đáng được trân trọng.

Phần II. Viết:

Viết theo chủ đề: Hãy thắp lên ngọn lửa thiêng:

MB: HS có thể trích dẫn 4 câu thơ để đi đến vấn đề nghị luận

Tôi muốn thắp ngọn lửa thiêng hùng vĩ.

Thấm máu xương bao chiến sĩ năm nào.

Bởi tâm hồn luôn phủ ngập khát khao.

Mong nhân loại mãi ngọt ngào hạnh phúc.

- **VĐNL:** Việc thắp ngọn lửa thiêng có ý nghĩa rất quan trọng đối với mọi người trên toàn nhân loại.

TB: 1. Giải thích khái niệm: lửa là gì?

- Theo nghĩa đen: Lửa là một loại vật chất rất quan trọng giúp loài người duy trì sự sống, bước sang một nền văn minh mới.
- Nghĩa bóng: Lửa là ngọn lửa lòng; là sự nhiệt huyết, đam mê trong công việc; là tình yêu mãnh liệt bỏng cháy...
- Cách tạo ra lửa từ sự tương tác giữa hai hòn đá; giữa hai thanh gỗ được cọ xát với nhau => Lửa có được từ sự tương tác; tác động từ hai phía. Thắp lửa thiêng ở đây được hiểu và bàn luận đó chính là ngọn lửa lòng, ngọn lửa nhiệt huyết đam mê.

2. Biểu hiện của ngọn lửa: Người biết thắp lửa thường có những biểu hiện sau:

- **Trong suy nghĩ:** chín chắn, thấu đáo, luôn biết nghĩ cho người khác, nghĩ cho đại cục, nghĩ vì tập thể; đó là mẫu người "hi sinh tất cả chỉ quên mình".

- **Về thái độ:**

+ Đối với công việc: nhiệt huyết, say mê, luôn làm việc bằng một thái độ chuyên nghiệp, tinh thần cầu tiến.

+ Đối với mọi người: thể hiện sự quan tâm, lắng với những con người bất hạnh, yếu thế trong xã hội; thể hiện thái độ bất bình, căm tức với các thế lực tàn bạo; thù địch.

+ Đối với người yêu thì ân cần, nhẹ nhàng; chân thành nhưng không kém phần lãng mạn, bỏng cháy hết mình; sẵn sàng hi sinh vì người mình yêu; luôn mang lại cho người mình yêu những điều tốt đẹp nhất.

- Về hành động: Hành động vừa thận trọng nhưng không kém phần quyết đoán; nếu là 1% nhân văn thì họ cũng hành động hết mình; luôn nhận khó, nhận khổ xông pha trong mọi công việc nhất là công việc quan trọng; hiểm nguy.

3. Phân tích vai trò của mình thắp lửa:

- Đối với cá nhân: là cách duy trì cuộc sống; giúp cho cá nhân sống đẹp hơn; sống có ích hơn; cá nhân dễ nâng tầm bản thân; luôn được mọi người yêu thương, quý trọng.

- Đối với tập thể: Họ truyền nguồn năng lượng tích cực cho mọi người; biết lan tỏa những giá trị yêu thương để cho tập thể ngày càng phát triển hơn.

- Đối với đất nước: Nếu ai cũng biết thắp ngọn lửa thiêng thì đất nước sẽ ngày càng phát triển.

=> Nói tóm lại ở đâu có lửa ở đó có sự sống; có tình yêu thương; có sự văn minh và tiến bộ.

=> Việc thắp lên ngọn lửa thiêng là điều vô cùng quan trọng và cần thiết; là điều không thể thiếu trong trái tim mỗi người muốn thành công, hạnh phúc.

4. Chứng minh: Hs lấy dẫn chứng về các tấm gương, trong các lĩnh vực khác nhau đã biết thắp lửa và chính vì thế họ đã thành công, thành danh.

5. Bàn luận:

- Phản đề:

+ Phê phán những kẻ sống thờ ơ, nguội lạnh.

+ Thắp lửa là tốt nhưng phải biết thắp đúng cách, đúng lúc bởi "Nhiệt tình cộng ngu dốt là phá hoại".

- Liên hệ với lứa tuổi và thời đại để đưa ra định hướng cho bản thân trong việc thắp lửa.

KB:

- Khẳng định việc thắp lửa là điều vô cùng quan trọng và cần thiết.

- Kêu gọi hành động/hoặc kết bằng câu danh ngôn; tục ngữ.

Đề 8: PHẦN I (6,0 điểm): Đọc văn bản và trả lời câu hỏi bên dưới:

GIẾT CON SƯ TỬ Ở NÊ-MÊ⁵

(Đề 2)

⁵ *Giết con sư tử ở Nê-mê* là kì công đầu tiên trong mười hai kì công của người anh hùng He-ra-clet trong Thần thoại Hy Lạp.

Thuở ấy ở Nê-mê có một con sư tử to lớn hung dữ gấp mười lần con sư tử ở Xi-tê-rông⁶. Bó nó chính là tên Đại khổng lồ Ty-phông, đã có lần quật ngã Dốt⁷. Mẹ nó là Ê-chit-na, một con quỷ cái nửa người nửa rắn. Các anh em sư tử cũng đều là những loại ghê gớm cả. Nữ thần Hê-ra⁸ đã nuôi con sư tử này và đem thả vào vùng Nê-mê. Ác thú sống trong một cái hang có hai lối: một lối ra, một lối vào. Ngày ngày nó xuống đồng cỏ bắt gia súc, phá hoại mùa màng của nhân dân. Sư tử Nê-mê còn khác sư tử Xi-tê-rông ở chỗ không cung tên, guơm dao nào đâm thủng, bắn thủng da nó được. Hê-ra-clet làm thế nào để trị được con quái vật này? Các vị thần luôn luôn theo dõi giúp đỡ người anh hùng. Thần A-pô-lông cho chàng một cây cung và một ống tên. Thần Héc-mes cho chàng một thanh guơm dài và cong. Thần Hê-phai-tôx rèn cho chàng một bộ áo giáp vàng. Còn nữ thần A-then-na ban cho chàng một bộ quần áo do tự tay nàng dệt lấy vải may thành áo, thành quần rất đẹp. Đây là cây chùy gỗ tự tay chàng làm lấy trước khi đi diệt trừ ác thú ở Xi-tê-rông. Hồi ấy chàng tìm thấy một cây gỗ to và quý ở trong một khu rừng già. Cây gỗ rắn như sắt, chắc như đồng khiến chàng nghĩ tới có thể sử dụng nó làm một thứ vũ khí. Chàng bèn đốn cây chặt hết cành lá, chỉ lấy đoạn gốc để đẽo thành chùy. Chính với cây chùy này mà chàng hạ thủ được con sư tử Xi-tê-rông

Nhưng lần giao đấu này với sư tử Nê-mê không dễ dàng như lần trước. Hê-ra-clet phải tìm đến tận hang ổ của con vật. Chàng rình mò, xem xét thói quen, tính nết của nó rồi nghĩ kế diệt trừ. Sư tử Nê-mê ở trong một cái hang có hai cửa, vì thế không dễ đón đánh được nó. Hê-ra-clet thấy tốt nhất là phải lấp kín đi một cửa, buộc nó phải về theo một con đường nhất định. Và chàng mai phục ngay trước cửa hang. Chờ cho con vật ra khỏi hang, chàng giương cung bắn. Những mũi tên của chàng lao vút đi trúng liên tiếp vào thân con ác thú nhưng bật nảy ra và quần đi như bắn vào vách đá. Không còn cách gì khác là phải lao vào con ác thú giao chiến với nó bằng guơm, bằng chùy. Nhưng đến gần nó thì thật là nguy hiểm. Hê-ra-clet thận trọng trong từng đòn đánh con vật, vì chỉ sơ hở một chút thì người anh hùng sẽ biến thành bữa ăn ngon miệng cho sư tử. Lừa cho ác thú vô hụt, chàng vung guơm bổ một nhát trời giáng xuống đầu nó. Nhưng ghê gớm làm sao, thanh guơm bật nảy như khi ta chém dao xuống đá. Da con vật chẳng hề xây xát. Hê-ra-clet dùng chùy. Chàng hy vọng nện liên tiếp vào đầu nó thì nó sẽ không thể còn sức mà giao đấu với chàng. Nhưng chàng không thể nào nện liên tiếp vào đầu con vật. Chàng còn phải tránh những đòn ác hiểm của nó như quật đuôi, vả trái, tát phải, nhảy bổ, lao húc... Bây giờ thì chỉ còn cách vật nhau với nó. Hê-ra-clet lợi dụng một đòn tấn công hụt của ác thú, nhảy phắt lên lưng, cỡi trên mình nó, hai chân quặp lấy thân còn hai tay vươn ra bóp cổ, ấn đầu nó xuống đất. Con sư tử không còn cách gì đối phó lại được. Hai chân sau của nó ra sức đạp mạnh xuống đất để hất người ngồi trên lưng nó xuống, nhưng vô ích. Còn hai chân trước của nó chỉ biết cào cào trên mặt đất. Trong khi đó thì đôi bàn tay của Hê-ra-clet, như đôi kìm sắt thít chặt lấy cổ họng nó, khiến nó ngạt thở phải há hốc mồm ra và học học lên từng cơn. Chẳng bao lâu thì con thú yếu dần, cuối cùng chỉ còn là một cái xác. Thế là Hê-ra-clet vượt qua được một thử thách, lập được một chiến công kỳ diệu. Chàng muốn lột lấy bộ da sư tử làm áo giáp, dùng đầu

⁶ Theo Thần thoại Hy Lạp, trước khi lập mười hai kì công, Hê-ra-clet đã từng diệt trừ con sư tử hung dữ ở xứ Xi-tê-rông để bảo vệ đàn gia súc của cha và vua Tex-pi-ôx xứ Ter-pi

⁷ Dốt: vị thần có quyền lực tối cao trong Thần thoại Hy Lạp, chủ của điện Ô-lem-pơ.

⁸ Nữ thần Hê-ra là vợ của Thần Dốt.

sur tử làm mũ đội. Nhưng chẳng dao nào rạch được trên da con vật. Hê-ra-clet lấy luôn móng sắc con vật thay dao. Và chàng mặc bộ áo của chiến công ấy, đội chiếc mũ của vinh quang ấy, trở về Mi-xen báo công với nhà vua O-rit-xtê. Với bộ áo bằng da sur tử Nê-mê, từ nay trở đi Hê-ra-clet trở thành vô địch, không vũ khí nào có thể làm chàng đứt thịt rách da. [...]

Để ghi nhớ chiến công của người anh hùng Hê-ra-clet, nhân dân Hy Lạp sau này cứ hai năm một lần tổ chức Hội Nê-mê ở thung lũng Nê-mê thuộc đất Ác-gô-lit. Hội mở vào giữa mùa hè thường kéo dài độ ba đến bốn ngày để tỏ lòng thành kính và biết ơn đối với thần Dớt. Sau cái nghi lễ tôn giáo là đến các trò thi đấu thể dục thể thao. Trong thời gian mở hội, các thành bang Hy Lạp tạm thời hòa hoãn các cuộc xung đột, các mối hiềm khích để vui chơi.

(Trích Mười hai kỳ công của Hê-ra-clet, Thần thoại Hy Lạp, Nguyễn Văn Khỏa, NXB Văn học, 2014, tr.386-389)

Lựa chọn đáp án đúng:

1. Thời gian được nhắc đến trong văn bản là:

- A. Thời gian quá khứ không xác định.
- B. Thời gian Hê -ra-clét được sống tự do.
- C. Thời gian Hê-ra-clét nạp mình làm nô lệ 12 năm ở xứ sở của vua O-ri-xtê.**
- D. Thời gian Hê-ra-clét tham gia chiến tranh thành To-roa.

2. Không gian nghệ thuật bao trùm văn bản là:

- A. Không gian nguyên sơ gồm 3 cõi: Đất, nước, trời.
- B. Không gian nguyên sơ ở cõi đất.**
- C. Không gian nguyên sơ của cõi đất và âm phủ.
- D. Không gian nguyên sơ không xác định.

3. Cốt truyện được sắp xếp theo trình tự nào?

- A. Vua O xi -xte giao nhiệm vụ -> Hê-ra-clet bịt kín cửa hang -> các vị thần đã cho chàng vũ khí lợi hại để giết chết sur tử Nê- mê -> Hê-ra-clét đã giết sur tử Nê -mê bằng tay không.
- B. Các vị thần đã cho chàng vũ khí lợi hại để giết chết sur tử Nê- mê -> Hê-ra-clet bịt kín cửa hang -> Vua O xi -xte giao nhiệm vụ -> Hê-ra-clét đã giết sur tử Nê -mê bằng tay không.
- C.Vua O xi -xte giao nhiệm vụ -> các vị thần đã cho chàng vũ khí lợi hại để giết chết sur tử Nê- mê -> Hê-ra-clet bịt kín cửa hang -> giết sur tử Nê -mê bằng tay không.**
- D. Chàng bịt kín cửa hang -> Vua O xi -xte giao nhiệm vụ -> các vị thần đã cho chàng vũ khí lợi hại để giết chết sur tử Nê- mê Hê-ra-clet bịt kín cửa hang giết sur tử Nê -mê bằng tay không.

4. Việc Hê-ra-clét giết chết sur tử Nê-mê không phải bằng vũ khí của các vị thần ban cho mà bằng chính đôi bàn tay của mình có ý nghĩa gì?

- A. Để nhấn mạnh sur tử Nê-mê là một ác thú rất khó tiêu diệt.
- B. Để ca ngợi Hê-ra-clét có sức mạnh tựa thánh thần.
- C. Để khẳng định Hê-ra-clét không cần sự giúp đỡ của thần linh.
- D. Để khẳng định hành trình đi kiếm tìm tự do, hạnh phúc cần tinh thần tự lực cánh sinh.**

5. Việc các vị thần trên đỉnh Olympơ cho Hê-ra-clét vũ khí lợi hại có ý nghĩa như thế nào?

A. Khẳng định Hê-ra-clét là người cao to, đẹp trai nên luôn được các vị thần yêu mến.

B. Khẳng định chân lí: những hành động chính nghĩa luôn được sự giúp đỡ của mọi người, kể cả thần linh.

C. Khẳng định sự nguy hiểm của sư tử Nê-mê nên cần vũ khí của thần linh.

D. Khẳng định Hê-ra-clét là người trần mắt thịt, yếu thế trong cuộc chiến.

6. Hình tượng sư tử Nê-mê có ý nghĩa gì?

A. Tượng trưng cho vẻ đẹp vô song của tự nhiên.

B. Chỉ những hiện tượng tự nhiên gây tai họa cho con người.

C. Tượng trưng cho những khó khăn thử thách trong cuộc sống.

D. Tượng trưng cho những tính cách tiêu cực của loài người.

7. Hê-ra-clét đã ra sao sau khi giết chết sư tử Nê-mê?

A. Được tự do để đi kiếm tìm hạnh phúc.

B. Được sự yêu quý và kính nể của mọi người.

C. Danh tiếng đã vang vọng đến cả thần linh trên đỉnh Olympơ.

D. Đã giúp Hê-ra-clét mạnh mẽ, tự tin và được bảo vệ tốt hơn.

8. Việc Hê-ra-clét giết chết sư tử Nê-mê khiến anh/chị liên tưởng đến quan điểm nào dưới đây?

A. Kỷ luật là sức mạnh, ý chí tạo thành công.

B. Có công mài sắt, có ngày nên kim

C. Niềm tin là sức mạnh biến cái không thể thành cái có thể.

D. Không có việc gì khó/Chỉ sợ lòng không bền/Đào núi và lấp biển/Quyết chí ắt làm nên.

Trả lời các câu hỏi:

9. Tìm hai chi tiết kì ảo, hoang đường và nêu ý nghĩa của hai chi tiết này. (1.0 điểm)

10. Hãy viết đoạn văn (khoảng 7-10 câu) trình bày những cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của Hê-ra-clét trong văn bản "Giết sư tử Nê-mê". Trong đoạn văn có sử dụng một thành ngữ (gạch chân và ghi chú thích).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy viết một bài luận bàn về mối quan hệ giữa cơ hội và thử thách trong thời đại 4.0 ngày nay.

Gợi ý trả lời:

Câu 9: Hai chi tiết kì ảo và hoang đường:

Chi tiết 1: *Thần A-pô-lông cho chàng một cây cung và một ống tên. Thần Héc-mes cho chàng một thanh gươm dài và cong. Thần Hê-phai-tôn rèn cho chàng một bộ áo giáp vàng. Còn nữ thần A-then-na ban cho chàng một bộ quần áo do tự tay nàng dệt lấy vải may thành áo, thành quần rất đẹp.*

- **Ý nghĩa:** Vẻ đẹp chính trực, chiến đấu vì chính nghĩa của Hê-ra-clét đã chiếm được cảm tình của các vị thần trên đỉnh Olympơ => Những người chiến đấu vì chính nghĩa không bao giờ cô đơn, lẻ loi mà luôn có sự đồng hành, giúp sức của người khác, kể cả các thế lực thần linh. => Quý nhân của đời ta là chính ta => chính vì thế hãy sống tốt, sống đẹp, luôn đấu tranh vì chính nghĩa.

Chi tiết 2: *Nhưng ghê gớm làm sao, thanh gươm bật nảy như khi ta chém dao xuống đá. Da con vật chẳng hề xây xát.*

- Ý nghĩa: Đây là chi tiết được cường điệu hóa để nhấn mạnh sức mạnh; sự ghê gớm của sư tử Nê-mê mà ngay chính vũ khí của thần linh cũng không thể tiêu diệt được. Qua chi tiết này để nhấn mạnh những thử thách mà Hê-ra-clét đang phải đối diện là rất lớn. Từ đó, chi tiết là phép đòn bẩy để tôn lên vẻ đẹp của Hê-ra-clét, người anh hùng biểu tượng cho vẻ đẹp của đất nước Hy Lạp: Thông minh, dũng cảm, có tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất.

Câu 10. Vẻ đẹp của Hê-ra-clét trong văn bản là:

- Thông minh, sáng tạo.
- Dũng cảm, có tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất.
- Khao khát tự do và hạnh phúc cháy bỏng.

=> Hê-ra-clét là biểu tượng của người anh hùng Hy Lạp cổ đại => Giết chết Nê-mê là chiến công đầu tiên trong 12 chiến công vĩ đại của Hê-ra-clét để khẳng định anh chính là người anh hùng mang sức mạnh tựa thánh thần.

Phần II: Viết: Sau khi diệt trừ con sư tử Nê-mê, Hê-ra-clét có được thêm bộ áo giáp và mũ hộ thân. Từ chi tiết này, bạn quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa thách thức và cơ hội?

1. Mở bài: giới thiệu vấn đề nghị luận.

2. Thân bài:

* Giải thích vấn đề:

- Thách thức là những khó khăn, cản trở từ bên ngoài tạo ra.
- Cơ hội là những điều kiện thuận lợi do khách quan, từ bên ngoài đem đến.

* Bàn luận về mối quan hệ giữa cơ hội và thách thức :

- Một việc, một yếu tố là cơ hội hay là thách thức còn tùy thuộc vào nhận thức của mỗi con người.
- Cơ hội và thách thức không phải “nhất thành bất biến” mà luôn vận động, chuyển hoá và thách thức đối với cái này có thể là cơ hội cho cái khác phát triển.
- Tận dụng được cơ hội sẽ tạo ra thế và lực để vượt qua và đẩy lùi thách thức, ngược lại, không tận dụng được cơ hội, thách thức sẽ lấn át, cơ hội sẽ mất đi, thách thức sẽ chuyển thành những khó khăn khó khắc phục.

* **Bài học:**

- Phải xác định cơ hội để nắm bắt thời cơ, chớp lấy thời cơ khi nó đến gần.
- Cần xác định thách thức để có kế hoạch đối phó, tháo gỡ, vượt qua.

3. Kết bài: Khẳng định trong cuộc sống luôn tồn tại những cơ hội và thách thức, điều quan trọng là mỗi người cần có bản lĩnh để vượt qua thách thức, biết nắm bắt cơ hội để đạt thành công

Đề số 9: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới.

Sau chiến công đầu tiên của Héraclès, Eurysthée lại ra lệnh cho chàng phải lên đường dấn thân vào một thử thách còn nặng nề và nguy hiểm gấp bội phần thử thách đầu tiên: đến vùng Lerne giết con mãng xà Hydre. Đây cũng lại là một quái vật con của Typhon và Échidna, một con rắn khổng lồ đã thành tinh có tới một trăm cái đầu, sống ở vùng Lerne trên bán đảo Péloponnèse. Mãng xà Hydre này chuyên sống ở vùng đầm lầy giữa các ngọn núi đá. Nó chọn một cái hang sâu làm nơi cư ngụ. Thật

không kể xiết những tai họa khủng khiếp mà Hydre đã gieo xuống đời sống nhân dân quanh vùng. Trước hết hãy nói về hơi thở của con quái vật này. Đó là hơi thở của một trăm cái đầu to lớn với những cái miệng rộng như cái nong, cái nia, vì thế ta chỉ có thể nói đó là những luồng gió mạnh. Nếu Hydre phồng mang trợn mắt mà phun, mà thổi thì cây cối bị đổ, gãy, nhà cửa bị bốc bay. Nguy hiểm hơn nữa là trong hơi thở của Hydre có khí độc, ai không may hít phải là chết ngay tức khắc. Vì lẽ đó cho nên ngay cả khi Hydre ngủ cũng không ai dám bén mảng đến gần. Nhân dân quanh vùng Lerne bị Hydre bắt không biết bao nhiêu là bò, ngựa, dê cừu. Cả đến người nữa, không gia đình nào là không có người thiệt mạng. Người ta phải dời chỗ ở nhiều lần tránh xa vùng Hydre để kiếm ăn. Nhưng tránh đâu cho thoát, Hydre bò rất nhanh, quăng mình đi vun vút như ta quăng ném một hòn đá.

Héraclès cùng với Iolaos con của Iphiclès đến vùng Lerne bằng một cỗ xe ngựa. Hai người cho dừng lại ở ngoài vùng đầm lầy rồi len lỏi qua các bờ bãi lau sậy um tùm tìm nơi ở của con quái vật. Việc tìm kiếm quái vật tuy vất vả song không đến nỗi kéo dài vì hơi thở tanh tươi của Hydre là một dấu hiệu chắc chắn nhất báo cho biết sào huyệt của nó đã không còn xa. Sau khi xem xét cẩn thận nơi ở của quái vật, Héraclès thấy muốn diệt được nó trước hết phải điệu nó ra khỏi vùng đầm lầy. Chàng cùng với Iolaos dùng kế khiêu khích Hydre. Iolaos đốt nóng những mũi tên cho Héraclès bắn vào quái vật, bắn liên tiếp hết mũi tên này đến mũi tên khác. Hydre thấy động liền ngóc đầu dậy đi tìm địch thủ. Trúng kế của người anh hùng, quái vật bò ra khỏi vùng đầm lầy, quần mình đuổi theo hai người. Cuộc chiến đấu giữa Héraclès với Hydre thật gay go vô cùng. Hydre vươn thân ra quần lấy Héraclès định thắt, xiết cho Héraclès chết. Nhưng Héraclès nhanh chóng chuôi ra khỏi vòng cuốn của nó, vung chùy lên giáng vào đầu nó. Mỗi đòn chùy giáng vào một cái đầu của Hydre tưởng là một đòn kết liễu và chỉ cần một trăm đòn thì một trăm cái đầu của Hydre vụn tan như cám. Song không phải như thế, Hydre không phải là một con mãng xà thường: cứ mỗi cái đầu bị đập bẹp, vỡ tan, thì tức khắc một cái đầu khác lại mọc ra thay thế. Cũng cần phải nói tới sự giúp đỡ của các vị thần nên Héraclès mới không bị trúng độc. Không thể đánh nhau với Hydre theo cách ấy được nữa. Héraclès gọi người cháu trai là Iolaos đến giúp sức. Chàng ra lệnh cho Iolaos đốt lên một ngọn đuốc, lửa cháy bùng bùng. Cứ mỗi cái đầu của Hydre bị chàng đập bẹp thì Iolaos phải lập tức giáng ngay đuốc lửa vào đốt luôn để cho không một cái đầu nào mọc tiếp, kịp thời được nữa. Cứ thế lần lượt, Héraclès hạ gần hết trăm đầu con mãng xà. Nữ thần Héra thấy con quái vật của mình bị yếu thế, sắp đi theo số phận con sư tử Némée bèn sai một con tôm hùm rất lớn từ dưới vùng đầm lầy lên cứu viện cho Hydre: Con tôm hùm bò lên vừa lúc Héraclès không đề phòng đã cạp vào ngón chân chàng định giật mạnh cho chàng ngã. Bị đau, Héraclès giật mình quay lại, tiện tay giáng xuống một chùy. Con vật vỡ tan ra từng mảnh. Các đầu của Hydre lần lượt bị đánh bẹp. Chỉ còn lại một cái đầu lớn nhất ở chính giữa thân là không sao trị được vì lẽ nó vốn bất tử. Héraclès dùng guom. Bị chém lia khỏi thân mà mắt nó vẫn mở trừng trừng, miệng phun ra hơi độc phì phì. Héraclès bèn đào một cái hố sâu rồi hất nó xuống đấy, đoạn chàng vác một tảng đá lớn đè chặn lên trên. Chỉ có làm như vậy thì nó mới không thể sống lại được nữa. Trước khi ra về, Héraclès đem nhúng những mũi tên của mình vào máu của con mãng xà. Từ đó trở đi những mũi tên của Héraclès lại ác hiểm thêm một bậc

nữa. Kẻ nào bị trúng tên thì không phương thuốc nào cứu khỏi cái chết. Thế là người anh hùng Héraclès đã hoàn thành một chiến công vĩ đại nữa.

(Trích Thần thoại Hy Lạp, 12 chiến công vĩ đại của Hê-ra-clét)

Câu 1: Ai là người luôn muốn đối đầu và tiêu diệt Hê-ra-clét?

A. Vua Ô-ri-xtê. B. Hê-ra. C. Mãng xà Hidrơ. D. Prômetê.

Câu 2: Đoạn trích này thuộc thể loại thần thoại nào?

A. Thần thoại anh hùng B. Thần thoại sáng tạo.

C. Thần thoại suy nguyên. D. Cả ba đáp án trên.

Câu 3: Điều gì khiến cho mãng xà Hidrơ trở nên rất nguy hiểm và đáng sợ?

A. Sống ở vùng đầm lầy giữa các ngọn núi đá.

B. Nó chọn một cái hang sâu làm nơi cư ngụ.

C. Nó có một trăm cái đầu với những chiếc miệng rộng lớn.

D. Trong hơi thở của Hidrơ có khí độc.

Câu 4: Để tìm ra mãng xà Hidrơ, Hê-ra-clét đã làm theo cách nào?

A. Đi theo đường mòn mà mãng xà đã di chuyển.

B. Dựa vào hơi thở tanh tươi.

C. Dựa vào sự chỉ dẫn của các vị thần trên đỉnh Olympơ.

D. Nhờ sự chỉ đường của người dân vùng Lerno.

Câu 5: Hê-ra-clét đã chiến thắng mãng xà và lập được chiến công rất vĩ đại. Thành công này có được là do yếu tố nào là đóng vai trò chủ yếu?

A. Sự giúp sức của các vị thần trên đỉnh Olympơ.

B. Do chàng là con trai của thần Dớt nên mang sức mạnh giống như người cha của mình.

C. Do chàng là người thông minh, có sức mạnh vô song và có tinh thần chiến đấu quật cường.

D. Do niềm khao khát tự do mãnh liệt, bỏng cháy trong lòng chàng.

Câu 6: Mãng xà Hidrơ có một trăm cái đầu, cứ chặt cụt lại mọc ra. Hình ảnh này ẩn dụ cho điều gì?

A. Những khó khăn, thử thách sẵn sàng chực chờ mọi người, khó khăn này chưa qua, khó khăn khác lại đến.

B. Sự bí ẩn, khôn lường của thiên nhiên mà con người không thể đoán định được

C. Lòng dạ xấu xa của những con người không biết cải tà quy chính.

D. Một tai họa, một tệ nạn nào đó cứ tái diễn đi tái diễn lại trong đời sống, xóa bỏ thanh trừ rồi lại nảy sinh lại tiếp diễn.

Câu 7: Hành động của Hê-ra-clét "Chỉ còn lại một cái đầu lớn nhất ở chính giữa thân là không sao trị được vì lẽ nó vốn bất tử. Héraclès dùng guom. Bị chém là khỏi thân mà mắt nó vẫn mở trừng trừng, miệng phun ra hơi độc phì phì. Héraclès bèn đào một cái hố sâu rồi hất nó xuống đáy, đoạn chàng vác một tảng đá lớn đè chặn lên trên. Chỉ có làm như vậy thì nó mới không thể sống lại được nữa.", có ý nghĩa sâu xa nào?

A. Hê-ra-clét là một người mạnh mẽ, quyết liệt.

B. Hê-ra-clét là người rất căm thù Hê-ra.

C. Cái ác, cái xấu xa cần được tiêu diệt tận gốc.

D. Hê-ra-clét là người rất căm tức cái ác, cái xấu xa.

Câu 8: Khi giết chết Hê-ra-clét, Hê-ra-clét đã nhúng mũi tên vào máu của mãng xà. Từ đó trở đi những mũi tên của chàng hiểm ác thêm một bậc. Chi tiết này đã diễn tả chính xác nhất mối quan hệ nào?

A. Cơ hội và thử thách.

B. Thử thách và cơ hội.

C. Lòng căm thù và sự sáng tạo.

D. Ý chí và sức mạnh.

Câu 9: Theo anh/chị có nên sắp xếp sự việc miêu tả mãng xà Hê-ra-clét xuống sau hành động Hê-ra-clét chiến đấu với nó được không? Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 10: Hãy viết một đoạn văn từ 6-8 câu trình bày những cảm nhận của em về một vẻ đẹp của Hê-ra-clét được miêu tả trong đoạn trích. Yêu cầu đoạn văn có sử dụng một hình ảnh so sánh (gạch chân và ghi chú thích). (1,0 điểm)

II. Phần viết (4,0 điểm):

Anh/chị hãy viết một bài luận khoảng 500 chữ bàn về mối quan hệ giữa niềm tin chiến thắng với thành công.

Gợi ý trả lời:

Câu 9: Không nên sắp xếp như vậy vì:

+ Đảo lộn tình tiết, khiến cho câu chuyện không được lô gic, kịch tính.

+ Miêu tả mãng xà Hê-ra-clét trước giúp người đọc hình dung ra sự nguy hiểm của con quái vật và từ đó thấy thách thức dành cho Hê-ra-clét còn lớn hơn rất nhiều so với giết sư tử Nê-mê.

+ Sắp xếp như văn bản để người đọc hồi hộp chờ đợi cuộc chiến đấu giữa Hê-ra-clét và mãng xà.

+ Tác giả dân gian đã sử dụng phép đòn bẩy để tôn vinh, ca ngợi vẻ đẹp của Hê-ra-clét.

Câu 10: HS có thể chọn một trong các đặc điểm sau để viết thành đoạn văn:

- Thông minh, sáng tạo: tìm ra nơi ở của mãng xà thông qua mùi tanh; biết dùng kế "điệu hổ ly sơn" vô cùng quan trọng và hợp lý; biết dùng lửa để tiêu diệt các đầu phụ; đào hố để chôn đầu chính.

- Mạnh mẽ, dũng cảm và quyết liệt: Dùng chùy đập đầu mãng xà; chặt cụt đầu chôn xuống đất và đặt hòn đá lên.

II. Phần viết:

MB:

- Dẫn dắt:

- VĐNL: Mối quan hệ giữa niềm tin và thành công.

TB:

1. Giải thích và nêu biểu hiện:

*** Giải thích:**

- Niềm tin chiến thắng là ...

- Thành công là ...

*** Biểu hiện:** Rất phong phú và đa dạng

- Về suy nghĩ

- Về thái độ

- Về hành động

2. Bàn về mối quan hệ giữa niềm tin chiến thắng và thành công

* **Phân tích vai trò, ý nghĩa của niềm tin chiến thắng:** Là động lực, là sức mạnh vô song biến những điều không thể thành cái có thể, giúp con người có đủ nghị lực dũng khí để vượt qua khó khăn thử thách; là yếu tố cực kì quan trọng dẫn đến sự thành công.

* **Bàn về mối quan hệ: Mối quan hệ biện chứng, mật thiết với nhau:**

- Niềm tin là điểm tựa, là nền móng dẫn đến thành công.
- Thành công sẽ giúp con người có thêm niềm tin, động lực để làm việc lớn hơn, trọng đại hơn dẫn đến chiến công
- Để đạt được thành công có nhiều yếu tố, trong đó không thể thiếu được niềm tin.

3. Chứng minh: Lấy 2-3 tên tuổi có niềm tin chiến thắng và đã thành công để chứng minh.

4. Bàn luận:

- Phản biện:

+ Cần phân biệt niềm tin với sự tự phụ; niềm tin mù quáng mà bỏ ngoài tai sự góp ý của người khác.

+ Phê phán những kẻ nhút nhát, thiếu niềm tin trong công việc và cuộc sống.

- Liên hệ: lứa tuổi và thời đại để vạch ra kế hoạch xây dựng niềm tin cho bản thân.

KB: Niềm tin chiến thắng luôn là người bạn đồng hành của thành công và hạnh phúc.

Niềm tin sẽ giúp con người sống vui, sống bản lĩnh và sống hạnh phúc hơn bởi: Người bi quan để cơ hội chìm vào khó khăn, người lạc quan biến khó khăn.

Đề 10:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

BẮT SỐNG CON BÒ MỘNG Ở ĐẢO CRÉT

Từ đây trên đất Hy Lạp không còn gì để Eurysthée hành hạ Héraclès nữa. Bao ác thú, bao quái vật, Héraclès đã dẹp trừ xong. Eurysthée phải tìm ra những thử thách khác cho Héraclès. Và lần này vị vua hèn nhát ấy nghĩ tới đảo Crét. Hắn ra lệnh cho Héraclès phải sang đảo Crét bắt sống được con bò mộng hung dữ đang gây nhiều tai họa cho đời sống dân lành đem về Mycènes. Đây là một con bò thần, toàn thân trắng muốt như tuyết in, từ dưới biển hiện lên. Vua Minos, con của nàng Europe đón được con bò này. Nhẽ ra nhà vua phải thực hiện đúng lời cam kết với thần Poséidon, hiến dâng con bò cho thần như đã hứa: “Sẽ hiến dâng thần Poséidon những vật gì hiện lên trên mặt biển...” Nhưng Minos tham tâm, tiếc con bò đẹp liền đánh tráo và chọn một con bò khác cũng đẹp không kém hiến dâng thần. Biết chuyện đổi trắng thay đen này, thần Poséidon nổi giận, làm cho con bò lông trắng như tuyết in ấy hóa điên, mũi phun ra lửa, chạy lung tung làm đàn bò của Minos sợ hãi chạy tan tác. Con bò chạy khắp đảo, giầy xéo lên hoa màu, húc đổ nhà cửa, gây thiệt hại cho dân lành không biết bao nhiêu mà kể. Héraclès đến đảo Crét. Chàng đuổi bắt con vật chẳng phải khó khăn gì. Đôi tay của chàng nắm chặt lấy đôi sừng bò, ghì lại. Thế là nó phải chịu thuận phục. Trị được con bò, Héraclès bèn ngồi lên lưng nó bắt nó vượt biển đưa chàng về Péloponnèse. Và chàng cứ thế cưỡi bò về Mycènes trình diện trước nhà vua. Cũng như những lần trước, Eurysthée lại sợ để con bò thần này trong đàn bò của mình thì

có ngày sinh chuyện. Tốt hơn hết là đem hiến dâng nữ thần Héra. Nhưng nữ thần Héra có ý không muốn nhận một tặng phẩm do đứa con riêng của chồng mình (mà nàng vẫn căm ghét) đoạt được bằng chiến công hiển hách của nó. Vì thế, nàng đã thả con bò ra. Con bò được tự do liền chạy một mạch từ đất Argolide qua Corinthe tới sống ở miền đồng bằng Attique. Chính ở nơi đây, sau này, người anh hùng Thésée đã lập một chiến công nối tiếp chiến công của Héraclès, trừ khử con bò ngay trên cánh đồng Marathon để loại trừ một tai họa cho dân lành.

(Trích "Thần thoại Hy Lạp", Nguyễn Văn Khỏa biên soạn, NXB Văn hóa Thông tin, năm 2002)

Chú thích:

- Héraclès: Hay còn gọi là Hê-ra-clét. - Eurysthée: Hay còn gọi là vua Ô-ri-xtê.

- Héra: Hay còn gọi là Hê-ra

*** Trắc nghiệm: Anh/chị hãy chọn đáp án đúng nhất:**

Câu 1: Nhân vật chính trong văn bản là ai?

A. Vua Ô-ri-xtê B. Hê-ra C. Hê-ra-clét D. Thésée

Câu 2: Hành động Hê-ra-clét bắt bò mộng ở đảo Crét thuộc khoảng thời gian nào?

A. Thời gian quá khứ không xác định.

B. Thời gian Hê-ra-clét nộp mình làm nô lệ cho Ô-ri-xtê trong vòng 12 năm.

C. Thời gian Hê-ra-clét muốn đến đảo Crét để sinh sống, lập nghiệp.

D. Khoảng thời gian Hê-ra-clét vừa tham gia chiến tranh thành To-roa.

Câu 3: Đoạn trích trên thuộc thể loại thần thoại nào?

A. Thần thoại anh hùng

B. Thần thoại sáng tạo

C. Thần thoại suy nguyên

D. Cả ba đáp án A,B,C.

Câu 4: Trong văn bản trên có bao nhiêu hình ảnh so sánh?

A. 1

B. 2.

C. 3

D. 4

Câu 5: Chi tiết vua Ô-ri-xtê đã yêu cầu Hê-ra-clét "phải sang đảo Crét bắt sống được con bò mộng hung dữ đang gây nhiều tai họa cho đời sống dân lành đem về Mycènes" được hiểu đúng nhất là như thế nào?

A. Vua Ô-ri-xtê là một người anh minh, sáng suốt, thương yêu nhân dân.

B. Vua Ô-ri-xtê rất tin tưởng vào tài năng, sức mạnh và trí tuệ của Hê-ra-clét.

C. Vua Ô-ri-xtê muốn thử thách tài năng của Hê-ra-clét để dùng anh làm cận vệ mình.

D. Vua Ô-ri-xtê muốn đưa ra thử thách để đày ải Hê-ra-clét phải ném trái những cay đắng, nhọc nhằn.

Câu 6: Chi tiết "Chàng đuổi bắt con vật chẳng phải khó khăn gì. Đôi tay của chàng nắm chặt lấy đôi sừng bò, ghì lại" cho thấy được vẻ đẹp nào của Hê-ra-clét?

A. Thông minh

B. Mưu trí hơn người.

C. Dũng cảm, khỏe mạnh

D. Kiên trì, bền bỉ.

Câu 7: Quá trình Hê-ra-clét vượt qua thử thách, do vua Ô-ri-xtê đặt ra, là hành trình gian truân nhưng là một trong những bước đệm quan trọng để chàng hướng tới điều gì?

A. Danh tiếng vang động đến trời xanh.

B. Xứng đáng với vinh quang là con của đấng phụ vương Dớt.

C. Để các vị thần trên đỉnh Olympia sẽ giúp chàng cứu sống vợ con.

D. Để chàng hướng tới tự do, thoát khỏi cảnh đời nô lệ.

*** Tự luận: Anh/chị hãy trả lời các câu hỏi sau:**

Câu 8: Anh/chị hãy tìm một chi tiết kì ảo hoang đường có trong văn bản. Giải thích rõ ý nghĩa của chi tiết đó.

Câu 9: Anh/chị hãy nhận xét về hành động của thần Poséidon khi *"Biết chuyện đổi trắng thay đen này, thần Poséidon nổi giận, làm cho con bò lông trắng như tuyết in ấy hóa đen, mũi phun ra lửa, chạy lung tung làm đàn bò của Minos sợ hãi chạy tan tác. Con bò chạy khắp đảo, giày xéo lên hoa màu, húc đổ nhà cửa, gây thiệt hại cho dân lành không biết bao nhiêu mà kể"*. Từ đó, anh/chị hãy rút ra một bài học cho bản thân mình.

Câu 10: Hãy viết một đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày những cảm nhận của anh/chị về nhân vật Hê-ra-clét trong đoạn trích "Bắt sống con bò mộng ở trên đảo Crét".

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận xã hội bàn về mối quan hệ giữa nghịch cảnh với thành công.

Đề 11

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

TIỂU TRÙ ĐÀN ÁC ĐIỀU Ở HỒ XTANHPHAN

Héraclès nhận lệnh của Eurysthée lên đường tiểu trừ lũ ác điều ở hồ Stymphele ở vùng Arcadie. Lũ ác điều này làm tổ ở vùng quanh hồ nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Sở dĩ chúng nhiều như thế là do xưa kia chúng bị một đàn sói đuổi chạy dồn vào đây, và càng bị dồn đông vào một chỗ chúng lại càng sinh sôi nảy nở nhiều gấp bội. Đây là những con chim to lớn như đại bàng, mỏ và móng bằng đồng, sắc như dao. Chúng chẳng những ăn thịt bất cứ con vật nào, giống vật nào mà lại còn ăn thịt cả người. Vì lẽ đó không một người dân nào dám bén mảng đến đánh cá ở vùng hồ rộng mênh mông này. Đáng sợ nhất là bộ lông của chúng, bộ lông bằng đồng dài như những mũi tên. Chúng có thể phóng những chiếc lông sắc nhọn ấy từ trên trời cao xuống các con mồi ở dưới đất. Gia súc của nhân dân chần thả trên các đồng cỏ thường bị chúng ập đến giết chết rồi sà xuống ăn thịt hoặc tha về sào huyệt của chúng.

Héraclès cầu xin nữ thần Athéna giúp đỡ. Nữ thần bèn đến ngay xưởng rèn của vị thần Chân thọt-Héphaïstos, nhờ rèn cho Héraclès hai chiếc chiêng bằng đồng và bày cách cho Héraclès tiêu diệt chúng. Héraclès đem hai chiếc chiêng đồng tới vùng hồ Stymphele. Chàng khua chiêng âm vang, náo động khiến cho lũ chim hoảng hốt bay ra khỏi tổ. Nhưng lũ ác điều này đâu có phải là những con vật bình thường. Bay lên cao nhìn xuống thấy đối thủ của mình chỉ là một anh chàng đơn độc, chúng liền quây lại thành một vòng tròn lượn trên đầu Héraclès rồi phóng liên tiếp những mũi tên đồng, là lông chúng, xuống. Chàng Héraclès bình tĩnh ngồi xuống thu mình nấp vào trong hai chiếc chiêng lớn. Không một đòn nào của lũ ác điều làm xây xát được da thịt chàng. Cứ thế chàng chờ cho lũ chim phóng hết những chiếc lông quý báu đó đi, đến khi ấy chàng mới bắt đầu đánh trả. Chàng giương cung bắn những mũi tên tầm độc ác hiểm vào bầy chim. Chúng chết, rơi xuống lá tả như lá rụng. Những con sống sót, vô cùng hoảng sợ cắm đầu bay thẳng một mạch về phía mặt trời lặn,

đến trú ngụ ở biển Pont-Euxin. Từ đó trở đi người ta không thấy lũ ác điều bay trở về tổ cũ. Nhân dân lại đến đánh cá ở chiếc hồ rộng mênh mông và yêu quý của họ.

(Trích "Thần thoại Hy Lạp", Nguyễn Văn Khỏa biên soạn, NXB Văn hóa Thông tin, năm 2002)

Chú thích:

- Héraclès: Hay còn gọi là Hê-ra-clét.

- Athéna: Hay còn gọi là A-tê-na.

- Eurysthée: Hay còn gọi là vua O-ri-xtê.

*** Trắc nghiệm: Anh/chị hãy chọn đáp án đúng nhất:**

Câu 1: Nhân vật chính trong văn bản là ai?

A. Hê-ra-clét

B. A-tê-na

C. Vua O-ri-xtê

D. Thần Dớt

Câu 2: Hành động Hê-ra-clét tiêu trừ đàn ác điều thuộc khoảng thời gian nào?

A. Khoảng thời gian Hê-ra-clét vừa tham gia chiến tranh thành Tơ-roa.

B. Thời gian Hê-ra-clét nộp mình làm nô lệ cho O-ri-xtê trong vòng 12 năm.

C. Thời gian Hê-ra-clét muốn đến đảo Crét để sinh sống, lập nghiệp.

D. Thời gian quá khứ không xác định.

Câu 3: Đoạn trích trên thuộc thể loại thần thoại nào?

A. Thần thoại suy nguyên

B. Thần thoại sáng tạo

C. Thần thoại anh hùng

D. Cả ba đáp án A,B,C.

Câu 4: Trong đoạn văn đầu tiên của văn bản trên có bao nhiêu hình ảnh so sánh?

A. 1

B. 2.

C. 3

D. 4

Câu 5: O-ri-xtê đã yêu cầu Hê-ra-clét phải đi tiêu trừ đàn ác điều ở hồ Xtanhphan nhằm mục đích gì?

A. Vua O-ri-xtê muốn đưa ra thử thách để Hê-ra-clét phải đối diện với những khó khăn, hiểm nguy.

B. Vua O-ri-xtê muốn trả tự do cho Hê-ra-clét.

C. Vua O-ri-xtê muốn kiểm chứng tài năng và trí tuệ của Hê-ra-clét.

D. Vua O-ri-xtê muốn tôn vinh vẻ đẹp của Hê-ra-clét trước toàn thể nhân dân.

Câu 6: Chi tiết "Chàng Héraclès bình tĩnh ngồi xuống thu mình nấp vào trong hai chiếc chông lớn. Không một đòn nào của lũ ác điều làm xây xát được da thịt chàng. Cứ thế chàng chờ cho lũ chim phóng hết những chiếc lông quý báu đó đi, đến khi ấy chàng mới bắt đầu đánh trả" cho thấy được vẻ đẹp nào của Hê-ra-clét?

A. Giàu lòng yêu thương con người.

B. Thông minh, mưu trí.

C. Cẩn thận và dũng cảm.

D. Khỏe mạnh và kiên trì.

Câu 7: Vì sao nữ thần A-tê-na luôn giúp đỡ Hê-ra-clét trong lúc khó khăn, gian khổ?

A. Vì nữ thần thích những người đẹp trai, khỏe mạnh và dũng cảm.

B. Vì Hê-ra-clét là con của đấng phụ vương Dớt.

C. Vì Hê-ra-clét là một người anh hùng đại diện cho chính nghĩa.

D. Vì nữ thần trót làm Hê-ra-clét bị điên nên chàng đã giết vợ và con.

*** Tự luận: Anh/chị hãy trả lời các câu hỏi sau:**

Câu 8: "Đáng sợ nhất là bộ lông của chúng, bộ lông bằng đồng dài như những mũi tên", chi tiết này có ý nghĩa như thế nào?

Câu 9: Hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất sau khi đọc văn bản "Tiêu trừ đàn ác điều ở hồ Xtanhphan". Vì sao anh/chị lựa chọn bài học đó?

Câu 10: Hãy viết một đoạn văn khoảng 6-8 câu, trình bày những cảm nhận của anh/chị về nhân vật Hê-ra-clét trong đoạn trích "*Tiểu trù đàn ác diệu ở hồ Xtanhphan*".

PHẦN HAI. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận xã hội bàn về những tấm gương sáng tạo trong cuộc sống xưa nay.

Gợi ý trả lời:

MB: - Dẫn dắt

- **VĐNL:** Những tấm gương sáng tạo

TB:

1. Khái quát về những tấm gương sáng tạo:

- Kể tên một vài tấm gương sáng tạo....
- Khái quát đặc điểm chung của các tấm gương này:
 - + Say mê, khao khát vươn lên.
 - + Luôn không chấp nhận dậm chân tại chỗ, cố gắng vươn lên tìm cái mới.
 - + Họ luôn đi tiên phong trong mọi lĩnh vực.
 - + Họ có nguồn năng lượng dồi dào.

2. Khái niệm: Tấm gương sáng tạo là: Những người sáng tạo chính là khả năng tạo ra những điều mới, hiệu quả và tiên tiến hơn những gì đã có. Người mang trong mình khả năng sáng tạo luôn không ngừng nỗ lực, tìm tòi để cải tiến phương thức lao động hay tạo nên những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, giàu giá trị.

3. Phân tích vai trò, ý nghĩa của các tấm gương sáng tạo:

- Sáng tạo là yếu tố quyết định trực tiếp tới thành công của con người thời nay.
- Cuộc sống hiện đại luôn biến đổi không ngừng, đòi hỏi con người phải thích ứng, thay đổi.
- Nếu cứ mãi neo mình theo lối mòn đã cũ, chẳng những đánh mất cơ hội của bản thân mà ta còn kéo lùi sự phát triển của văn minh nhân loại.

4. Lấy dẫn chứng chứng minh:

- Thử hỏi, không có sáng tạo, liệu những con người như Edison, Picasso, Mark Zuckerberg... có ghi được tên tuổi mình vào lịch sử nhân loại; chúng ta có có được những kiệt tác nghệ thuật để chiêm ngưỡng, những đồ vật, ứng dụng tiện ích để sử dụng hay không?

5. Bàn luận và liên hệ:

- Hiện nay vẫn còn đâu đó trong xã hội có những kẻ thụ động, lười suy nghĩ, thích hưởng thụ, họ đang dần trở thành gánh nặng cho xã hội. Chính vì vậy, giới trẻ ngày nay cần nghiêm túc học tập và làm việc, đánh thức khả năng sáng tạo bằng những suy nghĩ, hành động cụ thể.

KB: - Khẳng định lại tầm quan trọng của các tấm gương sáng tạo.

- Mở rộng và nâng cao.

II. TRUYỆN HIỆN ĐẠI

1. ĐỀ 1.

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CỦ KHOAI NƯỚNG

Sau trận mưa rào, vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lạnh lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mãi miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn không lò" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mập, tua tua hướng lên trời,.... Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đồng canh khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào Cậu nhớ người bà đã mất kể rằng, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát cảnh đói và sau đó làm nên sự nghiệp. ...

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm yếu ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. ... Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút thuốc đã cháu. Ông lão lần túi lấy gói thuốc lòn. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc túi nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Đường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phoir ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mừng rỡ giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Truyện Củ khoai nướng thuộc thể loại nào?

- A. Truyện ngắn
B. Truyện cổ tích
C. Truyện đồng thoại
D. Truyện truyền thuyết

Câu 2. Ai là người kể chuyện?

- A. Cậu bé Mạnh
C. Một người khác không xuất hiện trong truyện
- B. Ông lão ăn mày
D. Cậu bé ăn mày

Câu 3. Đây là thành phần trạng ngữ trong câu “Sau trận mưa rào, vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.”?

- A. Sau trận mưa rào
C. Rửa sạch
- B. Vòm trời
D. Xanh và cao hơn

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

- A. Lòng dũng cảm
B. Tinh thần lạc quan
C. Tinh thần đoàn kết
D. Lòng yêu thương con người

Câu 5. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu “Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này.”?

- A. So sánh B. Nhân hóa C. Nói quá D. Nói giảm nói tránh

Câu 6: Xác định thành phần chính được mở rộng trong câu: “Ông già ốm yếu ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng.”

- A. Chủ ngữ B. Vị Ngữ C.Trạng ngữ D. Cả chủ ngữ và vị ngữ

Câu 7: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu câu “*Cậu nhớ người bà đã mất kể rằng, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát cảnh đói và sau đó làm nên sự nghiệp.*”

- A. So sánh B. Điệp ngữ C. Đảo ngữ D. Nói giảm nói tránh

Câu 8. Vì sao cậu bé Mạnh lại có “cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?

- A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày. B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.
C. Vì được thưởng thức món ăn ngon. D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em sẽ cư xử như thế nào, vì sao?

Câu 10. Bày tỏ cảm giác của em sau khi mình giúp đỡ được một ai đó?

Đề 2. Đọc truyện ngắn "Tên cớm và bản thánh ca" của Ô - Hen - ri và trả lời các câu hỏi bên dưới:

TÊN CỐM VÀ BẢN THÁNH CA

Soapy xoay trở một cách khó chịu trên băng ghế trong công viên Madison Square. Khi những đàn ngỗng trời cất tiếng kêu về đêm, khi các bà chưa có áo da hải cẩu trở nên ngọt ngào với đức ông chồng, và khi Soapy cử động một cách khó chịu trên chiếc ghế băng trong công viên, bạn hẳn biết là mùa đông đã về.

Một chiếc lá vàng rơi vào lòng Soapy. Đây là danh thiếp của Ông Tướng Mùa Đông. Ông tử tế đối với tất cả cư dân của quảng trường Madison, và đều thông báo trước mỗi khi ông sắp về thành phố. Tâm trí Soapy nhận ra rằng đã đến lúc phải quyết định tìm cách trốn tránh thời tiết khắc nghiệt đang chờ đón trước mặt. Vì thế mà y cử động khó chịu trên băng ghế.

Tham vọng về một kì nghỉ đông của Soapy không cao lắm. Y không nghĩ đến chuyến đi Địa Trung Hải, hoặc Vịnh Vesuve. Đi Đảo (tức là khám, nhà lao) trong 3 tháng là tất cả những gì y muốn. Ba tháng trên Đảo với ngày ba bữa ăn, có giường gối và bạn bè, lại được an toàn không bị mùa đông và cảnh sát phiền hà, đối với Soapy, dường như đây là nhu cầu cốt yếu y mong muốn.

Tổ chức từ thiện Blackwell cung cấp cho Soapy nơi ăn ở trong những mùa đông qua. Cũng như đồng bào New York may mắn hơn của Soapy mỗi khi mùa đông về đi Palm Beach và Riviera, Soapy có những chuẩn bị khiêm tốn hơn để đi trú đông trên Đảo. Và bây giờ đã đến lúc.

Đêm trước Soapy đã dùng 3 tờ báo để lót trong chiếc áo vét, quần quanh gót chân và quanh bụng, nhưng vẫn không đủ để xua đuổi giá lạnh khi y nằm ngủ trên băng ghế gần vòi phun nước. y khinh bỉ nghĩ đến những tiện nghi cung cấp dưới danh nghĩa từ thiện dành cho dân bản cùng.

Trong tâm tư của Soapy, Pháp Luật hiền lành hơn Từ Thiện. Không thiếu gì các cơ quan, cả của thành phố và từ thiện, có thể cung ứng chỗ ăn ở theo tiêu chuẩn đời sống giản đơn. Nhưng đối với tinh thần hãnh diện của Soapy, những món quà từ thiện là cả một gánh nặng. Nếu bạn không thể trả bằng tiền, bạn phải trả bằng nỗi nhục nhã cho từng món quà nhận từ tay của từ thiện. Mỗi mẫu bánh mì đi kèm với hi sinh do bị hạch hỏi về đời tư và cá nhân. Vì thế, tốt hơn là làm khách mời của pháp luật vốn không chen lấn vào những việc cá nhân của thiên hạ, tuy họ vẫn phải làm việc theo nguyên tắc.

Sau khi đã quyết định đi đến Đảo, lập tức Soapy bắt đầu thực hiện. Có nhiều cách dễ dàng để đạt được việc này. Cách dễ chịu nhất là ăn một bữa no say trong một nhà hàng sang trọng nhất, rồi tuyên bố phá sản, được êm thấm giao cho một tên cảnh sát. Một Thẩm phán có tinh thần cộng tác sẽ lo mọi việc tiếp theo đây.

Soapy rời khỏi ghế, lững thững ra khỏi công viên và đi xuyên qua vùng biển trắng nhưa, nơi Phố Broadway và Đại lộ số 5 chảy với nhau. Y rẽ lên Broadway, dừng lại trước một nhà hàng lộng lẫy.

Y cảm thấy tự tin với những gì y có từ chiếc cúc cuối của cánh áo vét trở lên. Y đã cạo râu, mặc áo vét trông chỉnh tề và thất cả vạt màu đen lịch sự mà một bà truyền giáo đã tặng y nhân dịp Lễ Tạ Ơn. nếu y có thể đi đến một cái bàn trong nhà hàng mà không ai nghi ngờ thì xem như đó là một thành công.

Phần trang phục của y trưng bày phía trên mặt bàn sẽ không làm anh hầu bàn nào nghi ngờ cả. Soapy nghĩ đến một con vịt quay, một chai rượu vang Chablis, và rồi một miếng pho-mát Camembert, một tách cà phê, và một điệu xì gà. Một đô la cho một điệu cũng đủ. Giá tổng cộng không quá cao khiến chủ nhà hàng tìm cách trả hận, mà vừa đủ cho y no say hạnh phúc trên hành trình đến khu trú đông.

Nhưng khi Soapy vừa đặt chân vào nhà hàng, con mắt của người quản lí đã nhìn xuống cái quần tả tơi và đôi giày khôn khổ. Những cánh tay mạnh mẽ và sẵn

sàng hành động xoay người y lại rồi trong im lặng và vội vàng, lôi y ra hè phố để tránh đi số phận không mấy cao quý của con vịt.

Soapy quay đi khỏi phố Broadway. Xem chừng đường đi đến hòn đảo cao giá không mấy được vui thú. Cần phải nghĩ đến cách khác.

Đến một góc đường của Đại lộ số 6, những ánh đèn điện và những món trưng bày khiến cửa kính của một hiệu buôn trở nên nổi bật. Soapy nhặt lấy một hòn đá ném qua khung kính. Nhiều người chạy đến, dẫn đầu là một cảnh sát. Soapy đứng bất động, cho hai tay vào túi quần, mỉm cười khi thấy những hàng cúc áo bằng đồng.

Người cảnh sát hỏi, giọng đầy phấn khích:

- Kẻ gây ra việc này chạy đâu rồi?

- Sao ông không nghĩ là tôi có thể dính dáng đến việc ấy...

Soapy nói không có vẻ mỉa mai, mà thân mật như người đang mong chờ vận may. Đầu óc anh cảnh sát không muốn nghe ngay cả câu gợi ý. Những người đã phá vỡ cửa kính không đòi nào đứng đây để đánh đổ nhân viên công quyền. Họ phải chuồn cho nhanh. Anh cảnh sát nhìn thấy một người đàn ông cách đây chừng nửa khu phố đang chạy đuổi theo một chiếc xe buýt. Anh rút dùi cui ra, tham gia vào cuộc rượt đuổi. Cảm thấy đầy khinh miệt vì hai lần thất bại, Soapy lại đi tiếp.

Một nhà hàng nằm bên kia đường, không có vẻ quá sang trọng. Khách ăn đều có bụng rỗng không và túi tiền khiêm tốn. Muỗng nữa và không khí của nhà hàng thì đầy, súp và khăn lau lại mỏng. Soapy mang theo đôi giày và cái quần để tố cáo đi vào mà không bị ai ngăn cản. Y tiêu thụ món bít tết và các món bánh trái này nọ. Với người hầu bàn, y làm ra vẻ tiền bạc và y là hai kẻ xa lạ nhau.

Bây giờ đi gọi cảnh sát đi, và đừng để khách phong lưu đợi lâu. Với giọng như bánh bơ và con mắt như quả anh đào, anh hầu bàn nói:

Không cần có cảnh sát cho anh. Đây, anh Con, đến đây.

Hai anh hầu bàn ném Soapy xuống hè đường. Y đứng dậy theo từng đốt xương, phủi bụi khỏi quần áo. Việc bị bắt giam xem như chỉ là một giấc mơ hồng. Con đường đến Đảo dương như quá xa. Một người cảnh sát đứng trước cửa một hiệu thuốc gần đây phá lên cười rồi đi dọc xuống phố.

Soapy đi tiếp năm dãy phố, rồi thu lại can đảm để khuyến dụ lần nữa việc bắt giam. Lần này thì cơ hội mà y thấy xem ra với y chỉ là chuyện nhỏ?. Một cô gái với trang phục khiêm tốn và dễ nhìn đang đứng trước một khung kính, nhìn một cách lơ đãng vào khu trưng bày các lọ kem cạo râu và nghiên mực. Đứng gần đây là một cảnh sát cao lớn với dáng vẻ nghiêm nghị.

Phong thái thanh lịch của nạn nhân của y và thêm một cảnh sát chăm chỉ kề bên khiến Soapy cảm thấy phấn khởi nghĩ là chẳng mấy chốc y sẽ được tóm cổ một cách dễ chịu chính thức để bảo đảm cho y một khu nghỉ mùa đông trên một hòn đảo nho nhỏ và chật chội.

Soapy chỉnh chiếc cà vạt do bà truyền giáo tặng, kéo cúc tay áo xuống cho lộ ra ngoài, sửa chiếc mũ chéo xuống thành một kiểu dễ làm chết người, rồi lướt đến cô gái. Y nháu mắt với cô, được nhận những tiếng hắng giọng và tiếng ho, mỉm cười, rồi cười đồng loã, rồi bắt đầu loạt trượt trên và ngổ ngáo của một anh mày râu nhẵn nhụi...

Dọc khoé mắt, Soapy thấy anh cảnh sát đang nhìn y chăm chú. Cô gái lùi ra xa vài bước rồi lại ngắm mấy lọ kem cạo râu. Soapy tiến theo, mạnh dạn bước đến bên cô, nhắc mũ ra và nói:

- A, Bedelia đây hử? Em muốn đi với anh đến chơi ở vườn hoa không?

Anh cảnh sát vẫn đang nhìn họ. Cô gái đang bị quây chỉ cần khảy một ngón tay là Soapy sẽ cất bước đến thiên đường hải đảo của y. Chưa gì mà y đã tưởng tượng ra không khí ấm cúng của cái bót cảnh sát. Cô gái quay lại, đưa tay ra nắm lấy tay áo của y. Cô vui vẻ:

- Được chứ, Mike, nếu anh bao em một châu bia. Đáng lẽ em bắt chuyện với anh sớm hơn nhưng tên cớm đang nhóm gó.

Với cô gái bám chặt lấy y như con trăn gió, Soapy nảo nề đi ngang qua anh cảnh sát. Đường như y đã bị số phận bắt hạnh phải được tự do.

Đi đến góc đường kế tiếp, Soapy dứt ra khỏi cô gái và ù té chạy.

Y dừng lại trong một quận với con đường sáng sủa nhất, với những con tim, những hẻm hỏ, và những ca cầm. Phụ nữ trong áo lông thú và nam giới trong áo choàng dây cộm tung tăng đi lại trong khí đông. Bỗng dưng Soapy tràn ngập nỗi sợ hãi là niềm vui thú đáng ngán đã khiến cho y khó bị bắt giữ. Ý tưởng này khiến y hốt hoảng một tí, và khi y đi đến một người cảnh sát khác đang thơ thẩn đường bệ trước một nhà hát lộng lẫy, y đánh liều chộp lấy tội phá rối trật tự đường phố?

Thế là Soapy bắt đầu lấy hết gân cổ la hét như một tên bợm say xỉn. Y nhảy nhót, tru rống, lè nhè, cố làm mọi cách để làm rối loạn thiên đường của những người khác. Người cảnh sát quay vòng cây dùi cui, nhìn Soapy rồi nói với mọi người chung quanh:

- Đây là một trong mấy sinh viên Đại học Yale đang ăn mừng kết quả trận họ thắng đậm trường Hartford. ồn ào nhưng vô hại. Chúng tôi được chỉ thị để yên cho họ.

Nản chí, Soapy ngừng ngay trò cuồng tín thể thao. Chẳng nhẽ cảnh sát không bao giờ muốn động đến y sao? Trong tưởng tượng của y, hòn Đảo như là một cõi thần tiên không ai vào được. Y cài lại cúc áo ngoài để chống lại cơn gió lạnh lẽo.

Y thấy một người đàn ông ăn mặc sang trọng trong một hiệu xì-gà. Cây dù của ông ta dựng gần cửa. Soapy đi vào, cầm lấy cây dù rồi thông thả đi ra. Người đàn ông vội chạy theo. Ông ta gằn giọng:

- Cây dù của tôi.

Soapy khịt mũi, thêm phần nhục mạ vào tội chiếm đoạt tài sản công dân:

- Thế à? Tại sao ông không gọi cảnh sát đi? Tôi cướp nó đấy. Cây dù của ông đấy. Gọi cảnh sát đi chứ! Có một ông ở góc phố kia.

Người đàn ông chậm bước lại. Soapy cũng chậm bước, với linh tính là lần nữa anh không được vận may. Ông cảnh sát tò mò nhìn hai người.

Chủ nhân cây dù nói:

- Đây là...là, anh biết chứ, nhầm lẫn thường xảy ra? nếu đây là cây dù của anh, xin anh bỏ qua cho? Tôi nhặt được nó trong một hiệu ăn...Nếu anh nhận ra nó..., xin anh..

Soapy nói giọng dữ dằn:

- Dĩ nhiên là của tôi.

Cụu chủ nhân cây dù lui bước. ông cảnh sát vội đi đến một phụ nữ tóc vàng mặc áo dự hoà nhạc, để giúp cô băng qua đường trước một xe điện cách đấy hai khu phố.

Soapy đi về khu đông, qua một con đường bị hư hỏng do công trình tu sửa. Y ném cây dù một cách giận dữ vào một cái hồ mới đào. Y cầu nhàu trách móc những người mặc đồng phục và cúi đầu. Trong khi y muốn họ tóm y, dường như họ lại xem y như một ông vua không thể phạm tội gì cả.

Cuối cùng Soapy đi đến một trong những con đường khu đông, nơi không mấy sáng sủa ồn ào. Y đi về phía Quảng trường Madison, vì bản năng trở về nhà vẫn tồn tại dù nhà chỉ là một chiếc ghế công viên.

Nhưng khi đến góc đường vắng lặng một cách kì lạ thường, Soapy dừng hẳn lại. Ở đây có một ngôi nhà thờ cổ kính, thoáng đãng. Một tia sáng dịu toả ra qua một khung kính cửa nhuộm tím. Chắc hẳn trong đây có một nhạc sĩ oóc-gan đang lướt trên những phím đàn để duyệt cho buổi lễ sắp đến.

Vì từ trong đây thoảng vọng đến tai Soapy một giai điệu thánh ca ngọt ngào. Tiếng nhạc thu hút y mê mẩn, khiến y dán chặt người vào bức rào sắt cong queo.

Vàng trắng đang ở trên cao, vắng vắng, êm đềm, xe cộ và người qua lại thưa thớt, chim sẻ ríu rít điệu ngái ngủ dưới mái nhà thờ - trong một khoảnh khắc, khung cảnh như là sân vườn sau của một nhà thờ miền quê. Và âm điệu giáo đường đô khuôn bề tông Soapy lên bức rào sắt, vì y đã quen thuộc nó trong những ngày cuộc đời y còn có những thứ như tình mẹ và hoa hồng và cao vọng bạn bè, cùng tư tưởng và cổ áo chỉnh tề.

Sự cộng hưởng của một tâm tư dễ đón nhận và những ảnh hưởng của Ngôi nhà thờ cổ kính thành linh tạo ra một thay đổi tuyệt vời trong tâm hồn Soapy.

Soapy hải hùng nhìn thấy cái hồ sâu vực thăm mà anh đã rơi xuống. Anh nhìn ra mọi thứ đã làm nên cuộc sống của anh: những ngày tháng hạ cấp, những ham muốn vô nghĩa, những hy vọng tắt ngấm, những năng khiếu đồ võ, những thúc đẩy thấp hèn.

Và cũng trong một khoảnh khắc, con tim anh đáp ứng lại niềm cảm hứng mới mẻ ấy. Một thúc đẩy bất chợt, mạnh mẽ thúc giục anh phải phấn đấu chống lại số phận vô vọng của mình. Anh sẽ tự kéo mình khỏi vũng lầy, anh sẽ trở lại là con người của chính mình, anh sẽ khắc phục con quỷ dữ đã nhập vào người anh.

Còn có thời gian, anh còn tương đối trẻ, anh sẽ khơi lại những cao vọng và theo đuổi chúng không mệt mỏi.

Những âm điệu thánh ca nghiêm trang nhưng ngọt ngào đã dấy lên trong anh một cuộc cách mạng.

Ngày mai, anh sẽ đi đến trung tâm thành phố để tìm việc làm. Một nhà nhập khẩu lông thú đã có lần ngỏ ý cho anh một công chân lái xe. Anh sẽ đi tìm ông ta và xin nhận việc ấy. Anh sẽ trở thành một con người nào đấy trên thế gian. Anh sẽ?

Soapy có cảm giác có một bàn tay đặt lên trên cánh tay mình. Anh thoát quay lại, nhìn vào một gương mặt rộng của một tên cảnh sát. Y hỏi:

- Anh đang làm gì ở đây?
- Không làm gì cả.
- Đi theo tôi.

Sáng hôm sau, một vị thẩm phán tại toà án cảnh sát nói với anh: 3 tháng trên Đảo.

-----Hết-----

- **Tác giả:** William Sydney Porter (11 tháng 9 năm 1862 - 5 tháng 6 năm 1910), được biết đến nhiều hơn với bút danh O. Henry, là một nhà văn người Mỹ được biết đến chủ yếu với các truyện ngắn của mình, mặc dù ông cũng viết thơ và phi hư cấu. Các tác phẩm của ông bao gồm " Món quà của pháp sư ", " Sự trùng lặp của Hargraves ", và " Giá chuộc của Red Chief ", cũng như tiểu thuyết Cabbages and Kings. Những câu chuyện của Porter được biết đến với những quan sát theo chủ nghĩa tự nhiên, cách kể dí dỏm và kết thúc bất ngờ.

Di sản của Porter bao gồm Giải thưởng O. Henry, giải thưởng hàng năm được trao cho những truyện ngắn xuất sắc.

-

ĐỀ SỐ 3

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

SỢI TÓC

Anh Thành nhồm dậy, nghiêng mình chống khuỷu tay xuống giường rồi bắt đầu nói với một giọng trầm và thông thả khiến người nghe hiểu được hết các ý tứ của câu chuyện:

(Lược một đoạn: Anh Thành giới thiệu về Bà là người rất giàu nhưng ngốc; Thành nhận mình là sành sỏi, thạo đời nhất là thạo các ngón ăn chơi. Bà rủ Thành đi mua đồng hồ hiệu, Thành chê Bà keo kiệt, không biết chơi đồ xịn. Anh Thành và Bà đi đến Hàng Ngang mua đồng hồ, Bà rủ bạn đi ăn. Bà vui vẻ vì mua được đồng hồ rẻ, anh Thành tò mò không biết tại sao Bà ngốc mà lại nhiều tiền thế. Hai người ăn uống vui vẻ, ăn xong Bà rủ bạn đi hát ở Vạn Thái nhà cô nhân tình của hẳn. Bà cầm nhầm áo của Thành vào để đầu giường, còn áo của hẳn thì để ngoài)

Một mình tôi ở ngoài đêm chán. Nằm một lát rồi tôi cũng đứng dậy sửa soạn ra về; Bà vẫn ở trong màn, nói vọng ra giữ lại:

- Anh hãy ở chơi đã, về làm gì vội. Ngày mai Chủ nhật cơ mà.
- Thôi, tôi phải về. Sáng mai còn có việc.

Vừa nói tôi vừa với cái áo tây của tôi treo trên mắc. Bỗng nhiên có cái gì chuyển mạnh qua tim: tay tôi yên hẳn lại; tôi vừa mới nhận ra rằng cái áo tôi đang cầm không phải là áo của tôi. Thì ra lúc mang áo vào giường nằm, Bà đã mang nhầm áo. Hai chúng tôi cùng mặc thứ hàng len giống màu, như vậy dễ lẫn lộn. Tôi ghé nhìn vào phía trong áo thấy cái ví tiền ở túi thò ra ngoài một ít. Cái ví tiền... mấy tờ giấy bạc...

- Ở chơi đã anh. Ở chơi sáng sớm mai về với tôi một thể.
- Ờ... ờ...

Tôi điềm nhiên treo cái áo vào chỗ cũ, quay ra. Mấy chị em cũng phụ họa vào lời mời của Bà, nài nỉ:

- Tội gì mà về bây giờ anh, khuya và lạnh chết.

Tôi chỉ thoáng nghe thấy, trong trí như còn bận sự gì. Bâng khuâng tôi lại gần giường; một chị nâng chén mời:

[...]

- Không... thể nào tôi cũng phải về, anh ạ...

Những lời đối đáp ấy cứ tự nhiên buột miệng ra, tôi không để ý đến. Trước mắt tôi, mấy tờ giấy bạc một trăm gấp trong ngăn ví, hiện ra rất rõ rệt. Lấy mấy tờ, độ hai

tờ - tại sao lại hai? Tôi không biết - thật dễ dàng quá. Tôi cứ việc điềm nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ, rồi khoác áo ở trên vai, ra ý sắp sửa về. Rồi chọn lúc mọi người vô ý - mà dẫu có ý cũng không ai biết được - tôi đổi lấy áo của tôi vắt ở đầu giường Bân... Thế là xong, và gọn. Mai dậy Bân biết mất chắc chẳng bao giờ dám nghi ngờ cho tôi. Mà nghi ngờ thế nào được?

(Lược một đoạn: Thành suy nghĩ và định về từ nửa đêm, chắc không ai nghi ngờ anh lấy tiền của Bân, Bân sẽ nghi ngờ cho nhân tình hăn lấy. Thành thấy Bân ngốc khi mang nhiều tiền trong ví để làm gì?)

Tôi thấy trước bộ mặt ngạc nhiên của tôi lúc bấy giờ - một vẻ mặt rất tự nhiên, - và tôi hỏi: "Chết chưa, mất bao giờ? Ở đâu?" - Hăn sẽ thuật lại buổi tối hôm nay, lúc mang áo vào giường, đến lúc thấy mất: "Chỉ có con nhân tình tôi nó lấy thôi, anh ạ. Chả còn ai vào đấy nữa..."

- Thế giấy bạc của anh có biên số không?

Nếu hăn không biên số thì mình cứ việc tiêu tự nhiên! Vạn nhất hăn có biên số rồi, thì bảo hăn đi trình cảnh. Nhưng mình sẽ tiêu ngay hôm ấy... Một người như mình cầm tờ giấy trăm vào Gô Đa mua hàng, ai dám nghi ngờ?...

Tôi nhớ lúc ấy tuy vẫn nói chuyện với mấy cô em, tôi xếp đặt đầu vào đấy rất chu đáo, phòng ngừa đủ mọi việc xảy ra. Chỉ còn việc lấy, và đổi áo nữa là xong. Rất dễ.

- Ấy kìa, anh đi đâu đấy?

- Tôi đi về đây, mai có việc bận, không thể ở lại được.

Tôi đã nhòem dậy đến bên mắc, với áo, chiếc áo của Bân. Qua làn vải tôi thấy chiếc ví kênh kênh rần rần. Khoác áo lên một bên vai, tôi đi lại trong nhà, bồn chồn nóng ruột. Một cô đầu lê guốc ra hé cửa, nhìn ra ngoài trời:

- Tối lắm. Phải vạ gì mà đi bây giờ anh ạ.

- Đầu xem nào...

Tôi cũng đến bên cửa nghiêng nhìn ra ngoài. Tay tôi đưa vào trong áo, luồn vào khe ví, sờ vào mấy tấm giấy bạc. Tôi rùng mình. Mấy ngón tay mân mê đầu tấm giấy, một cái, hai cái...

- Thôi, vào không gió, anh ạ. Vào nằm cho ấm...

[...]

Bân nói câu gì sau, tôi cũng không nghe thấy. Tâm hồn tôi lúc bấy giờ thế nào, tôi không biết rõ. Tôi đứng lên, ngồi xuống, như một cái máy. Tôi chỉ bắn khoăn, bút rút, và thời giờ qua... tôi cảm thấy đi qua tâm hồn tôi từ bên này sang bên kia... như thế không biết trong bao nhiêu lâu... Tôi khẽ thở dài, đứng lên lần này thì nhất định.

- Về thôi. Không mai đi sớm lại nhọc chết.

Bân hỏi vọng ra:

- Ồ, anh về à? Mấy giờ rồi đấy nhỉ?

- Gần một giờ rồi. Anh cứ ở đây. Cả mấy cô này nữa, đi ngủ đi cho béo mắt. Bận sau tôi ở lâu nhé.

Tôi đưa tay vuốt mái tóc một cô sát đến gần, hai tay để lên vai tôi, mắt nhìn ra vẻ âu yếm. Hai cô khác ngồi yên trên giường, cũng đưa mắt nhìn tôi như chờ đợi.

- Thôi đi ngủ đi.

Tôi gạt tay cô ấy ra, gấp cái áo tây trên cánh tay, rồi đi vào phía giường Bân nằm. Tôi cúi xuống, tì vào thành giường - cố ý tì vào chỗ vắt cái áo - nhìn vào trong, qua màn.

- Anh ở lại nhé - tôi mỉm cười - tri kỷ hết đêm nay cho nó sướng...
Cô nhân tình khúc khích trong chăn. Và Bân ngửa đầu trông lên, tay vói vào tấm màn:

- Mai nhé.
- Oui, à demain.

Nhưng tôi chưa quay ra. Tôi vẫn cứ tì mình trên thành giường, lưỡng lự, một lát bấy giờ sao lâu thế. Rồi, không biết tại sao, bỗng nhiên:

- Áo anh đây này, đây là áo của tôi.
- Và nói thêm bằng tiếng Pháp:
- Anh đêm lại tiền đi. Và để cẩn thận vào trong ấy.
- Bân nhòm nửa người dậy, cầm lấy áo:
- Merci, được rồi.

Tôi bước một bước lùi ra. Thế là hết. Bấy giờ thì không sao đựng đến ví được nữa. Tôi bần thần ngơ ngẩn, mặc lấy chiếc áo của tôi, và đội mũ... Vừa gài khuy, tôi vừa nói mấy câu bông đùa vô vị với cô ả đứng ở chân giường sắp tiễn tôi về. Tôi chùng chình uống nước và hút thuốc, muốn cái thời khắc này cứ kéo dài ra mãi.

Đến khi ngồi trên xe về qua những phố khuya vắng vẻ, tâm trí tôi mới dần bình tĩnh lại. Gió lạnh thổi mát trên vùng trán nóng, và cái cảm giác mát ấy khiến tôi dễ chịu. Tôi nghĩ lại đến những cử chỉ và dự định của tôi lúc này, thật vừa như một người khôn khéo lại như một người mất hồn. Tất cả những cái đó bấy giờ xa quá. Tâm trí tôi giãn ra, như một cây tre uốn cong trở lại cái thẳng thắn lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thẳm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cấm dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cấm dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngấm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.

(Lược một đoạn: Sáng hôm sau tỉnh dậy ở nhà, tôi ngẩn ngơ nghĩ lại các việc tối hôm trước, y như trong một giấc mộng, chứ không phải việc đã xảy ra... Tôi ngạc nhiên tự hỏi sao mình hãy còn là người lương thiện, không phải là kẻ ăn cắp.)

Chúng tôi đều yên lặng. Anh Thành nói xong, với cái điệu hút một hơi thuốc lào rất kêu. Rồi anh thờ ra thông thả, mắt lơ mơ nhìn dõi theo làn khói đi.

-----HẾT-----

- Thạch Lam (1910-1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh sau đổi thành Nguyễn Tường Lân, là một thành viên của nhóm Tự Lực văn đoàn. Văn của Thạch Lam thường không có cốt truyện, mỗi tác phẩm như một bài thơ trữ tình đượm buồn nhưng lại gieo vào lòng người đọc những bận bịu. Đọc xong cứ phải nghĩ.

- Văn bản "Sợi tóc" được in trong tập truyện cùng tên (1942) tập truyện mang đúng phong vị Thạch Lam, dễ khiến độc giả bút đứt, trăn trở.

*** Trắc nghiệm: Học sinh chọn phương án đúng nhất cho các câu từ 1 đến 6.**

Câu 1. Thời gian trong câu chuyện được nhân vật Thành kể lại là:

- A. Quá khứ, chung chung, không xác định.
- B. Từ sáng hôm trước đến tối hôm sau.
- C. Vào một đêm muộn không xác định cụ thể
- D. Vào từ chiều đến đêm muộn ngày thứ Bảy

Câu 2. Không gian trong câu chuyện được nhân vật Thành kể lại (sau khi hai người đi mua đồng hồ và đi ăn) diễn ra chủ yếu ở đâu?

A. Không gian trong phòng nhà tình nhân của Thành B. Không gian gió khuya lạnh lẽo.

C. Không gian trong phòng nhà nhân tình của Bân. D. Không gian phố phường Hà Nội.

Câu 3. Người kể chuyện trong truyện ngắn "Sợi tóc" là ai?

A. Nhân vật Thành

B. Nhân vật Bân

C. Nhân vật xưng chúng tôi ở cuối truyện

D. Tác giả

Câu 4. Nhân vật Thành đã đấu tranh rất quyết liệt để đi đến quyết định không lấy tiền của Bân là do đâu?

A. Do anh đã chiến thắng được chính bản thân mình. B. Do anh sợ Bân sẽ phát hiện ra.

C. Do Bân là bạn thân của anh.

D. Do anh sợ Bân sẽ đòi cho nhân tình của hắn

Câu 5. Chủ đề của truyện ngắn "Sợi tóc" của Thạch Lam là:

A. Phê phán con người sống tham lam, ích kỉ, gian dối và khuyên con người ta nên sống có đạo đức.

B. Phê phán những kẻ sống keo kiệt có tiền mà không biết hưởng thụ.

C. Đối với bạn thân của mình thì không nên ăn trộm đồ của bạn, nếu thấy bạn cầm nhầm thì nên trả lại cho bạn.

D. Ranh giới giữa thiện và ác mong manh như một sợi tóc vì thế con người phải biết đấu tranh chống lại sự ích kỉ, tham lam, gian dối.

Câu 6. Trong truyện tác giả đã miêu tả rất tinh tế diễn biến nội tâm nhân vật qua hình thức độc thoại nội tâm. Anh/chị liên tưởng đến văn bản nào cũng sử dụng rất nhiều hình thức độc thoại nội tâm?

A. Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (trích Truyện Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu)

B. Làng (Kim Lân)

C. Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)

D. Kiều binh nổi loạn (trích Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô gia văn phái)

*** Phần tự luận:**

Câu 1 (1,0 điểm): Nhan đề "Sợi tóc" gợi cho anh/chị những suy nghĩ nào? Qua nhan đề này, tác giả Thạch Lam muốn gửi gắm thông điệp gì?

Câu 2 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 8-10 câu) bàn về vai trò của đức tính trung thực

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Hãy viết một bài văn nghị luận để phân tích, đánh giá về nhân vật Thành trong truyện ngắn "Sợi tóc" của nhà văn Thạch Lam.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN PHẦN I – ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

*** Trắc nghiệm (3,0 điểm)**

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	C	A	D	B

*** Tự luận (3,0 điểm)**

Câu 7. (1,0 điểm)

- **Nhan đề:** Sợi tóc rất hay ý nghĩa và mang tính ẩn dụ cao. Ranh giới giữa thiện và ác; giữa ngay và gian; giữ chính và tà, đó là ranh giới vô cùng mong manh, mong manh như một sợi tóc. Nếu con người ta không có bản lĩnh, không có thiên lương trong sáng thì có thể đánh mất mình bất cứ lúc nào. Cho nên, cách đặt nhan đề "Sợi tóc" rất hay và phù hợp với tư tưởng chủ đề của truyện.

+ Học sinh chỉ ra được tình huống truyện: 0,25 điểm.

+ Nêu được tư tưởng chủ đề: 0,25 điểm.

- HS nêu được thông điệp phù hợp: **0,5 điểm**

+ HS nêu thông điệp chưa sát nội dung chính và tư tưởng chủ đề được 0,25 điểm/ khi nêu không có từ: Hãy/ nên/ chớ/ đừng/ cần... thì chỉ được 0,25 điểm

Câu 8. (2,0 điểm)

*** Hình thức (1,0 điểm)**

- HS xác định đúng vấn đề nghị luận: vai trò của đức tính trung thực - **0,25 điểm**.

- HS đảm bảo hình thức đoạn văn: lùi vào đầu dòng; viết thành một đoạn **0,25 điểm**.

- HS đảm bảo dung lượng đoạn văn: Nếu viết ngắn hơn số câu quy định bị trừ - **0,25 điểm**.

- Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt: Nếu sai 3 lỗi chính tả; lỗi ngữ pháp thì trừ - **0,25 điểm**.

*** Nội dung (1 điểm)**

- **Giải thích** được khái niệm: **0,25 điểm**

+ Trung thực là thật thà, không gian dối; tôn trọng sự thật; phản ánh mọi vấn đề theo cách khách quan.

- **Phân tích, bàn luận** được vấn đề: **0,75 điểm**

+ **Vai trò của trung thực:** mang lại bình yên, thanh thản; có được niềm tin, sự yêu quý của mọi người; biết nhìn thẳng vào sự thật để cố gắng; thúc đẩy sự phát triển của bản thân, của xã hội...

+ **Chứng minh:** HS lấy dẫn chứng để chứng minh.

+ **Phản đề:** Phê phán những kẻ sống gian dối, sống ảo, không dám nhìn thẳng vào sự thực; không dám sống là chính mình.

+ **Liên hệ** => Kết luận.

PHẦN II – VIẾT (4,0 điểm)

Yêu cầu cần đạt	Điểm
- Bài viết đảm bảo cấu trúc bài nghị luận, đủ bố cục 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài	0,25
- Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,25
- Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp	0,25
- Diễn đạt sáng tạo	0,25
Hướng triển khai bài viết	
I – Mở bài	
- Giới thiệu tác giả Thạch Lam, tác phẩm "Sợi tóc"	0,25
- Giới thiệu nhân vật và nêu đặc điểm nổi bật của nhân vật: <i>Thành là người đã dũng cảm, bản lĩnh đấu tranh chống lại nghịch cảnh, cảm dỗ để sống thiện lương.</i>	0,25
II – Thân bài	
1. Khái quát chung	

(Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề, tình huống truyện, phong cách tác giả...)	0,25
2. Tóm tắt hoàn cảnh của nhân vật - Thành đã kể lại câu chuyện của mình một cách rất chân thực. Tình huống diễn ra từ sự nhầm lẫn của Bản. Lúc này đồng tiền trong áo Bản có một ma lực rất ghê gớm.	0,25
3. Phân tích đặc điểm nhân vật: <i>(HS cần đảm bảo các ý như dưới đây)</i> - Thành là một kẻ thạo đời, sành chơi. - Thành cũng có những ý nghĩ không được lành mạnh, tốt đẹp (định lấy tiền của Bản) - Thành đã có sự đấu tranh rất mạnh mẽ, quyết liệt để đi đến quyết định không lấy tiền của Bản => Hành động rất dũng cảm, cao đẹp => Bản lĩnh, lương tri đã lên tiếng đúng lúc để giữ cho mình vẻ đẹp lương thiện, trung thực => Thành tìm được cảm giác khoan khoái, bình yên nơi cõi lòng. => Quyết định của Thành thật đáng trân trọng => Chiến thắng chính mình là khó nhất nhưng cũng vinh quang nhất.	1,5
4. Đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật - Ngôi kể thứ nhất; kết cấu truyện lồng truyện. - Cốt truyện rất đơn giản, nhẹ nhàng; - Tình huống nhầm lẫn của Bản đã đặt Thành vào nghịch cảnh trở trêu => thử thách bản lĩnh, lương tri nhân vật. - Miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo; cách giải quyết xung đột trong nội tâm nhân vật bất ngờ, tự nhiên, hợp lí. => Thành công trong việc xây dựng nhân vật => gieo vào lòng người đọc cú bện bện, đọc xong cứ phải nghĩ.	0,25
III – Kết bài - Khẳng định lại đặc điểm nhân vật và liên hệ mở rộng (nếu có)	0,5

ĐỀ 4. Truyện thứ tư **Tiệc xòe vui nhất**

Hà thị E là con gái trưởng bản Hà Văn Nó. Hiếm có người xinh đẹp như ẹ Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú — Nàng Ủa, tiếng nói của nàng dịu dàng. Khi nàng cười, tiếng cười trong vắt và vô tư lự. E xinh đẹp đã đành nhưng đức hạnh của nàng cũng ít có người bì kịp. Nàng là niềm tự hào của người Hua Tát. Cả bản mong nàng tìm được người chồng xứng đáng, trưởng bản Hà Văn Nó cũng muốn thế, các cô lão trong bản cũng muốn thế. Trao người con gái xinh đẹp như E cho người không xứng đáng là có tội với Then vì nàng là quà tặng của Then với người Hua Tát. Chọn ai bây giờ? Người ta đưa việc chọn chồng của E ra bản. Người muốn xin làm rể trưởng bản Hà Văn Nó có rất nhiều. Trai trong bản Hua Tát cũng có, trai ngoài bản Hua Tát cũng có. Các cô lão trong bản Hua Tát thức trắng một đêm, uống hết năm vò rượu cần rồi quyết định sẽ làm một cuộc thi tài để chọn người nào có đức tính quý nhất mà khó kiếm nhất làm chồng của E. Đức tính quý nhất và khó kiếm nhất là đức tính gì? Ai là người có đức tính ấy? Các chàng trai ngồi tùm bên các bếp lửa bàn bạc, không biết bao nhiêu là rượu và thịt tiêu ma. Lốp trẻ bây giờ không thể suy nghĩ bằng nước lã được, đã đành...

Một bữa kia có chàng trai dáng vẻ hùng dũng đến nói với trưởng bản và các cô lão:

– Dũng cảm là đức tính quý nhất và khó kiếm nhất. Tôi là người có đức tính ấy!

– Cứ chứng minh xem! Trưởng bản trả lời

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng vác về một con lợn lòi bị chàng bắn chết. Con lợn lòi đến hơn tạ thịt, lông cứng tua tủa như lông nhím, chết rồi mà hai con mắt đỏ lù của nó vẫn ngầu sắc máu. Chàng vớt con lợn xuống sàn, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản hỏi con gái:

– Con xem, chàng trai thực sự dũng cảm. Chàng ấy đã chứng minh đức tính dũng cảm của mình...

E mỉm cười, trái tim của nàng rung động khi nhìn thấy đôi mắt dũng cảm của người cầu hôn. Đôi mắt ấy như có ánh lửa. Nhưng vốn thông minh, E biết, những người dũng cảm sẽ mãi mê với sự nghiệp của mình.

E trả lời:

– Đúng thế, thưa cha! Chàng trai đã chứng minh được đức tính dũng cảm của mình...đức tính thật là đáng quý...Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều chàng đã chứng minh được nó...

Các bộ lão gật gù. Người ta đồng ý với lời E nói. Con lợn được mổ thịt. Cả bản xòe suốt đêm để mừng đức tính dũng cảm, đức tính đáng quý nhưng không khó kiếm. Nhiều người con trai chân chính ở rừng có đức tính này..

Một lần khác, có một chàng trai trông thông minh sáng sủa đến nói với trưởng bản và các bộ lão:

– Khôn ngoan là đức tính đáng quý và khó kiếm! Tôi là người có đức tính ấy!

– Cứ chứng minh xem! Các bộ lão nói với chàng trai

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng mang về một đôi rái cá còn nguyên vẹn. Rái cá là con vật khôn ngoan nhất rừng, nó vô cùng tinh nhạy, bắt nó gần như là việc sức người không thể làm được. Chàng trai mỉm cười, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản nói với con gái:

– Con xem, chàng trai thực sự khôn ngoan. Chàng ấy đã chứng minh đức tính khôn ngoan của mình...

E mỉm cười, lại một lần nữa trái tim của nàng rung động. Đôi mắt người cầu hôn có ánh lửa, có giống bão. Nhưng, những người khôn ngoan bao giờ cũng sẽ đau khổ, thậm chí bất hạnh. Họ biết quá nhiều..

E trả lời:

– Thưa cha, chàng trai cũng đã chứng minh được đức tính đáng quý của mình. Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc cũng không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều, chàng lại chứng minh được nó...

Các bộ lão gật gù. Người ta làm thịt đôi rái cá. Cả bản lại xòe suốt đêm để mừng đức tính đáng quý nhưng không có kiếm. Những người con trai chân chính ở rừng đều cần có đức tính này..

Một lần khác nữa, có một chàng trai béo phị cưỡi ngựa đến bản. Chàng béo nói:

– Giàu có là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất. Tôi là người giàu có.

Chàng béo đổ ra sàn không biết bao nhiêu là vàng và bạc trắng. Mọi người hoa mắt. Trưởng bản và các bộ lão ngồi nín lặng. Chưa bao giờ họ thấy có người giàu có như thế.

– Giàu có là điều không phải chứng minh!...Chàng béo nói.

Các bộ lão gật gù. Trưởng bản cũng gật gù. Chàng béo mỉm cười, mắt chàng có ánh lửa, có giống bão, có cả đêm tối nữa. Người chàng như có hào quang.

Trưởng bản hỏi E:

– Thế nào, con gái ạ.. Giàu có có phải là đức tính đáng quý và khó kiếm không con?

– Khó kiếm thì đúng – E trả lời – Nhưng giàu có không phải là đức tính. Giả dối thì đúng là một đức tính. Không thể giàu có mà không giả dối...

Các bô lão cười phá lên. Người ta lại xòe suốt đêm để mừng con người giàu có.

Cuối cùng có một chàng trai trong bản Hua Tát tìm đến gặp trưởng bản và các bô lão. Đây là Hặc, chàng trai mồ côi, một thợ săn xuất sắc nhất bản. Hặc nói với mọi người:

– Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất!

– Cứ chứng minh xem! Mọi người bảo chàng. Hặc trả lời:

– Trung thực không phải là cái vòng bạc ở cổ đưa ra cho mọi người trông thấy, sờ tay vào nó.

Mọi người xôn xao, các bô lão bàn tán. Trưởng bản tức giận, mặt ông đỏ bừng như lửa:

– Phải chứng minh! Trưởng bản hét lên, ông đã nhìn thấy đôi mắt triu mến của E nhìn Hặc.

– Ai tin mày? Ai bảo mày có đức tính trung thực? Trưởng bản hỏi.

– Then biết! Hặc trả lời.

– Cả con cũng biết! E nói nghiêm trang.

– Điên rồ! Trưởng bản gầm lên. Ông nhìn sang các bô lão cầu cứu. Ông biết, người già bao giờ cũng tìm ra lối thoát đơn giản cho mọi rắc rối trên đời.

– Hãy cầu Then đi! Một vị bô lão bảo Hặc. Trời đang hạn hán, tất cả mó nước⁶ đều đã cạn khô. Nếu con trung thực, con hãy cầu Then mưa xuống!

Trưa hôm sau, dân bản Hua Tát lập đàn cầu đảo, không khí oi nồng ngột ngạt. Hặc bước lên đàn, chàng ngược đôi mắt trang nghiêm nhìn trời. Chàng nói:

– Con sống trung thực, dầu biết trung thực bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi! Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống...

Trời cao tĩnh lặng. Bỗng nhiên từ đâu đó xa xôi có một cơn gió mơ hồ thổi về. Tất cả ngọn cây trên rừng xào xạc. Mặt đất bắt đầu xuất hiện những cơn lốc nhỏ.

Buổi chiều, bầu trời đầy mây vần vũ và khi đêm xuống thì mưa như trút.

Lần ấy, người ta đã xòe suốt một tuần trăng để mừng đám cưới của Hặc với con gái trưởng bản.

Đây là tiệc xòe vui nhất ở bản Hua Tát. Cả bản đều say khướt. Từng cái cột nhà, thậm chí đến từng cái cây trong vườn cũng được mời uống một sừng rượu đại.

III. CÂU CHUYỆN QUÀ TẶNG CUỘC SỐNG

ĐỀ 1. PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CHIẾC BÌNH NỨT

“Một người gửi nước ở Ấn Độ có hai cái bình gốm lớn, mỗi cái được cột vào đầu một đòn gánh để anh ta gánh về nhà. Một trong hai cái bình còn rất tốt và không bị rò rỉ chỗ nào cả. Cái còn lại có một vết nứt nên sau quãng đường dài đi bộ về nhà, nước bên trong chỉ còn lại có một nửa.

Suốt hai năm trời dài đằng đẳng ấy, anh ta vẫn sử dụng hai cái bình gửi nước đó. Mặc dù lượng nước mà anh ta mang về nhà không còn nguyên vẹn. Và lẽ dĩ nhiên, cái bình tốt tỏ vẻ hãnh diện về sự hoàn hảo của mình, trong khi cái bình nứt vô cùng xấu hổ và có cảm giác thất bại.

Một ngày nọ, bên dòng suối, cái bình nứt đã thưa chuyện với người gửi nước: “Tôi rất xấu hổ về bản thân và muốn nói lời xin lỗi ông. Suốt hai năm qua, do vết nứt của tôi mà nước đã bị rò rỉ trên đường về nhà, ông đã làm việc chăm chỉ nhưng kết quả mang lại cho ông đã không hoàn toàn như ông mong đợi.”

Người gửi nước nói với cái bình nứt: “Khi chúng ta trên đường về nhà, ta muốn người chú ý đến những bông hoa tươi đẹp mọc bên vệ đường.”

Quả thật, cái bình nứt đã nhìn thấy những bông hoa tươi đẹp dưới ánh nắng mặt trời ấm áp trên đường về nhà và điều này khuyến khích được nó đôi chút. Nhưng khi đến cuối đường mòn, nó vẫn cảm thấy rất tệ bởi nước đã chảy ra rất nhiều, một lần nữa nó lại xin lỗi người gùi nước.

Người gùi nước liền nói: "Người có thấy rằng những bông hoa kia chỉ nở một bên vệ đường, chỉ phía bên người không? Thật ra, ta đã biết về vết nứt của người, ta đã gieo một số hạt hoa ở vệ đường phía bên người, và mỗi ngày khi ta gùi nước về nhà, ta đã tưới chúng bằng nước từ chỗ rò rỉ của người. Hai năm qua, ta có thể hái những bông hoa tươi tắn ấy về nhà. Không có vết nứt của người, ta đã không có những bông hoa để làm đẹp cho ngôi nhà của mình".

(Nguồn Internet. <https://www.songhaysongdep.com>)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Truyện *Chiếc bình nứt* được kể theo ngôi nào?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Không có ngôi kể

Câu 2: Truyện *Chiếc bình nứt* được kể bằng lời kể của ai?

- A. Lời của người dẫn chuyện
- B. Lời của cái bình lành
- C. Lời của người gánh nước
- D. Lời của cái bình nứt

Câu 3: Xác định thành phần được mở rộng trong câu trên “*Suốt hai năm trời dài đằng đẵng ấy, anh ta vẫn sử dụng hai cái bình gùi nước đó.*”

- A. Trạng ngữ
- B. Chủ ngữ
- C. Vị ngữ
- D. Chủ ngữ và vị ngữ

Câu 4: Thông điệp mà văn bản trên muốn gửi đến người đọc là gì?

- A. Kể chuyện về chiếc bình nứt và những bông hoa.
- B. Câu chuyện về chiếc bình nứt và bác nông dân.
- C. Bài học về sự bao dung của ông chủ với chiếc bình nứt.
- D. Bài học về cách ứng xử của con người trong cuộc sống.

Câu 5: Xác định biện pháp nghệ thuật qua đoạn văn: *Một ngày nọ, bên dòng suối, cái bình nứt đã thưa chuyện với người gùi nước: "Tôi rất xấu hổ về bản thân và muốn nói lời xin lỗi ông. Suốt hai năm qua, do vết nứt của tôi mà nước đã bị rò rỉ trên đường về nhà, ông đã làm việc chăm chỉ nhưng kết quả mang lại cho ông đã không hoàn toàn như ông mong đợi".*

- A. Hoán dụ
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Nói giảm, nói tránh.

Câu 6: Trong truyện, hình ảnh những bông hoa nở ven đường có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tượng trưng cho thiên nhiên tươi đẹp.
- B. Làm cho chiếc bình nứt buồn bã và thất vọng hơn.
- C. Sự ứng xử tốt đẹp với những khiếm khuyết của người khác sẽ mang lại những điều tốt đẹp.
- D. Tượng trưng cho lòng tốt của người gùi nước.

Câu 7: Trong câu chuyện trên, chi tiết “vết nứt trên chiếc bình” có ý nghĩa gì?

- A. Sự cầu thả, không nghiêm túc trong công việc.
- B. Những hạn chế, khiếm khuyết trong mỗi con người.
- C. Những điều xấu xa, không tốt đẹp trong cuộc sống.
- D. Những điều sai trái, thiếu sót trong cuộc sống.

Câu 8: Từ “hoàn hảo” trong câu: “*Và lẽ dĩ nhiên, cái bình tốt tỏ vẻ hãnh diện về sự hoàn hảo của mình, trong khi cái bình nứt vô cùng xấu hổ và có cảm giác thất bại*” có nghĩa là gì?

A. Tự hào quá mức về bản thân.

B. Tốt đẹp, không có sai sót.

C. Không có khuyết điểm.

D. Trơn vẹn, tốt đẹp hoàn toàn.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9 (2.0 điểm) "Chiếc bình nứt" đã có lời nói và thái độ như thế nào với "người gửi nước"? Qua đó, em hãy nhận xét về tính cách của "chiếc bình nứt".

Câu 10 (2.0 điểm) Em hãy viết đoạn văn khoảng (6-8 câu) ghi lại cảm nghĩ của em về cách ứng xử của "người gửi nước" với "chiếc bình nứt".

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,25
	2	A	0,25
	3	A	0,25
	4	D	0,25
	5	B	0,25
	6	C	0,25
	7	B	0,25
	8	D	0,25
	9	- "Chiếc bình nứt" đã có: + Lời nói: <i>"Tôi rất xấu hổ về bản thân và muốn nói lời xin lỗi ông. Suốt hai năm qua, do vết nứt của tôi mà nước đã bị rò rỉ trên đường về nhà, ông đã làm việc chăm chỉ nhưng kết quả mang lại cho ông đã không hoàn toàn như ông mong đợi"</i>. + Thái độ: xấu hổ, day dứt, xin lỗi rất thành khẩn khi làm rò rỉ nước. - Tính cách của "chiếc bình nứt": giàu lòng tự trọng, biết xấu hổ, biết nhận lỗi vì những khiếm khuyết của mình khiến "không mang lại kết quả" "như mong đợi".	0,5 0,5 1,0
	10	b. Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu: Cách ứng xử của "người gửi nước". - Về hình thức: + Lùi vào đầu dòng một ô. + Đủ 6-8 câu. - Về nội dung: + Nêu lại cách ứng xử của "người gửi nước": biết chiếc bình bị nứt, không đựng được nhiều nước nhưng ông cũng không thay thế, ghét bỏ mà ngược lại vẫn sử dụng nó trong suốt hai năm. + Khi chiếc bình nứt xấu hổ, xin lỗi, "người gửi nước" không những trách mắng mà ngược lại còn khẳng định	0,5 0,5

		"không có vết nứt ta không có những bông hoa làm đẹp cho ngôi nhà". => Nghĩa là khẳng định vai trò, ý nghĩa của chiếc vết nứt bằng thái độ trân trọng, cảm ơn. + Nhận xét về cách ứng xử đó: Cách ứng xử cao đẹp, nhân văn, nghĩa tình. => Nếu ai cũng ứng xử với những khiếm khuyết của người như vậy thì cuộc đời tươi đẹp biết bao nhiêu.	0,5 0,5
--	--	--	----------------

ĐỀ 2. ĐỀ 1. I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn vừa cũ, lại rộng nữa. Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: “Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao?”. Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt là mới thôi. “Hát hay quá!”. Một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi.

Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Cụ vỗ tay nói lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!”. Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.

Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.

“Cụ già ấy đã qua đời rồi, cụ ấy không nghe đã hơn 20 năm nay”. Một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người. Một cụ già ngày ngày vẫn chăm chú lắng nghe và khen cô hát lại là một người không có khả năng nghe?

(<https://truyencotich.vn/quia-tang-cuoc-song>)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm B. Miêu tả C. Tự sự D. Nghị luận

Câu 2. Chủ đề của văn bản trên là:

- A. Lối sống sẻ chia, giàu tình thương yêu. B. Lòng biết ơn
C. Đức tính trung thực D. Lòng hiếu thảo

Câu 3. Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

- A. Cô bé B. Người kể chuyện giấu mặt C. Ông cụ D. Người thầy giáo

Câu 4. Vì sao cô bé buồn, tủi khóc một mình trong công viên ?

- A. Vì cô không có quần áo đẹp. B. Vì cô không có ai chơi cùng.
C. Vì cô bé bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. D. Vì cô bé bị mẹ mắng

Câu 5. Cụm từ *một buổi chiều mùa đông* trong câu văn “Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không” là thành phần mở rộng trạng ngữ bởi?

- A. Vị ngữ B. Cụm danh từ C. Cụm động từ D. Cụm tính từ

Câu 6. Câu văn “Cụ già ấy đã qua đời rồi, cụ ấy không nghe đã hơn 20 năm nay” đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Điệp ngữ B. Đảo ngữ C. Nói giảm nói tránh D. Liệt kê

Câu 7. Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện ?

- A. Là một người kiên nhẫn. B. Là một con người hiền hậu.
C. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác.
D. Là một người trung thực, nhân hậu.

Câu 8. Tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện là gì ?

- A. Cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô hát lại là một người không có khả năng nghe.
B. Cụ già đã qua đời.
C. Cô bé không được gặp lại ông cụ nữa D. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng.

Câu 9. Theo em, vì sao câu chuyện có tên là “Đôi tai của tâm hồn”?

Câu 10. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?